KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

LÊ ANH VINH (Chủ biên)
NGUYỄN ÁNG – VŨ VĂN DƯƠNG – NGUYỄN MINH HẢI
HOÀNG QUẾ HƯỜNG – VŨ VĂN LUÂN – BÙI BÁ MẠNH

Vở bài tập TOÁN 4

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LÊ ANH VINH (Chủ biên)
NGUYỄN ÁNG – VŨ VĂN DƯƠNG – NGUYỄN MINH HẢI
HOÀNG QUẾ HƯỜNG – VŨ VĂN LUÂN – BÙI BÁ MẠNH

Vở bài tập TOÁN 4

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TẬP MỘT

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Vở bài tập Toán 4 được biên soạn dành riêng cho các em, giúp các em củng cố, hoàn thiện nội dung đã học trong sách giáo khoa Toán 4.

Vở bài tập Toán 4 chủ yếu gồm các bài luyện tập, thực hành có cùng nội dung, mức độ như các bài tập trong sách giáo khoa Toán 4, chỉ khác về hình thức thể hiện và số liệu. Cách làm các bài tập trong vở này cũng tương tự như cách làm các bài tập trong sách giáo khoa. Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu phát triển năng lực học tập toán và giúp các em cảm nhận được niềm vui học toán, **Vở bài tập Toán 4** còn giới thiệu một số dạng bài tập kiểu mới.

Vì vậy, các em có thể làm bài ở vở này trong thực hành, luyện tập, ôn tập hoặc khi tự học.

Hi vọng cuốn vở này sẽ là người bạn đồng hành gắn bó với các em trong suốt năm học.

Chúc các em học tập chăm chỉ và thành công nhé!

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu 2

Bài 1. Ôn tập các số đến 100 000 5

Bài 2. Ôn tập các phép tính trong phạm vi 100 000 8

Bài 3. Số chẵn, số lẻ 12

Bài 4. Biểu thức chứa chữ 14

Bài 5. Giải bài toán có ba bước tính 17

Bài 6. Luyện tập chung 20

Bài 7. Đo góc, đơn vị đo góc 24

Bài 8. Góc nhọn, góc tù, góc bẹt 27

Bài 9. Luyện tập chung 33

Bài 10. Số có sáu chữ số. Số 1 000 000 36

Bài 11. Hàng và lớp 39

Bài 12. Các số trong phạm vi lớp triệu 43

Bài 13. Làm tròn số đến hàng trăm nghìn 47

Bài 14. So sánh các số có nhiều chữ số 49

Bài 15. Làm quen với dãy số tự nhiên 51

Bài 16. Luyện tập chung 53

Bài 17. Yến, tạ, tấn 57

Bài 18. Đề-xi-mét vuông, mét vuông, mi-li-mét vuông 60

Bài 19. Giây, thế kỉ 66

Bài 20. Thực hành và trải nghiệm sử dụng một số đơn vị đo đại lượng 68

Bài 21. Luyện tập chung 72

Bài 22. Phép cộng các số có nhiều chữ số 75

Bài 23. Phép trừ các số có nhiều chữ số 79
Bài 24. Tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng 82
Bài 25. Tìm hai số biết tổng và hiệu của hai số đó 86
Bài 26. Luyện tập chung 89
Bài 27. Hai đường thẳng vuông góc 94
Bài 28. Thực hành và trải nghiệm vẽ hai đường thẳng vuông góc 97
Bài 29. Hai đường thẳng song song 100
Bài 30. Thực hành và trải nghiệm vẽ hai đường thẳng song song 103
Bài 31. Hình bình hành, hình thoi 105
Bài 32. Luyện tập chung 110
Bài 33. Ôn tập các số đến lớp triệu 115
Bài 34. Ôn tập phép cộng, phép trừ 119
Bài 35. Ôn tập hình học 124
Bài 36. Ôn tập đo lường 129
Bài 37. Ôn tập chung 132

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 1

ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 000

Tiết 1

1 Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

Viết số	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị	Đọc số
41 706	4	1	7	0	6	bốn mươi mốt nghìn bảy trăm linh sáu
	5	3		1	4	năm mươi ba nghìn không trăm mười bốn
			3		5	chín mươi sáu nghìn ba trăm bảy mươi lăm
		9				chín nghìn ba trăm linh chín

2 Nối (theo mẫu).

2 chục nghìn, 5 nghìn, 3 trăm, 7 chục và 1 đơn vị	88 480	Tám mươi tám nghìn bốn trăm tám mươi
6 chục nghìn, 3 nghìn, 1 trăm, 3 chục	25 371	Chín mươi lăm nghìn không trăm linh sáu
8 chục nghìn, 8 nghìn, 4 trăm và 8 chục	95 006	Hai mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi mốt
9 chục nghìn, 5 nghìn và 6 đơn vị	63 130	Sáu mươi ba nghìn một trăm ba mươi

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 8 741 = 8 000 + 700 + 40 + ...

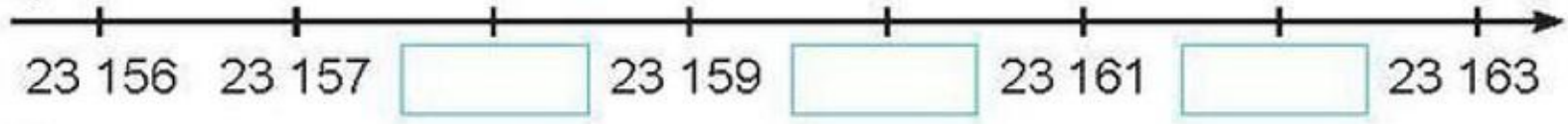
b) 54 283 = 50 000 + 4 000 + ... + 80 + 3

c) 69 240 = 60 000 + 9 000 + 200 + ...

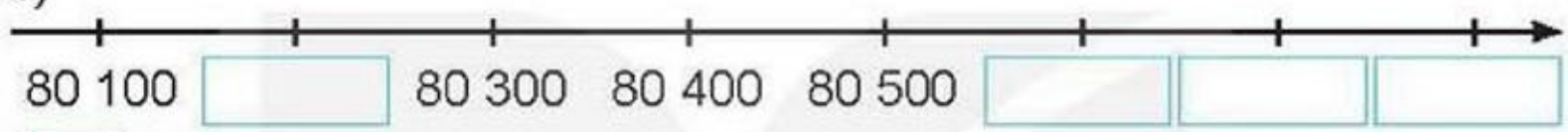
d) 95 602 = 90 000 + 5 000 + ... + 2

4 Số ?

a)



b)



5 Số ?

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
40 317	40 318	
	21 420	21 421
	59 001	
	87 500	

Tiết 2

1 >; <; = ?

a) 10 000 ☐ 9 999

83 689 ☐ 83 700

42 000 ☐ 41 999

b) 7 452 ☐ 7 000 + 500 + 40 + 2

68 704 ☐ 60 000 + 8 000 + 700 + 4

90 990 ☐ 90 000 + 900 + 90

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Trong các số 41 678, 40 768, 39 999, 50 000. Số bé nhất là:

A. 41 678 B. 40 768 C. 39 999 D. 50 000

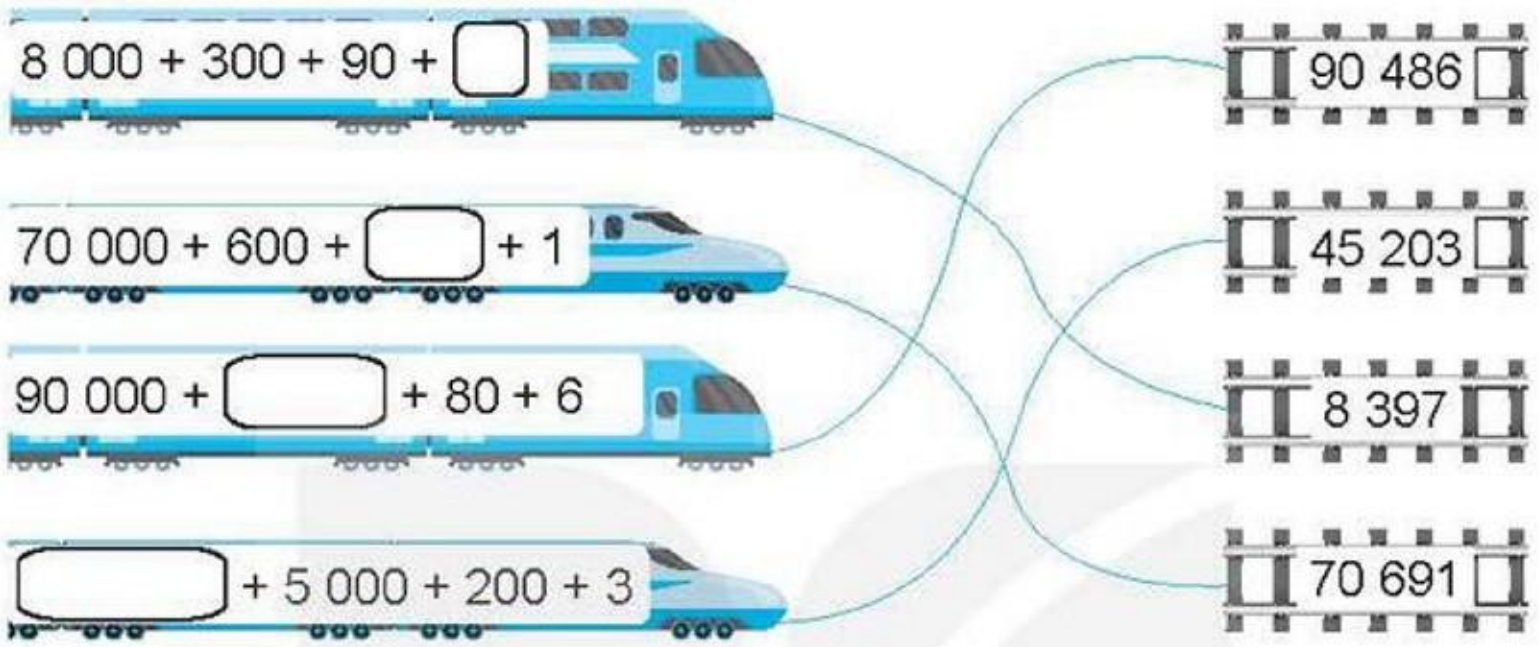
b) Số nào dưới đây có chữ số hàng nghìn là 5?

A. 62 597 B. 85 468 C. 51 490 D. 70 259

c) Số dân của một phường là 16 469 người. Số dân của phường đó làm tròn đến hàng trăm là:

A. 16 400 B. 16 000 C. 16 470 D. 16 500

3 Số ?



4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Trong bốn ngày cuối của tuần chiến dịch tiêm chủng mở rộng, thành phố Đại Dương đã tiêm được số liều vắc-xin Sởi như sau:

Thứ Năm: 29 650 liều vắc-xin Thứ Sáu: 26 986 liều vắc-xin

Thứ Bảy: 31 875 liều vắc-xin Chủ nhật: 32 008 liều vắc-xin

a) Thành phố Đại Dương tiêm được nhiều liều vắc-xin nhất vào ngày ..... Thành phố Đại Dương tiêm được ít liều vắc-xin nhất vào ngày .....

b) Tên các ngày sắp xếp theo thứ tự tiêm được số liều vắc-xin từ nhiều nhất đến ít nhất là .....

5 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Lấy các que tính xếp thành số 39 458 như sau:



– Chuyển chỗ một que tính xếp được số lớn nhất có thể. Số đó là .....

– Chuyển chỗ hai que tính xếp được số bé nhất có thể. Số đó là .....

BÀI 2

ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100 000

Tiết 1

1 Tính nhẩm.

a) 6 000 + 5 000 = ...

14 000 – 8 000 = ...

48 000 + 50 000 = ...

b) 27 000 + 3 000 + 7 000 = ...

52 000 – 2 000 – 30 000 = ...

63 000 + 6 000 – 39 000 = ...

2 Đặt tính rồi tính.

7 538 + 8 291	47 356 + 34 472	42 152 – 926	83 690 – 35 402
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

3 Tính giá trị của biểu thức.

a) 53 820 – (38 517 – 6 517) = ...

= .....

b) 20 400 + 7 250 + 3 250 = ...

= .....

4 Giá một đôi dép là 56 000 đồng, giá một hộp bút ít hơn giá một đôi dép là 43 500 đồng. Mẹ mua cho Lan một đôi dép và một hộp bút. Hỏi mẹ phải trả cho người bán hàng bao nhiêu tiền?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

5 Viết chữ số thích hợp vào ô trống.

a)
$$\begin{array}{r} 4\,9\square\,5\,7 \\ +\quad 3\square\,6\square\,8 \\ \hline \square\,3\,9\,7\square \end{array}$$

b)
$$\begin{array}{r} 8\square\,9\,6\,7 \\ -\quad 5\,6\square\,9\square \\ \hline \square\,8\,3\square\,4 \end{array}$$

Tiết 2

1 Nối các phép tính có cùng kết quả.



2 Đặt tính rồi tính.

6 152 × 4	13 051 × 7	42 516 : 6	72 915 : 9
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
		.....	.....
		.....	.....

3 Có 5 xe ô tô, mỗi xe ô tô chở 3 800 kg muối lên miền núi. Dự kiến tất cả số muối đó được chia đều cho 8 xã. Hỏi mỗi xã sẽ nhận được bao nhiêu ki-lô-gam muối?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

4 Tính giá trị của biểu thức.

a) 24 000 : 6 × 5 = ...

= .....

b) 20 219 × (32 : 8) = ...

= .....

5 Viết chữ số thích hợp vào ô trống.

$$\begin{array}{r} 8\square 0\square \\ \times \qquad 7 \\ \hline \square\square 9\square 2 \end{array}$$

Tiết 3

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Tổng của 46 583 và 7 360 là:

A. 53 843 B. 53 943 C. 43 943 D. 39 223

b) Hiệu của 76 539 và 57 492 là:

A. 19 047 B. 29 147 C. 19 147 D. 19 074

c) Tích của 18 106 và 5 là:

A. 50 530 B. 90 500 C. 90 530 D. 90 503

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

d) Thực hiện phép tính 48 724 : 7 được:

A. Thương là 6 960 và số dư là 11. B. Thương là 696 và số dư là 4.

C. Thương là 6 960 và số dư là 3. D. Thương là 6 960 và số dư là 4.

2 Ở một siêu thị sách, tháng Tám bán được 10 620 quyển sách. Số sách bán được trong tháng Chín giảm 3 lần so với tháng Tám. Hỏi tháng Chín siêu thị đó bán được bao nhiêu quyển sách?

Bài giải

.....

.....

.....

3 Tính giá trị của biểu thức.

a) (49 600 – 25 300) : 9 = ...

= .....

b) 59 360 + 4 050 × 8 = ...

= .....

4 Một cửa hàng xăng dầu nhập về 8 500 *l* dầu. Số lít xăng nhập về gấp 4 lần số lít dầu nhập về. Hỏi cửa hàng đó nhập về tất cả bao nhiêu lít dầu và xăng?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

5 Tính nhẩm.

a) (46 000 – 40 000) × 5 = ...

b) 9 000 + 42 000 : 6 = ...

BÀI 3

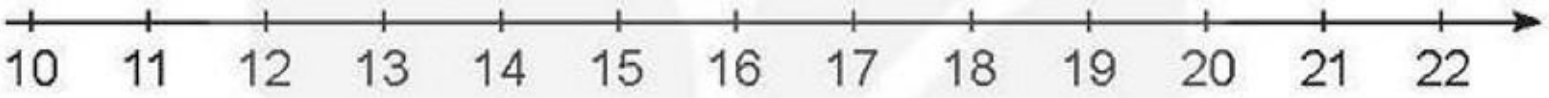
SỐ CHẴN, SỐ LẺ

Tiết 1

1 Khoanh màu đỏ vào số chẵn, màu xanh vào số lẻ trong các số dưới đây.

129	3 150	5 108	371	943
6 565	6 496	872	1 134	207

2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.



Trên tia số có:

– Các số chẵn là: .....

– Các số lẻ là: .....

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Từ 110 đến 131 có ..... số chẵn, có ..... số lẻ.

4 Việt đếm các số cách đều 5 từ 0 đến 100.

Hỏi Việt đã đếm được bao nhiêu số chẵn, bao nhiêu số lẻ?

.....

.....

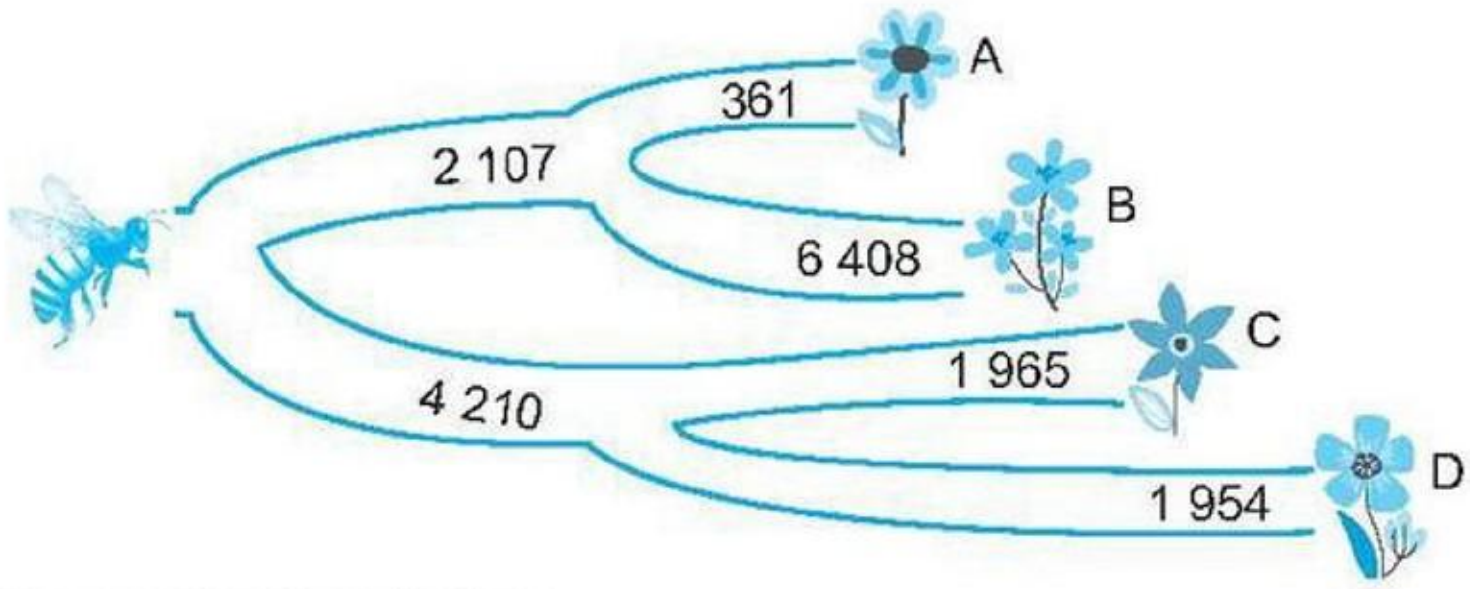
Tiết 2

1 Số ?

a) Bên dãy số chẵn: 

b) Bên dãy số lẻ: 

2 Viết tên bông hoa A, B, C hoặc D thích hợp vào chỗ chấm.



Con ong bay theo đường:

a) Ghi các số chẵn thì đến bông hoa .....

b) Ghi các số lẻ thì đến bông hoa .....

c) Ghi số chẵn rồi đến số lẻ thì đến bông hoa .....

d) Ghi số lẻ rồi đến số chẵn thì đến bông hoa .....

3 a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

– Biết 124 và 126 là hai số chẵn liên tiếp. Hai số chẵn liên tiếp hơn kém nhau ..... đơn vị.

– Biết 127 và 129 là hai số lẻ liên tiếp. Hai số lẻ liên tiếp hơn kém nhau ..... đơn vị.

b) – Viết tiếp các số chẵn để được ba số chẵn liên tiếp.

112			hoặc			

– Viết tiếp các số lẻ để được ba số lẻ liên tiếp.

261			hoặc			

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Từ ba thẻ số 9, 3, 0 lập được:

– Các số lẻ có ba chữ số là: .....

– Các số chẵn có ba chữ số là: .....

BÀI 4

BIỂU THỨC CHỨA CHỮ

Tiết 1

1 Tính giá trị của biểu thức.

a) $20 \times (a + 6)$ với $a = 3$

.....

.....

.....

b) $120 - 72 : b$ với $b = 6$

.....

.....

.....

2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Chu vi P của hình vuông có cạnh a được tính theo công thức: $P = a \times 4$.

– Chu vi của hình vuông với $a = 6$ m là $P =$ ..... $\times 4 =$ ..... m.

– Chu vi của hình vuông với $a = 7$ dm là $P =$ .....

3 a) Nối giá trị của biểu thức $35 + 5 \times a$ (cột bên trái) với kết quả thích hợp (cột bên phải).

Giá trị của biểu thức với $a = 1$	55
Giá trị của biểu thức với $a = 3$	50
Giá trị của biểu thức với $a = 8$	40
Giá trị của biểu thức với $a = 4$	75

b) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Với giá trị nào của a nêu ở trên thì biểu thức $35 + 5 \times a$ có giá trị lớn nhất?

A. $a = 1$ B. $a = 3$ C. $a = 8$ D. $a = 4$

Tiết 2

1 Số ?

Chu vi P của hình chữ nhật có chiều dài a, chiều rộng b (cùng đơn vị đo) được tính theo công thức: $P = (a + b) \times 2$.

Hãy tính chu vi mảnh đất hình chữ nhật theo kích thước như bảng sau:

Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Chu vi mảnh đất (m)
16	9	
42	29	
75	50	

2 a) Tính giá trị của biểu thức $a + b : 2$ với $a = 34$, $b = 16$.

.....

.....

.....

b) Tính giá trị của biểu thức $(a + b) \times 2$ với $a = 28$, $b = 42$.

.....

.....

.....

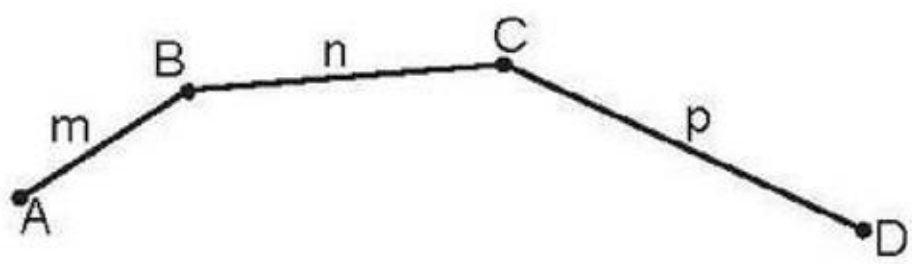
3 Độ dài quãng đường ABCD được tính theo công thức $S = m + n + p$.

Hãy tính độ dài quãng đường ABCD biết độ dài đoạn CD bằng 2 lần độ dài đoạn AB, $m = 5$ km, $n = 8$ km.

.....

.....

.....



.....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Với giá trị nào của m dưới đây thì biểu thức $12 : (3 - m)$ có giá trị bé nhất?

A. $m = 2$ B. $m = 1$ C. $m = 0$

Tiết 3

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Chu vi P của hình tam giác có độ dài ba cạnh lần lượt là a, b, c (cùng đơn vị đo) được tính theo công thức: P = a + b + c.

a) Với a = 62 cm, b = 75 cm, c = 81 cm, P = ... cm.

b) Với a = 50 dm, b = 61 dm, c = 72 dm, P = ... dm.

2 Đ, S ?



m – (n – p)

(A)



m × (n – p)

(B)



m × n – m × p

(C)



m – n + p

(D)

a) (A) = (B) ☐

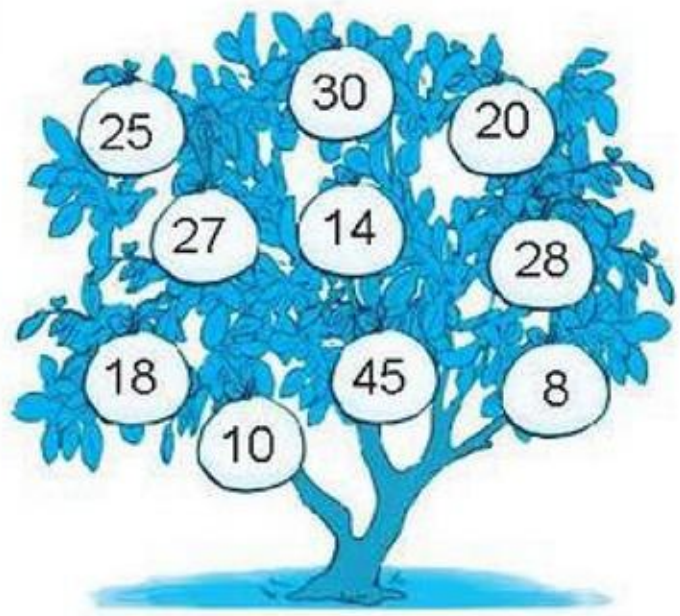
b) (A) = (C) ☐

c) (A) = (D) ☐

d) (B) = (C) ☐

3 Nối mỗi biểu thức với quả bưởi ghi giá trị của biểu thức đó.

a + b (với a = 8, b = 6)		a × 4 (với a = 7)
(m – 3) × 9 (với m = 8)		a × a (với a = 5)
a × 2 + b × 2 (với a = 7, b = 3)		a + b + c (với a = 15, b = 6, c = 7)



BÀI 5 GIẢI BÀI TOÁN CÓ BA BƯỚC TÍNH

Tiết 1

1 Mai đến cửa hàng bán hoa mua 9 bông hoa hồng, mỗi bông giá 6 000 đồng và mua 2 bó hoa cúc, mỗi bó giá 30 000 đồng. Hỏi Mai phải trả cô bán hàng tất cả bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2 Chia 48 cái bánh nướng vào các hộp, mỗi hộp 4 cái và chia 28 cái bánh dẻo vào các hộp, mỗi hộp 2 cái. Hỏi số hộp bánh nướng hay số hộp bánh dẻo có nhiều hơn và nhiều hơn bao nhiêu hộp?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3 Tính chu vi hình tam giác ABC, biết AB = 15 cm, cạnh AC dài gấp 2 lần cạnh AB, cạnh AB ngắn hơn cạnh BC là 10 cm.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Đàn vịt thứ nhất có 1 500 con. Đàn vịt thứ hai có nhiều hơn đàn vịt thứ nhất 400 con. Đàn vịt thứ ba có ít hơn đàn vịt thứ hai 300 con. Hỏi cả ba đàn vịt có bao nhiêu con?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2 Một cửa hàng có 350 m vải hoa. Lần thứ nhất bán được 75 m vải hoa, lần thứ hai bán được gấp đôi số mét vải hoa ở lần thứ nhất, lần thứ ba bán nốt số vải hoa còn lại thì vừa hết. Hỏi lần thứ ba cửa hàng bán được bao nhiêu mét vải hoa?

Bài giải

.....

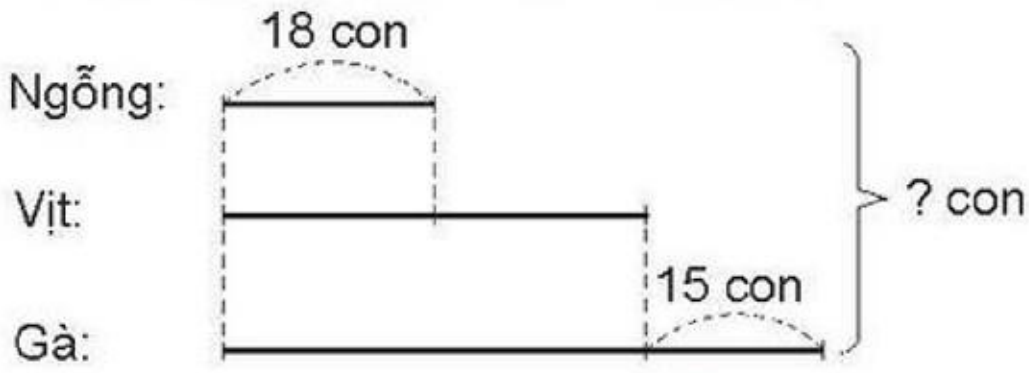
.....

.....

.....

.....

3 Đặt đề toán theo tóm tắt sau rồi giải.



Đề toán

.....

.....

.....

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4 Tóm tắt bài toán rồi giải.

Một cửa hàng, ngày thứ Sáu bán được 12 máy tính, ngày thứ Bảy bán được nhiều hơn ngày thứ Sáu 5 máy tính, ngày Chủ nhật bán được nhiều hơn ngày thứ Bảy 10 máy tính. Hỏi ngày Chủ nhật cửa hàng đó bán được bao nhiêu máy tính?

Tóm tắt

.....

.....

.....

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 6

LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

63 968, 57 379, 56 949, 65 607

Trong các số trên:

a) Số chẵn là: .....

Các số lẻ là: .....

b) Viết theo thứ tự từ lớn đến bé là: .....

c) Làm tròn số bé nhất đến hàng trăm ta được số .....

d) Làm tròn số lớn nhất đến hàng nghìn ta được số .....

2 Đặt tính rồi tính.

53 746 – 6 352

.....

.....

.....

48 207 + 39 568

.....

.....

.....

9 014 × 6

.....

.....

.....

67 219 : 8

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Biểu thức nào dưới đây có giá trị lớn nhất?

A. 30 000 + 20 000 × 2

B. 8 000 × 6 + 40 000

C. 60 000 + 3 000 × 7

b) Biểu thức nào dưới đây có giá trị bé nhất?

A. 90 000 – 6 000 × 5

B. 2 000 + 90 000 : 3

C. 56 000 : 8 + 20 000

4 Một trận đấu bóng đá có 25 827 khán giả vào sân xem trực tiếp, trong đó có 19 473 khán giả nam. Hỏi số khán giả nữ ít hơn số khán giả nam bao nhiêu người?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

5 Tính giá trị của biểu thức.

a) 32 750 – 27 750 : 5 = ...

= .....

b) 3 653 + 5 103 × 9 = ...

= .....

Tiết 2

1 Đặt tính rồi tính và thử lại (theo mẫu).

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 10\,214 \\ \times \\ \qquad 5 \\ \hline 51\,070 \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 56\,962 & 8 \\ \hline 09 & 7\,120 \\ 16 & \\ 02 & \\ 2 & \end{array}$$

Thử lại:

$51\,070 : 5 = 10\,214$

Thử lại:

$7\,120 \times 8 + 2 = 56\,962$

a) $13\,107 \times 9$

.....

.....

.....

Thử lại:

.....

b) $61\,237 : 7$

.....

.....

.....

Thử lại:

.....

2 Tính giá trị của biểu thức.

a) $a + b - 457$ với $a = 643$ và $b = 96$.

$a + b - 457$ = ...

= .....

= .....

b) $1\,304 \times m : n$ với $m = 7$ và $n = 8$.

$1\,304 \times m : n$ = ...

= .....

= .....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Việt mua 8 quyển vở và 1 quyển truyện thiếu nhi. Mỗi quyển vở giá 6 500 đồng, một quyển truyện thiếu nhi giá 18 000 đồng. Việt đưa cho cô bán hàng tờ tiền 100 000 đồng. Hỏi cô bán hàng phải trả lại Việt bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4 Tính giá trị của biểu thức.

a) (13 528 – 7 425) × 5 = ...

= .....

b) 18 463 + 7 520 + 4 380 = ...

= .....

5 Nam hỏi chị Lan: Chị Lan ơi, năm nay chị bao nhiêu tuổi?

Chị Lan trả lời: Năm nay, tuổi của chị là số lẻ bé nhất có hai chữ số khác nhau.

Em hãy cùng Nam tìm tuổi của chị Lan năm nay.

.....

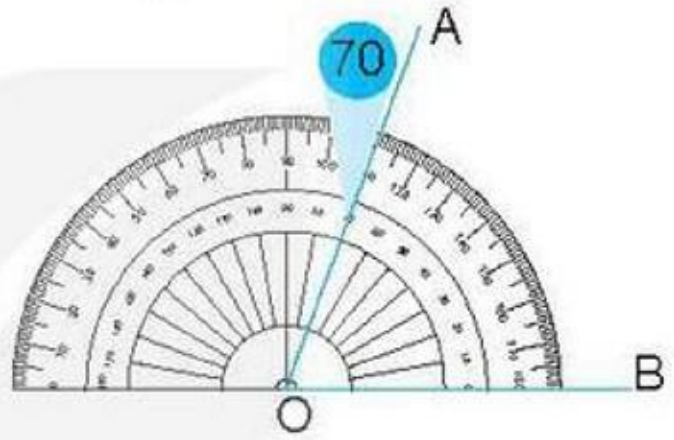
.....

BÀI 7

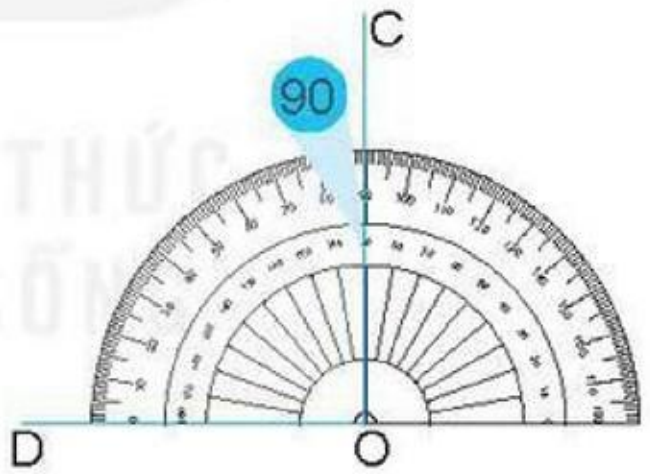
ĐO GÓC, ĐƠN VỊ ĐO GÓC

Tiết 1

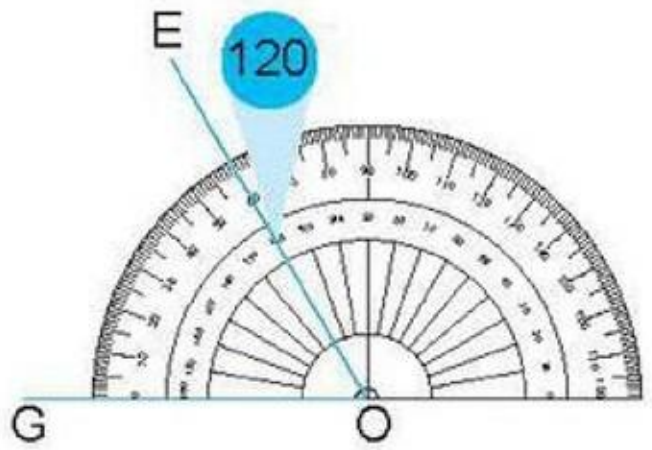
1 Quan sát thước đo góc rồi viết số đo của mỗi góc vào chỗ chấm.



Góc đỉnh O; cạnh OA, OB bằng .....

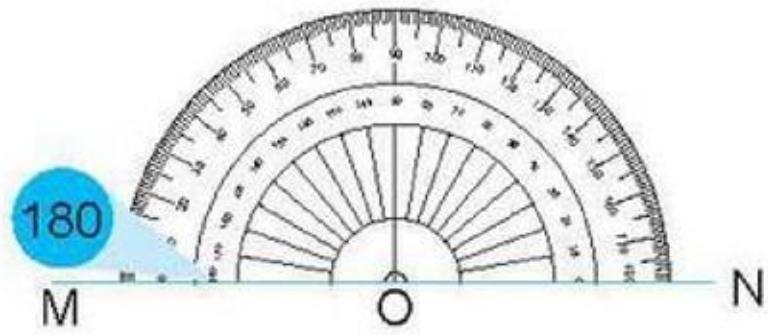


Góc đỉnh O; cạnh OC, OD bằng .....



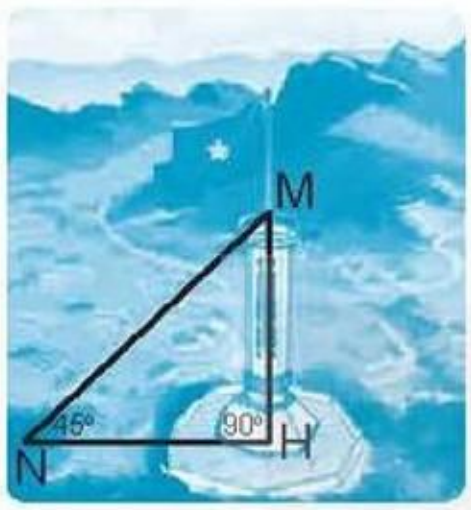
Góc đỉnh O; cạnh OE, OG bằng .....

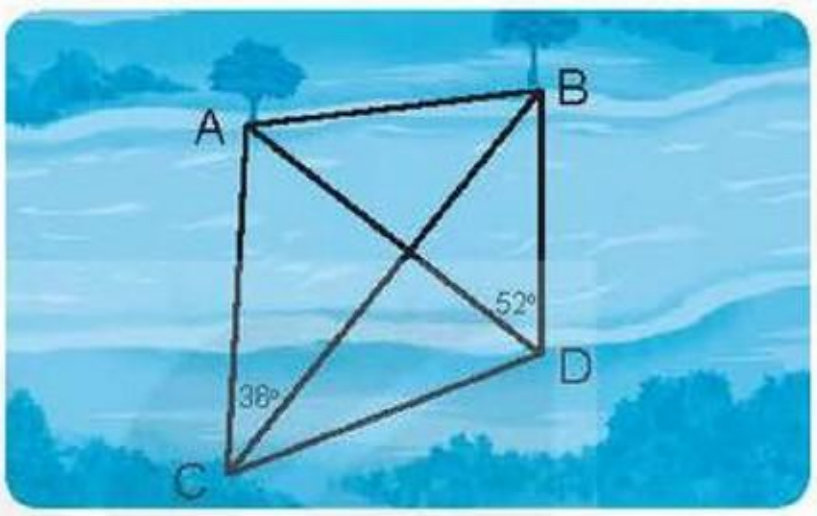
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG



Góc đỉnh O; cạnh OM, ON bằng .....

2





a) Quan sát tranh rồi viết số đo các góc sau:

– Góc đỉnh N; cạnh NM, NH bằng .....

– Góc đỉnh H; cạnh HM, HN bằng .....

– Góc đỉnh C; cạnh CA, CB bằng .....

– Góc đỉnh D; cạnh DA, DB bằng .....

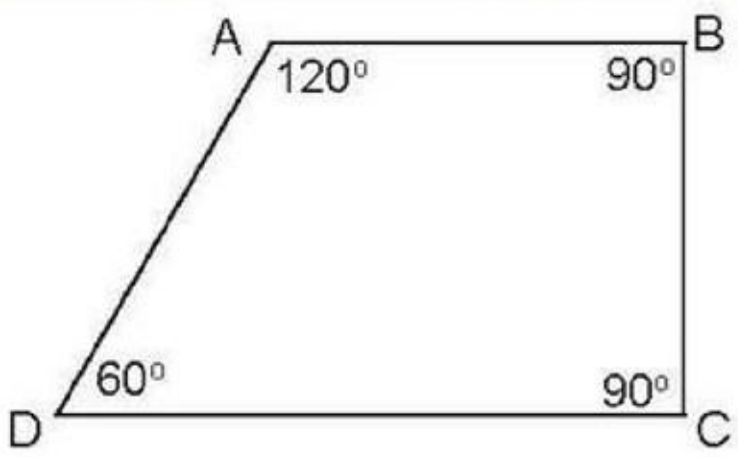
b) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Trong các góc ở câu a, góc có số đo bé nhất là góc đỉnh .....

.....

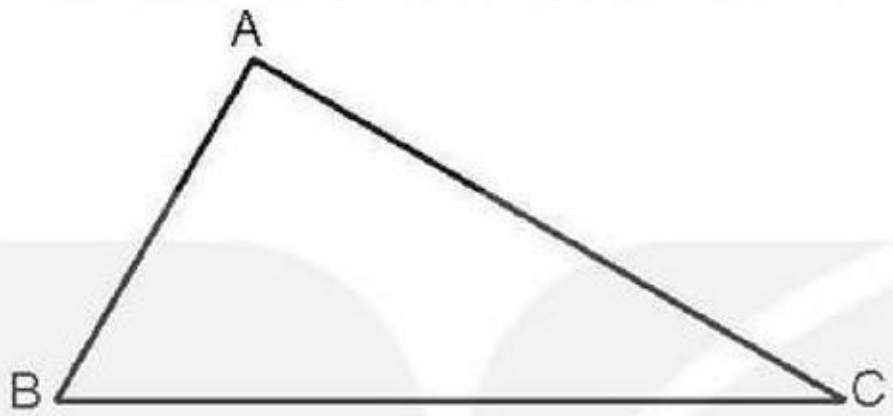
Tiết 2

1 Viết số đo góc vào ô trống.



Góc	Số đo góc
Góc đỉnh A; cạnh AB, AD	
Góc đỉnh B; cạnh BA, BC	
Góc đỉnh C; cạnh CB, CD	
Góc đỉnh D; cạnh DA, DC	

2 Dùng thước đo góc để đo các góc rồi viết vào chỗ chấm.

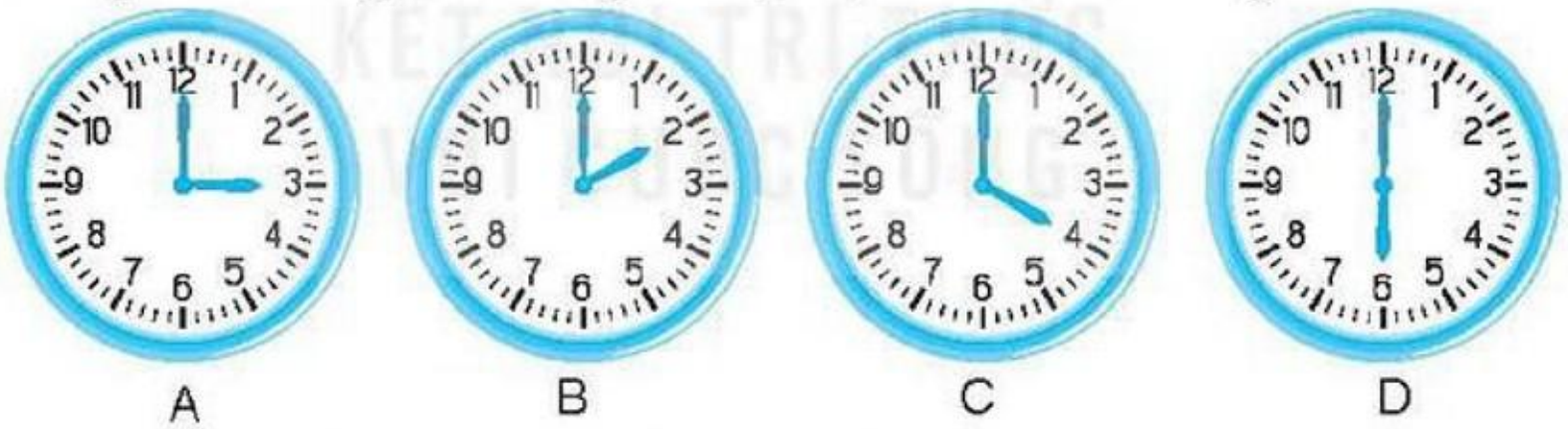


Góc đỉnh A; cạnh AB, AC bằng .....

Góc đỉnh B; cạnh BA, BC bằng .....

Góc đỉnh C; cạnh CA, CB bằng .....

3 Dùng thước đo góc để đo góc được tạo bởi hai kim đồng hồ.



a) Viết số đo góc vào chỗ chấm cho thích hợp.

Hai kim đồng hồ ở đồng hồ A tạo ra góc .....

Hai kim đồng hồ ở đồng hồ B tạo ra góc .....

Hai kim đồng hồ ở đồng hồ C tạo ra góc .....

Hai kim đồng hồ ở đồng hồ D tạo ra góc .....

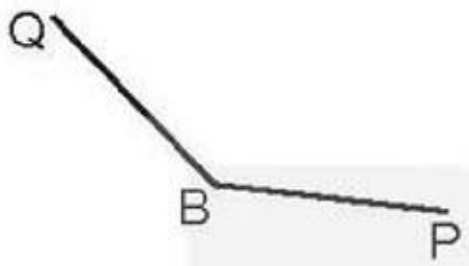
b) Khoanh vào chữ đặt dưới đồng hồ có hai kim đồng hồ tạo ra góc có số đo lớn nhất.

BÀI 8

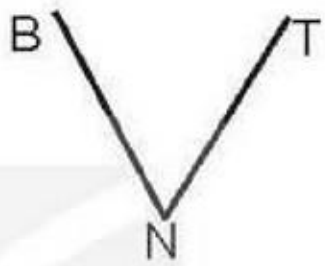
GÓC NHỌN, GÓC TÙ, GÓC BẸT

Tiết 1

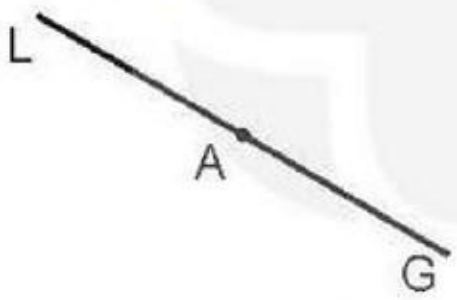
1 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp (theo mẫu).



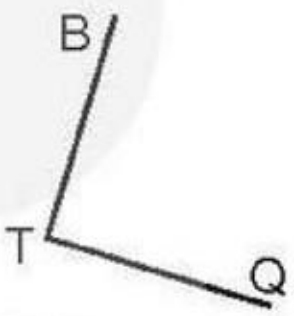
Mẫu: Góc tù



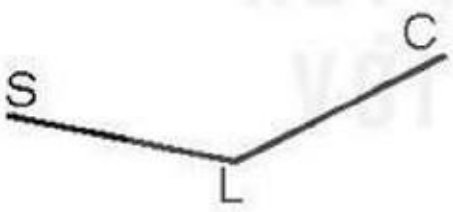
Góc .....



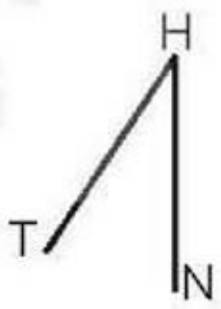
Góc .....



Góc .....

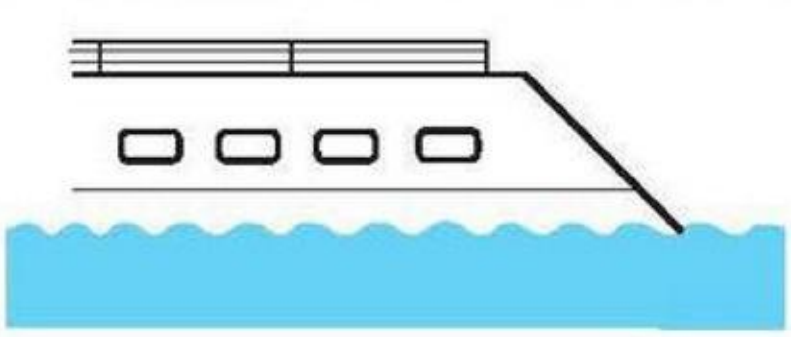


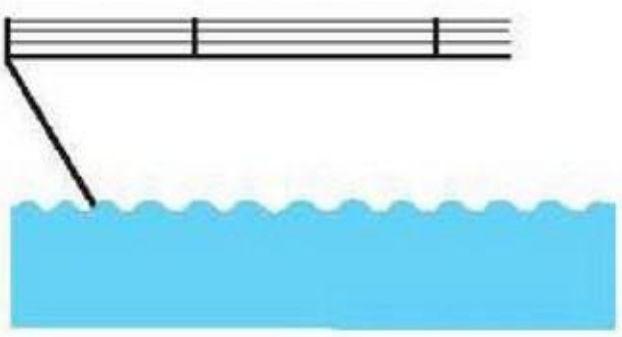
Góc .....



Góc .....

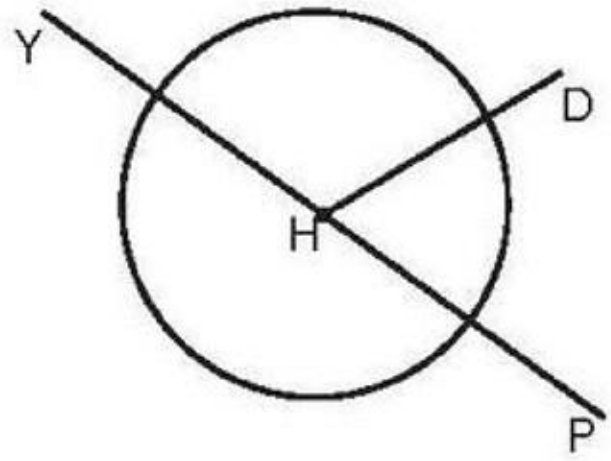
2 Bạn Nam vẽ hai mũi tàu như hình sau. Em hãy ghi chữ A vào con tàu có mũi là một góc tù và chữ B vào con tàu có mũi là một góc nhọn.





KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Rô-bốt cắt chiếc bánh hình tròn thành 3 miếng như hình vẽ dưới đây. Bạn Linh lấy một miếng. Biết rằng:

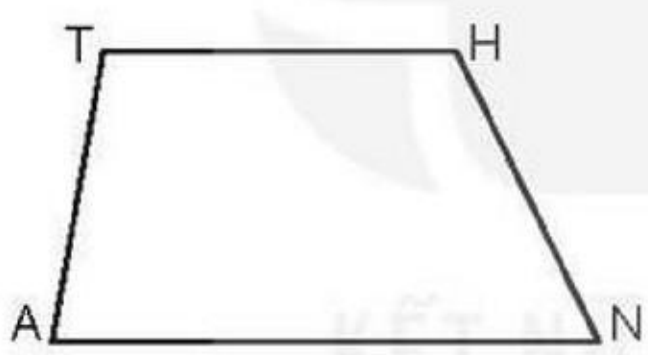


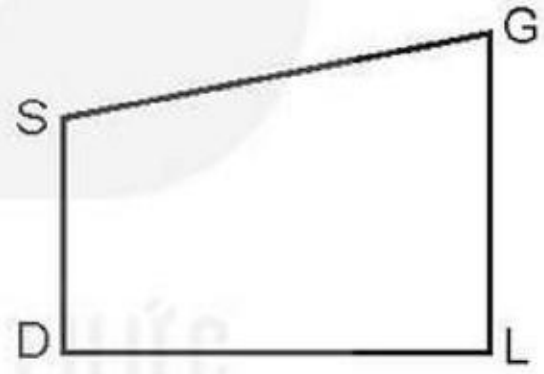
– Linh không lấy miếng bánh lớn nhất.

– Miếng bánh mà Linh lấy có góc ở đỉnh H không phải là góc nhọn.

Em hãy tô màu cho miếng bánh mà Linh đã lấy.

4 Viết tên hình tứ giác thích hợp vào chỗ chấm.





Hình tứ giác ..... có 2 góc nhọn và 2 góc tù. Hình tứ giác ..... có 2 góc vuông.

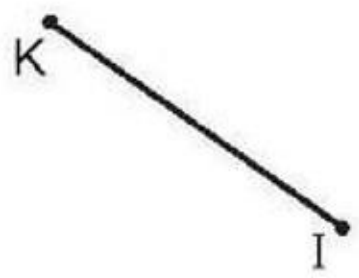
5 a) Vẽ thêm đoạn thẳng XZ để tạo với đoạn thẳng XY một góc nhọn.

b) Vẽ thêm đoạn thẳng OA để tạo với đoạn thẳng OB một góc tù.

c) Vẽ thêm đoạn thẳng IH để tạo với đoạn thẳng IK một góc bẹt.





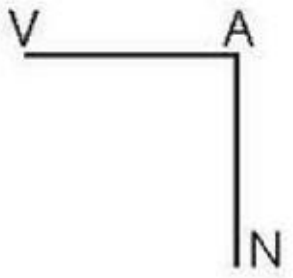


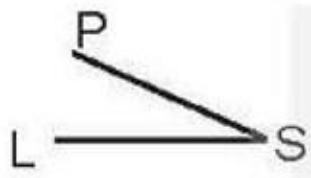
Tiết 2

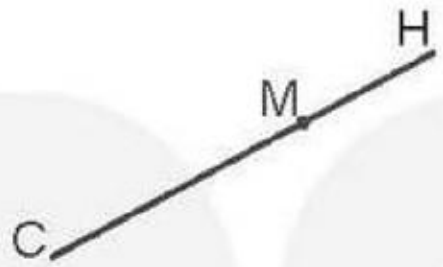
1 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

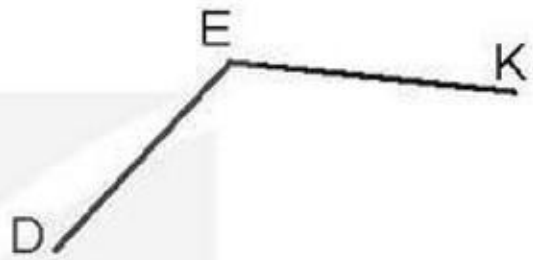












Trong các góc trên:

– Các góc nhọn là: .....

– Các góc tù là: .....

– Góc bẹt là: .....

– Góc vuông là: .....

2 a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Hình bên có ..... góc nhọn, ... góc vuông, ... góc tù.

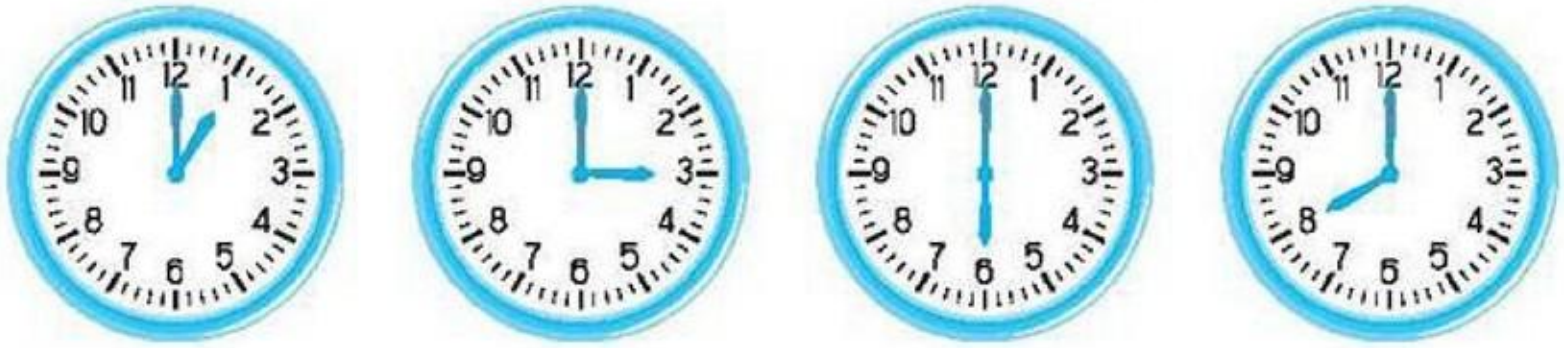
b) Em hãy hoàn thành bảng ghi lại số góc mỗi loại tìm được ở câu a bằng các gạch, mỗi gạch là một góc.



	Góc nhọn	Góc vuông	Góc tù
Số góc			

3 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp (theo mẫu).

Quan sát các mặt đồng hồ sau và cho biết trong các đồng hồ đó, khi nào kim giờ và kim phút tạo thành góc nhọn, góc vuông, góc tù và góc bẹt.



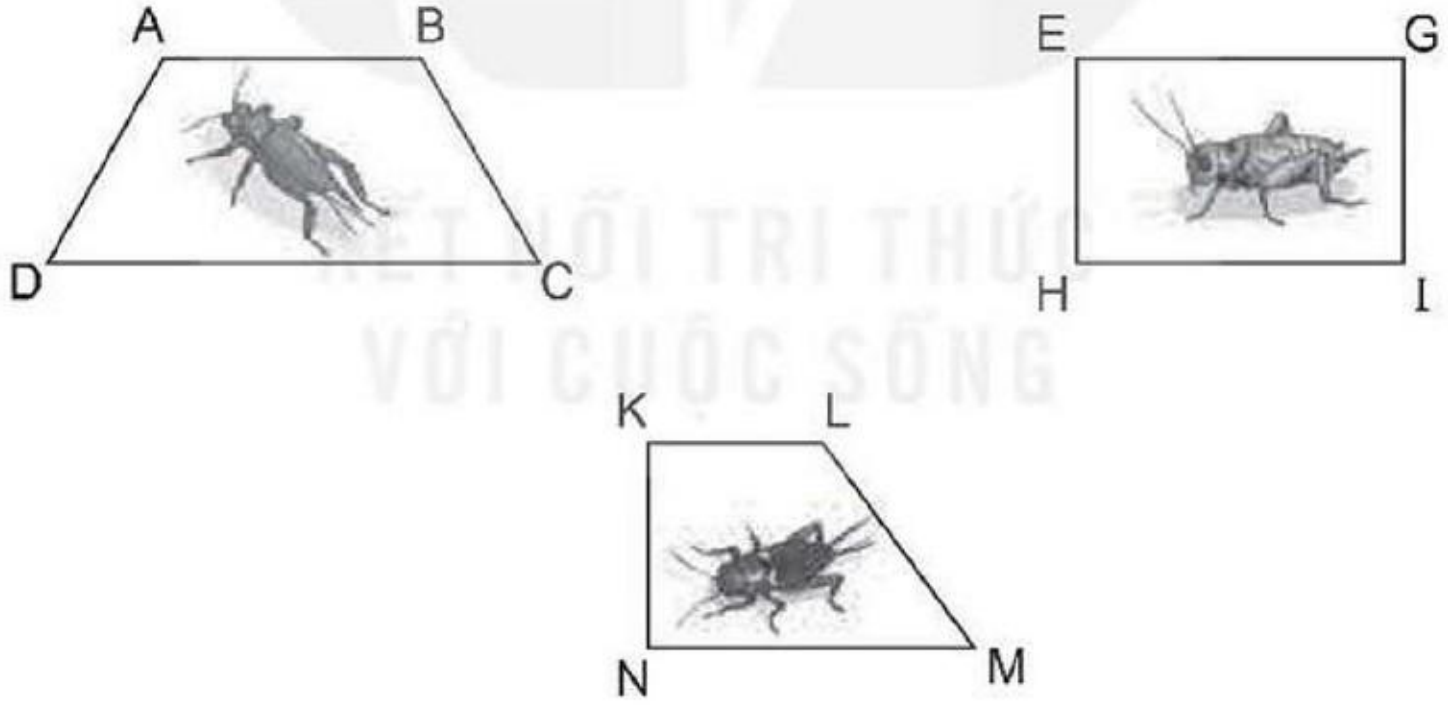
Mẫu: Lúc 3 giờ, kim giờ và kim phút tạo thành góc vuông.

Lúc ....., kim giờ và kim phút tạo thành góc nhọn.

Lúc ....., kim giờ và kim phút tạo thành góc tù.

Lúc ....., kim giờ và kim phút tạo thành góc bẹt.

4 Miệng của chiếc hộp đựng dế than, dế lửa và dế út tiêu có dạng là các hình tứ giác như hình sau.



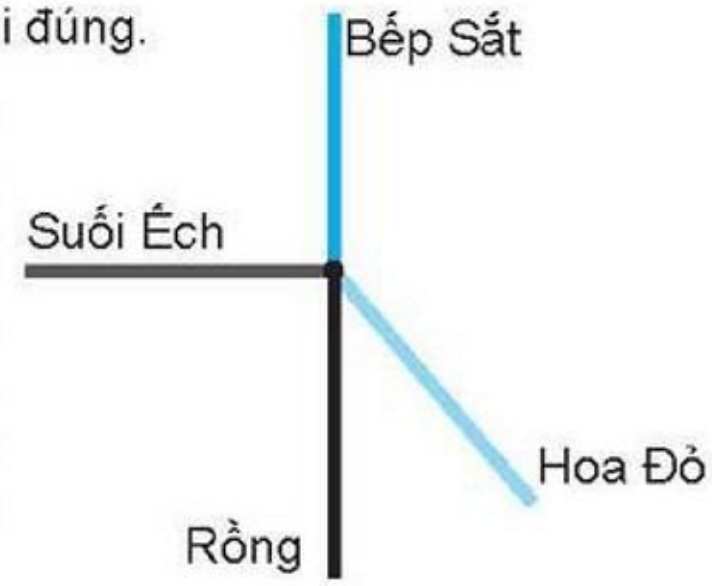
a) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Hình tứ giác có nhiều góc nhọn nhất là .....

b) Biết miệng chiếc hộp đựng dế út tiêu có cả góc vuông, góc tù và góc nhọn. Em hãy khoanh vào hình là miệng chiếc hộp ấy.

5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Ở một ngã tư, bốn anh em chia tay nhau, mỗi người đi theo một con đường dẫn đến các vương quốc Hoa Đỏ, Rồng, Suối Ếch và Bếp Sắt. Anh cả đi đến vương quốc Rồng. Em út đi theo con đường không tạo với con đường của anh cả một góc bẹt hay góc nhọn.

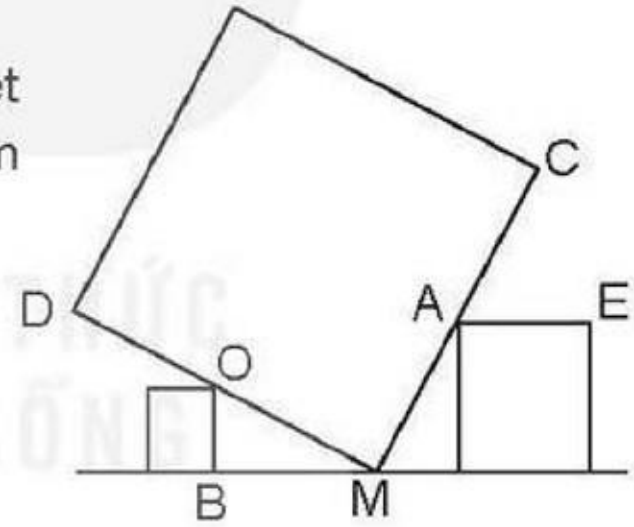


Vậy em út đi đến vương quốc nào?

A. Suối Ếch B. Bếp Sắt C. Hoa Đỏ

Tiết 3

1 Hãy tìm 1 góc tù, 1 góc nhọn và 1 góc bẹt trong hình bên rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

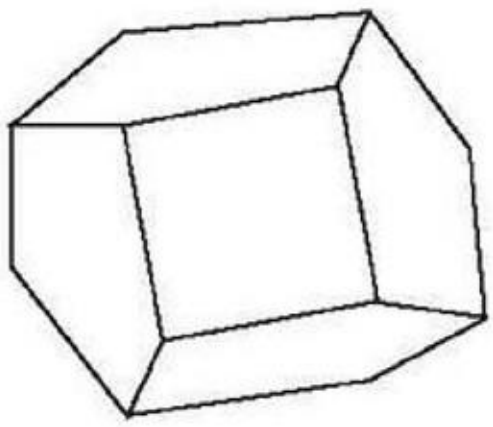


Góc đỉnh .....; cạnh ....., ... là góc tù.

Góc đỉnh .....; cạnh ....., ... là góc nhọn.

Góc đỉnh .....; cạnh ....., ... là góc bẹt.

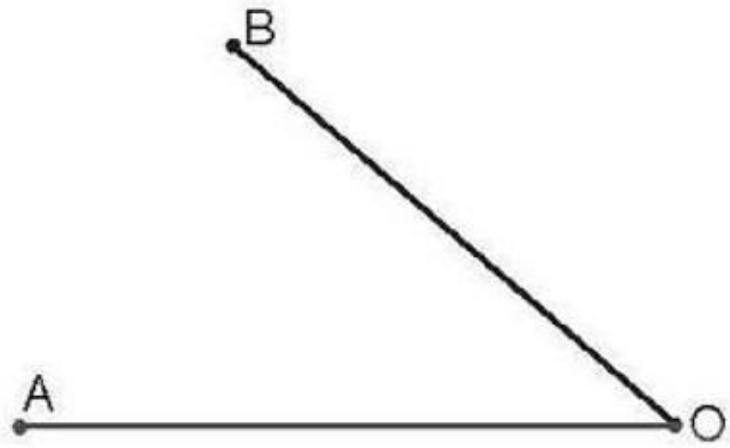
2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.



Hình trên có ..... góc nhọn, ... góc vuông, ... góc tù.

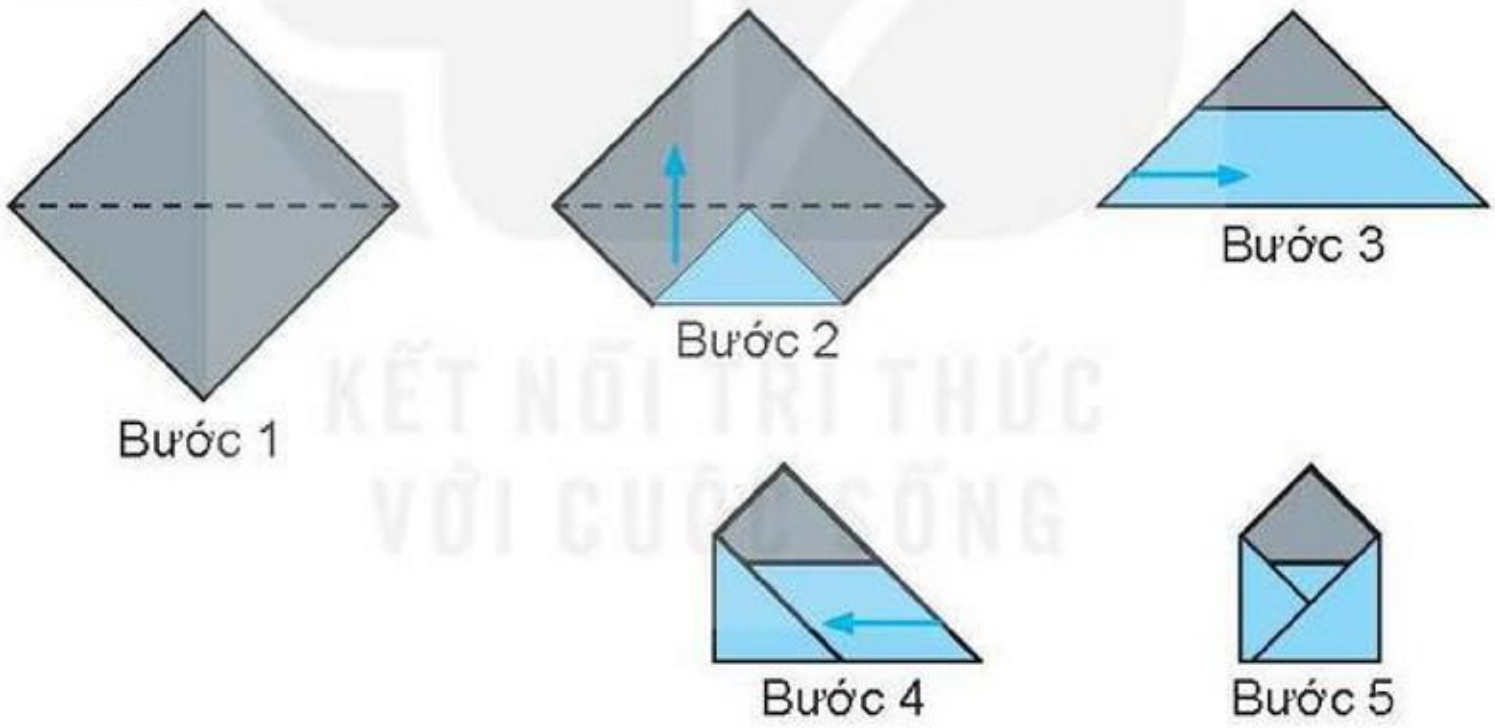
3 a) Vẽ thêm đoạn thẳng OP để đoạn thẳng OP tạo với đoạn thẳng OA một góc tù, đồng thời tạo với đoạn thẳng OB một góc nhọn.

b) Vẽ thêm đoạn thẳng OQ để đoạn thẳng OQ tạo với mỗi đoạn thẳng OA và OB một góc nhọn.



4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Quan sát các bước hướng dẫn gấp một tờ giấy hình vuông như hình dưới đây.



Sau bước thứ năm, hình thu được có ..... góc vuông và ..... góc tù ở các đỉnh.

5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

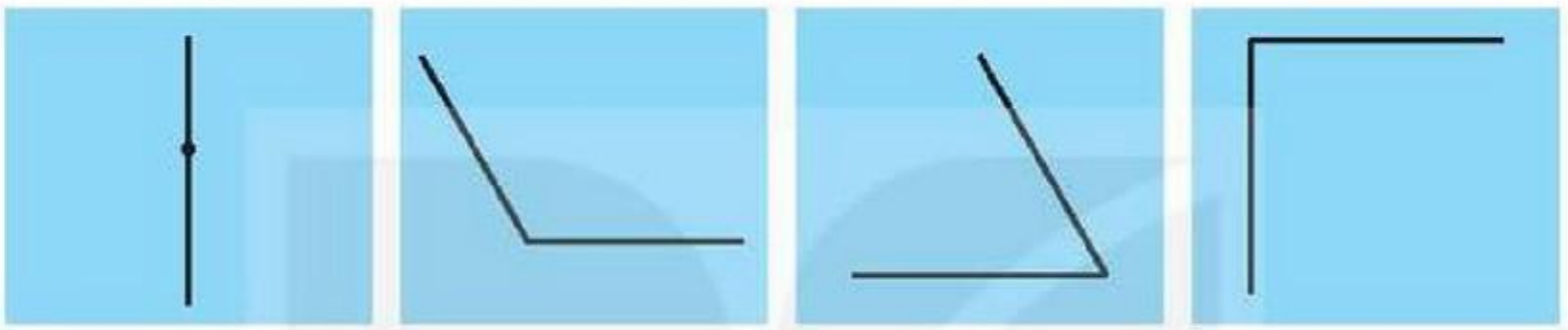
Hai bạn đứng dựa lưng vào nhau rồi mỗi bạn đi thẳng về phía trước. Đường đi của mỗi bạn tạo ra một đoạn thẳng. Góc tạo bởi hai đoạn thẳng đó là góc gì?

A. Góc nhọn B. Góc vuông C. Góc tù D. Góc bẹt

BÀI 9 LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 Nối mỗi góc với số đo của góc đó.



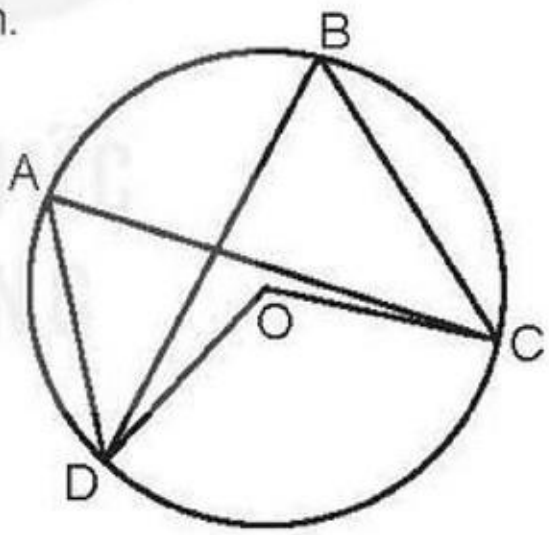
90° 60° 180° 120°

2 Đo rồi viết số đo góc thích hợp vào chỗ chấm.

– Góc đỉnh O; cạnh OC, OD bằng .....

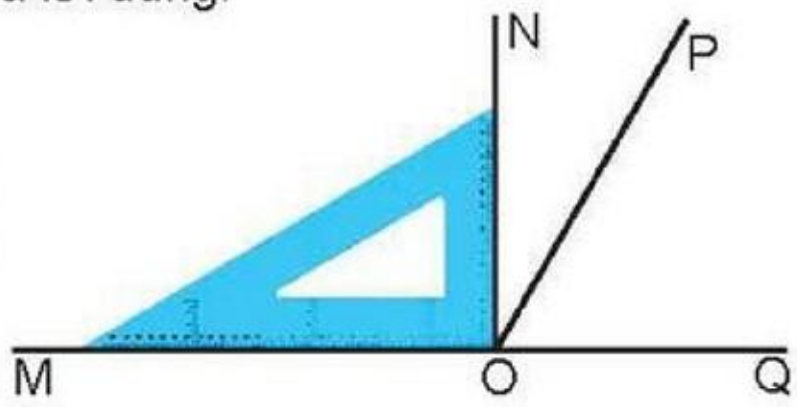
– Góc đỉnh A; cạnh AC, AD bằng .....

– Góc đỉnh B; cạnh BC, BD bằng .....



3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Mai dùng ê ke vẽ góc đỉnh O; cạnh OM, ON có số đo 90°, góc đỉnh O; cạnh ON, OP có số đo 30° và góc đỉnh O; cạnh OP, OQ có số đo 60°. Hỏi góc đỉnh O; cạnh OM, OQ là góc gì?



A. Góc nhọn B. Góc vuông C. Góc bẹt

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Mi cắt giấy màu các chữ cái tiếng Anh sau:

A E F H

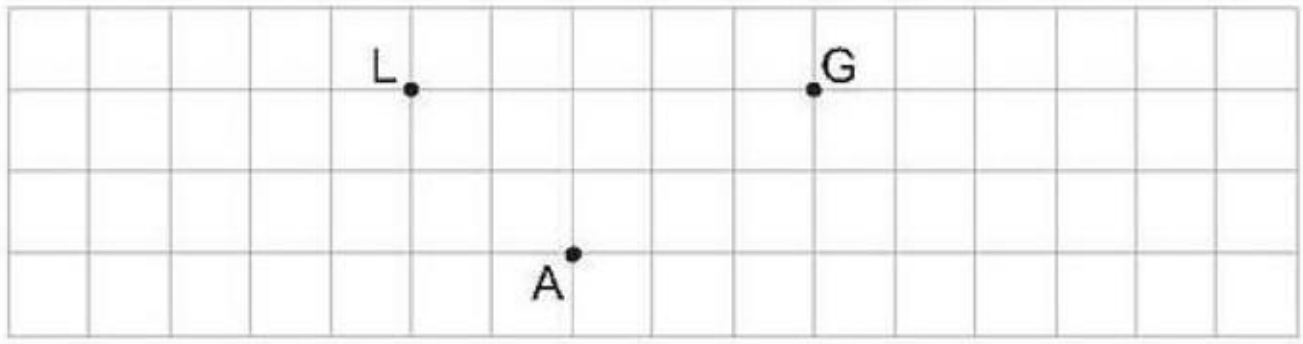
I L M N

T W Z

- Chữ ..... và ..... có đúng hai góc nhọn.
- Chữ ..... và ..... có nhiều góc vuông nhất.
- Chữ ..... có nhiều góc tù nhất.

Tiết 2

1 Nối ba điểm sau để được hai đoạn thẳng tạo thành một góc nhọn.



2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Hoàng Hậu hẹn Thỏ Trắng đến dự tiệc trà. Biết tiệc trà bắt đầu lúc kim giờ và kim phút tạo thành một góc bẹt. Hỏi trong các đồng hồ dưới đây, đồng hồ nào chỉ lúc tiệc trà bắt đầu?

A. 

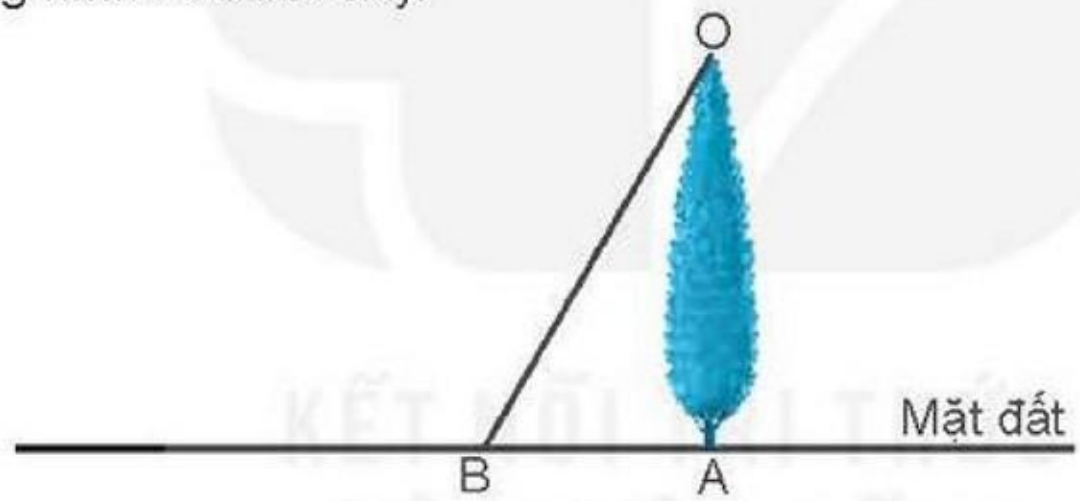
B. 

C. 

D. 

3 Viết số đo góc thích hợp vào chỗ chấm.

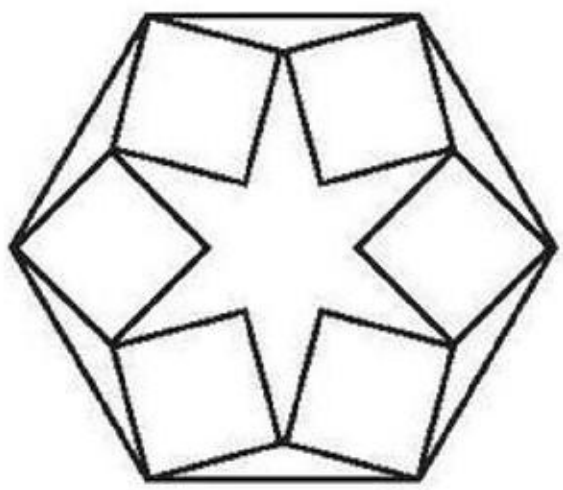
Để đo chiều cao một cái cây, người ta xác định 3 điểm O, A và B như trong hình vẽ dưới đây.



Góc đỉnh B; cạnh BA, BO bằng .....

Góc đỉnh A; cạnh AB, AO bằng .....

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.



Trong hình trên có ..... góc nhọn, ... góc vuông và ..... góc tù.

BÀI 10

SỐ CÓ SÁU CHỮ SỐ. SỐ 1 000 000

Tiết 1

1 Hoàn thành bảng sau.

Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị	Viết số
1	4	0	4	2	1	
						370 280
5	0	0	0	3	0	
						700 046

2 Viết số tiền ở mỗi hình vào chỗ chấm.

a)



.....

b)



.....

c)



.....

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 384 200 = 300 000 + ... + 4 000 + 200

b) 180 455 = ... + 80 000 + 400 + ... + ...

c) 470 080 = 400 000 + ... + ...

4 Nối các bóng nói với thẻ giá thích hợp.

Ba trăm nghìn đồng.	199 000 đồng
Một trăm chín mươi chín nghìn đồng.	300 000 đồng
Hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng.	275 000 đồng

5 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

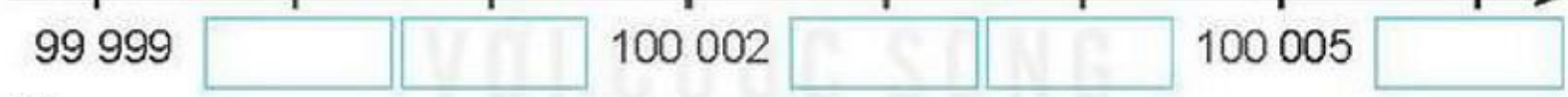
An viết 1 số có hai chữ số và 1 số có bốn chữ số cạnh nhau thì được 1 số có sáu chữ số là: 140 293.

Vậy An đã viết số ..... và số .....

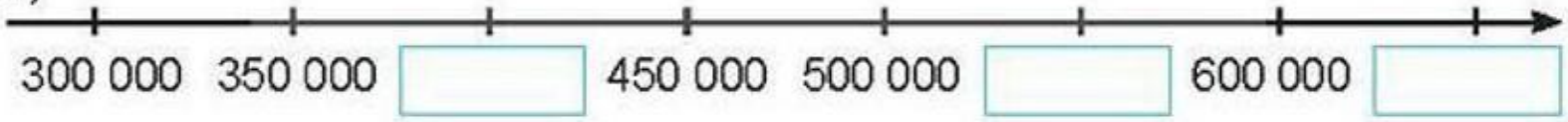
Tiết 2

1 Số ?

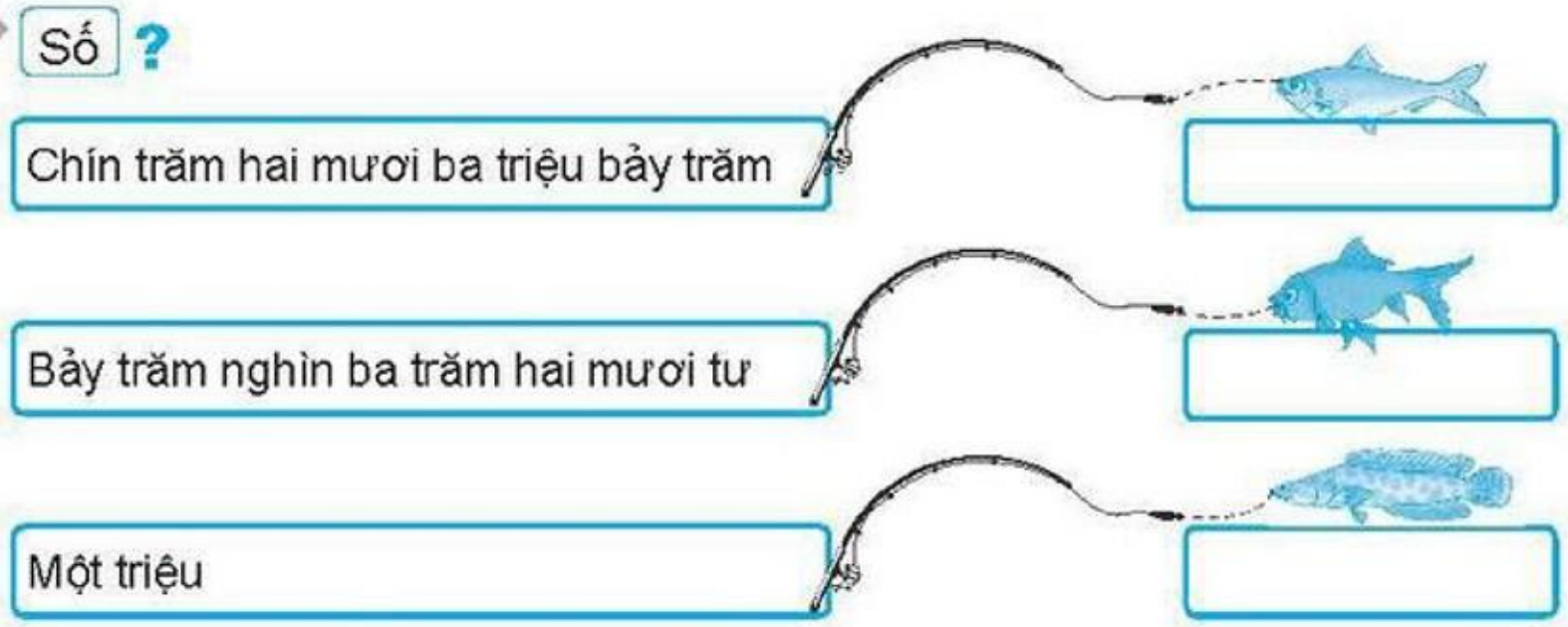
a)



b)



2 Số ?



3 Viết (theo mẫu).

Mẫu: 738 930 = 700 000 + 30 000 + 8 000 + 900 + 30

a) 394 001 = ...

b) 500 600 = ...

c) 341 504 = ...

d) 123 456 = ...

4 Viết số thích hợp ứng với mỗi cách đọc lên các tấm bìa.



5 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Dùng các tấm thẻ sau có thể ghép được số có sáu chữ số.



Các số có sáu chữ số có thể ghép được là: .....

.....

BÀI 11 HÀNG VÀ LỚP

Tiết 1

1 Số ?

Viết số	Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
	Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
373 181						
	6	8	3	7	8	0
	2	7	0	0	5	5
95 841						

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Trong các số 28 351, 476 383, 3 000, 333, số nào có chữ số 3 thuộc lớp nghìn?

A. 28 351 B. 476 383 C. 3 000 D. 333

3 Viết giá trị của chữ số được gạch chân trong mỗi số ở bảng sau (theo mẫu).

Số	73 4<u>9</u>1	<u>3</u>76 155	<u>9</u>0 944	884 <u>3</u>25	46<u>1</u> 353
Giá trị	90				

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 736 831 = 700 000 + ... + 6 000 + ... + 30 + 1

b) 41 364 = ... + ... + 300 + 60 + ...

c) 376 353 = ... + ... + ... + 300 + ... + ...

5 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Dùng các tấm thẻ dưới đây, ghép được một số có sáu chữ số sao cho lớp nghìn không chứa chữ số 4 và lớp đơn vị không chứa chữ số 3.

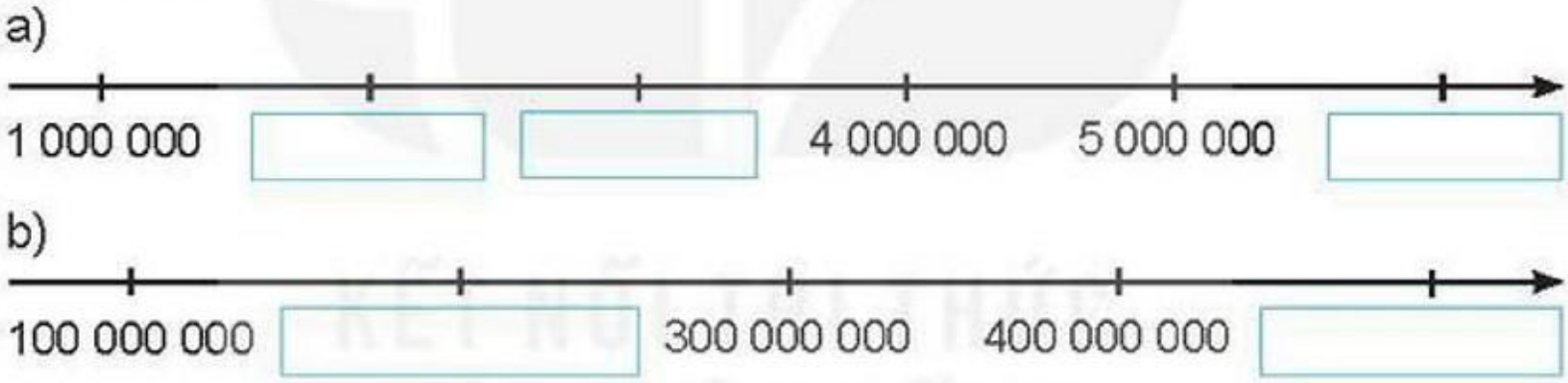


Số đó là .....

Tiết 2

1 Số ?

a)



b)

2 Số ?

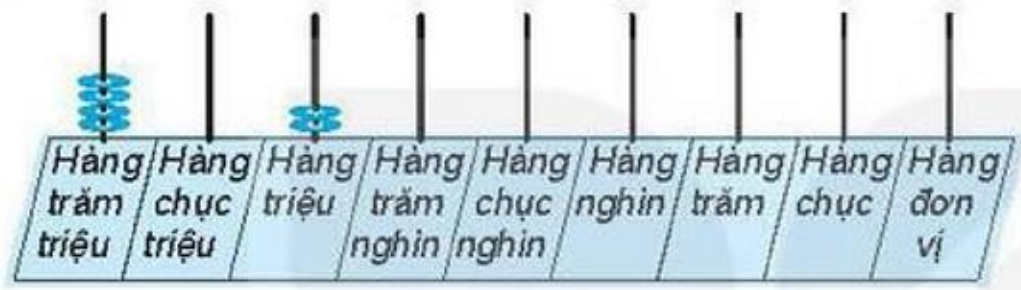


3 Viết số thích hợp vào chỗ trống (theo mẫu).



300 000 000







4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Trong các số 235 038, 400 000 000, 2 000 000, 2 222, số nào có chữ số 2 thuộc lớp triệu?

A. 235 038

B. 400 000 000

C. 2 000 000

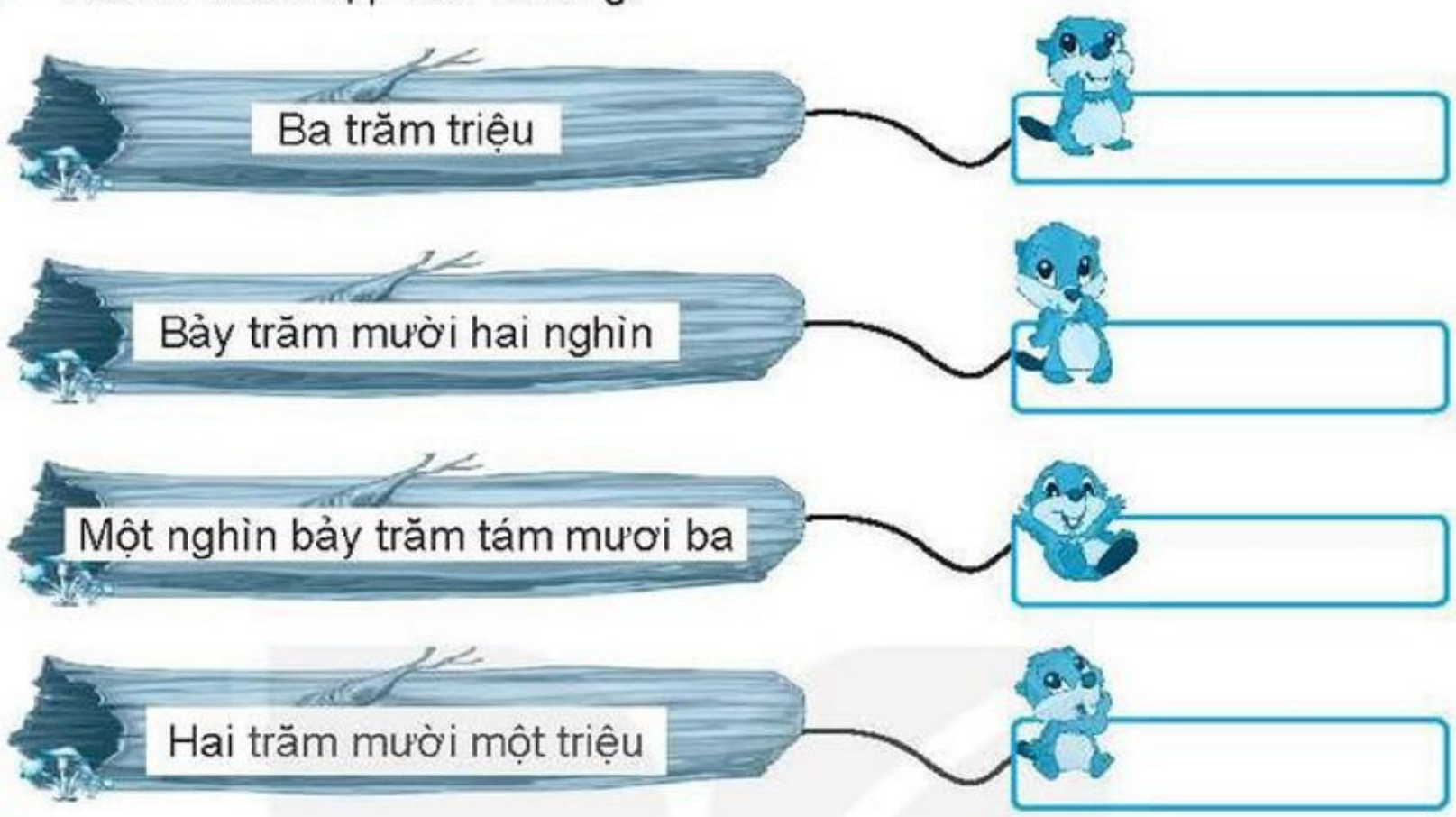
D. 2 222

Tiết 3

1 Viết giá trị của chữ số được gạch chân trong mỗi số ở bảng sau.

Số	4<u>7</u>3 183	83<u>7</u> 848	<u>7</u> 000 000	42 0<u>7</u>3
Giá trị				

2 Viết số thích hợp vào ô trống.



3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Trong các số 333 222, 371 398, 993 377, 111 385, số nào có các chữ số thuộc lớp nghìn giống nhau và các chữ số thuộc lớp đơn vị khác nhau?

A. 333 222 B. 371 398 C. 993 377 D. 111 385

4 Viết (theo mẫu).

Mẫu: 461 523 = 400 000 + 60 000 + 1 000 + 500 + 20 + 3

a) 93 160 = ...

b) 556 371 = ...

c) 478 163 = ...

5 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Cho dãy các chữ số 8 5 7 2 5 3 1 7. Xoá 2 chữ số trong dãy trên thu được số có sáu chữ số thoả mãn đồng thời các điều kiện dưới đây:

+ Các chữ số khác nhau.

+ Chữ số 7 ở lớp đơn vị.

+ Chữ số 5 không ở hàng nghìn.

Vậy số đó là: .....

BÀI 12

CÁC SỐ TRONG PHẠM VI LỚP TRIỆU

Tiết 1

1 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Nam quay vòng quay như hình bên và quan sát số ghi trên vùng mà mũi tên chỉ vào.

Các sự kiện có thể xảy ra là:

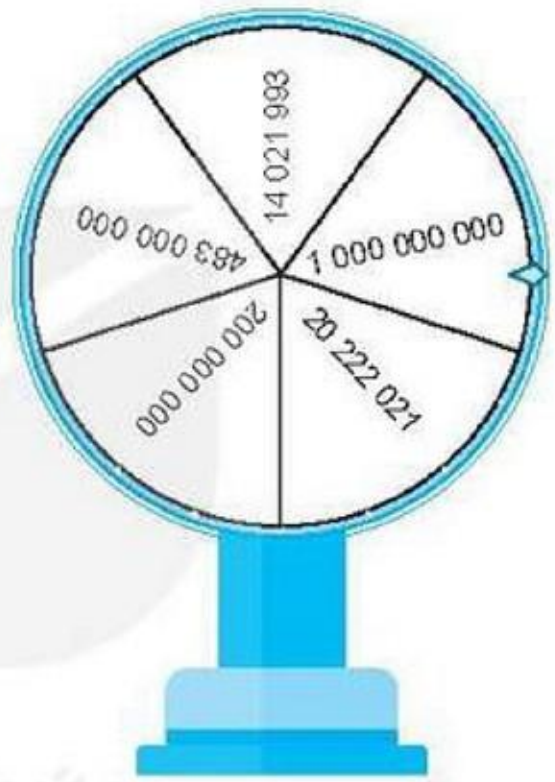
– Nam quay vào vùng ghi số 1 000 000 000.

.....

.....

.....

.....



2 Viết (theo mẫu).

Mẫu: 63 710 030 = 60 000 000 + 3 000 000 + 700 000 + 10 000 + 30

a) 380 008 574 = ...

b) 34 062 508 = ...

c) 700 825 092 = ...

3 Viết vào chỗ chấm cho thích hợp (theo mẫu).

Mỗi chữ số được gạch chân dưới đây thuộc hàng nào, lớp nào?

Mẫu: 874 <u>7</u>16 177: Chữ số 7 được gạch chân thuộc hàng trăm nghìn, lớp nghìn.

- 58 319 <u>9</u>11: .....
- <u>8</u> 499 009: .....
- <u>5</u>16 800 153: .....

4 Viết giá trị của chữ số được gạch chân trong mỗi số ở bảng sau.

Số	847 1<u>7</u>7 389	<u>1</u> 000 000 000	48 177 0<u>3</u>8	1<u>8</u>1 930 119
Giá trị				

Tiết 2

1 Đ, S ?

Số 39 064 178 có:

a) Chữ số 3 thuộc lớp triệu. ☐

b) Chữ số 1 thuộc lớp đơn vị. ☐

c) Chữ số 6 ở hàng nghìn. ☐

d) Chữ số 9 ở hàng triệu. ☐

2 Số ?

Số	Lớp triệu			Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
	Hàng trăm triệu	Hàng chục triệu	Hàng triệu	Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
18 387 983									
		5	8	0	0	6	6	0	8
198 109 387									
	8	0	0	0	5	8	1	1	7

3 Số ?

300 000 000 → 400 000 000 → ☐ → 600 000 000 ↓

☐ ← 900 000 000 ← 800 000 000 ← ☐

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Trong các số 738 038 398, 7 488 000, 10 874 555, 8 000 000, số nào thoả mãn đồng thời các điều kiện dưới đây?

+ Chữ số 8 ở lớp triệu;

+ Lớp nghìn không chứa chữ số 3;

+ Các chữ số ở lớp đơn vị bằng nhau.

A. 738 038 398

B. 7 488 000

C. 10 874 555

D. 8 000 000

5 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

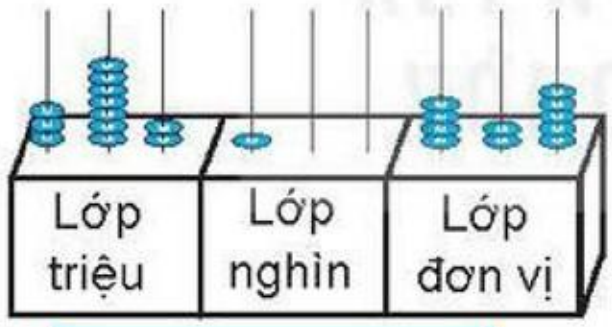
a) Số lớn nhất có sáu chữ số là: .....

b) Số liền sau của số 999 999 999 là: .....

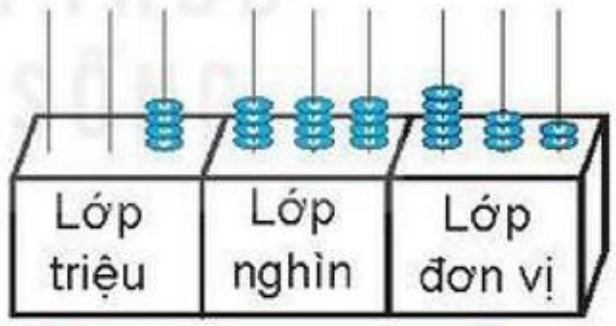
c) Số bé nhất có chín chữ số là: .....

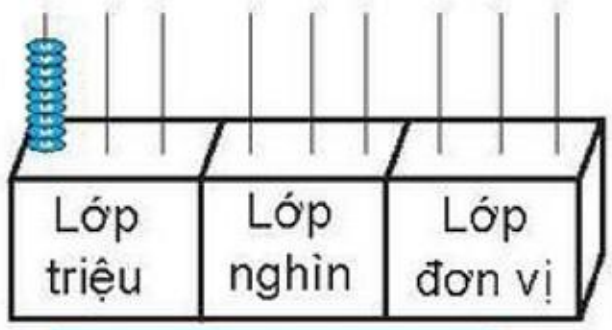
Tiết 3

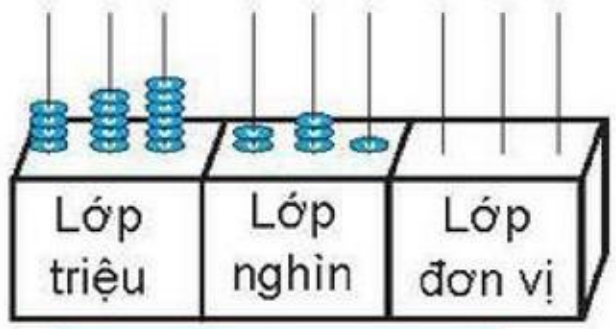
1 Viết số thích hợp vào chỗ trống (theo mẫu).



372 100 425







2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Mỗi chữ số được gạch chân dưới đây thuộc hàng nào, lớp nào?

- 783 1<u>7</u>6 330: .....
- <u>8</u>3 177 334: .....
- 900 33<u>1</u> 256: .....
- <u>1</u>17 381 088: .....

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Trong các số 123 456 789, 1 234 567, 210 987 543, 987 654 321, số nào thoả mãn đồng thời các điều kiện dưới đây?

+ Có các chữ số khác nhau;

+ Lớp triệu không chứa chữ số 9;

+ Lớp nghìn không chứa chữ số 5.

A. 123 456 789

B. 1 234 567

C. 210 987 543

D. 987 654 321

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Nam dùng các mảnh bìa dưới đây ghép được một số có chín chữ số.



Vậy số Nam ghép được có thể là: .....

BÀI 13

LÀM TRÒN SỐ ĐẾN HÀNG TRĂM NGHÌN

1 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

a) Mỗi chữ số được gạch chân dưới đây thuộc hàng nào, lớp nào?

- 761 <u>3</u>87 448: .....
- 83 19<u>8</u> 371: .....
- <u>7</u>57 176: .....

b) Hãy làm tròn các số đó đến hàng tương ứng với chữ số được gạch chân.

- 761 <u>3</u>87 448 .....
- 83 19<u>8</u> 371 .....
- <u>7</u>57 176 .....

2 a) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Số 3 873 918 làm tròn đến hàng trăm nghìn thì được số nào dưới đây?

A. 3 800 000 B. 4 000 000

C. 3 900 000 D. 3 700 000

b) Nối số với số đó đã được làm tròn đến hàng trăm nghìn.



32 600 000



33 000 000



32 500 000

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Bác Ba đi siêu thị mua đồ. Bác đã làm tròn số tiền chi tiêu đến hàng trăm nghìn thì số tiền đó khoảng 700 000 đồng. Hỏi số tiền nào dưới đây có thể là số tiền mà bác Ba đã chi tiêu?

A. 1 000 000 đồng

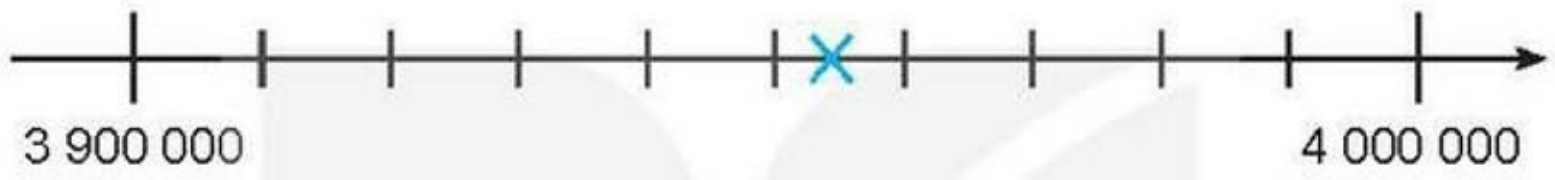
B. 625 000 đồng

C. 799 000 đồng

D. 740 000 đồng

4 Xác định vị trí tương đối của các số trên tia số cho trước bằng cách đánh dấu màu xanh (theo mẫu).

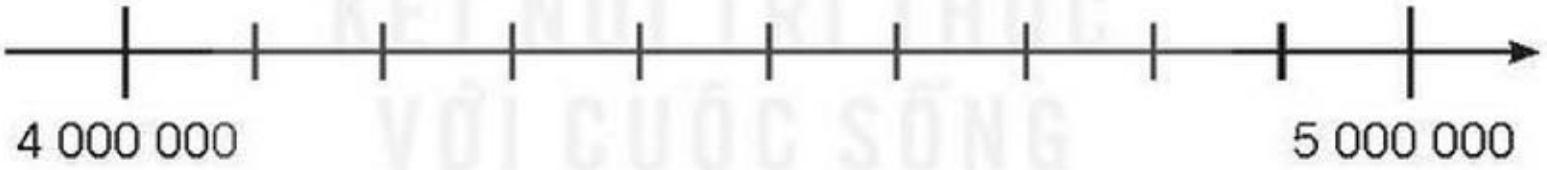
Mẫu: 3 954 000



a) 1 716 000



b) 4 399 000



5 Viết số thích hợp vào ô trống.

Làm tròn số dân của các huyện trong một tỉnh đến hàng trăm nghìn.

Huyện	A	B	C	D
Số dân (người)	298 177	400 298	120 398	170 092
Làm tròn				

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 14

SO SÁNH CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

Tiết 1

1 Đ, S ?

a) 16 726 000 = 16 726 ☐

b) 17 000 000 = 10 000 000 + 7 000 000 ☐

c) 187 281 399 < 200 000 000 ☐

d) 1 007 000 > 7 001 000 ☐

2 >; <; = ?

17 837 881 ☐ 17 937 881

410 039 339 ☐ 399 999 999

40 200 000 ☐ 40 + 200 000

780 000 000 ☐ 700 000 000 + 80 000 000

3 Khoanh vào số lớn hơn trong mỗi cặp số sau.

9 999 999 10 000 000	999 999 990 99 999 999	81 716 771 81 761 771	376 727 119 187 177 918

4 Công ty A cung cấp dịch vụ du lịch với giá 18 500 000 đồng. Công ty B cung cấp dịch vụ du lịch tương tự với giá 15 999 000 đồng. Hỏi giá dịch vụ du lịch của công ty nào rẻ hơn và rẻ hơn bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Cho các số: 198 837 881, 983 918, 8 000 281, 80 000 281.

Viết các số đã cho theo thứ tự:

a) Từ lớn đến bé:.....

b) Từ bé đến lớn:.....

2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Bảng dưới đây cho biết số lượng các sản phẩm đã bán được trong một năm của công ty A.

Sản phẩm	Bút bi	Bút chì	Tẩy	Nhãn vở
Số lượng	387 038	1 038 762	209 387	8 278 119

Trong một năm đó:

a) ..... bán được nhiều nhất.

b) ..... bán được ít nhất.

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Cho các tấm thẻ như hình bên:



Số có chín chữ số lớn nhất có thể ghép được từ ba tấm thẻ bên là .....

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Cho một tờ giấy chứa số có chín chữ số như hình dưới đây.



Mai cắt tờ giấy thành ba phần rồi ghép lại để được một số có chín chữ số.
Ví dụ:



Em tìm cách cắt và ghép các mảnh giấy để được số có chín chữ số bé nhất có thể.

Số đó là .....

BÀI 15

LÀM QUEN VỚI DÃY SỐ TỰ NHIÊN

Tiết 1

1 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

a) Các số tự nhiên sắp xếp theo thứ tự ..... tạo thành dãy số tự nhiên.

b) Số tự nhiên bé nhất là .....

c) Trong dãy số tự nhiên, hai số tự nhiên liên tiếp hơn kém nhau ..... đơn vị.

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) ....., 1 982, 1 983, 1 984, ..., 1 986.

b) 2 021, 2 022, ..., 2 024, 2 025, ...

3 Cho các số: 10 873; 818 000; 193 039; 19 381.

Viết các số đã cho theo thứ tự từ lớn đến bé:

.....

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Cho dãy các số tự nhiên dưới đây.

2, 12, 22, 32, 42, 52, 62,...

a) Bắt đầu từ số 12, mỗi số trong dãy số trên hơn số viết ngay trước nó ..... đơn vị.

b) Số 62 là số thứ 7 trong dãy. Số thứ 10 trong dãy là .....

Tiết 2

1 Viết số liền sau của mỗi số sau vào chỗ trống.

1 000 000	
299 000	
999 999	
287 177	

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 2, 4, 6, 8, 10, 12, ..., ...

b) 9, 99, 999, 9 999, ..., ...

c) 12, 23, 34, 45, ..., ...

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Việt viết một số có bảy chữ số như hình bên.

8 192 022

a) Mai xoá 2 chữ số để được số có năm chữ số lớn nhất có thể thì số đó là .....

b) Nam xoá 2 chữ số để được số có năm chữ số bé nhất có thể thì số đó là .....

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Trên bảng có viết hai số tự nhiên. Sau khi quan sát hai số tự nhiên đó, các bạn có nhận xét như sau:

Mai nói: "Hai số trên bảng không phải hai số tự nhiên liên tiếp.".

Nam nói: "Nếu tớ viết thêm số 1 000 lên bảng thì chúng ta có ba số tự nhiên liên tiếp.".

Vậy hai số trên bảng là ..... và .....

BÀI 16 LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 Số ?

Số	Lớp triệu			Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
	Hàng trăm triệu	Hàng chục triệu	Hàng triệu	Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
136 590 998									
	9	8	0	2	3	5	6	7	1
		6	8	0	0	2	5	3	4

2 Viết giá trị của chữ số được gạch chân trong mỗi số ở bảng sau.

Số	7 615 <u>8</u>19	8<u>8</u>1 271 883	1<u>8</u>2 827	<u>8</u>5 471 267
Giá trị				

3 Viết chữ số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 85 178 663 < 85 17... 662

b) 1 829 831 < 1 829 ...08 < 1 ...22 000

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.



Việt dùng ba tấm thẻ chứa số như hình trên để ghép số có chín chữ số.

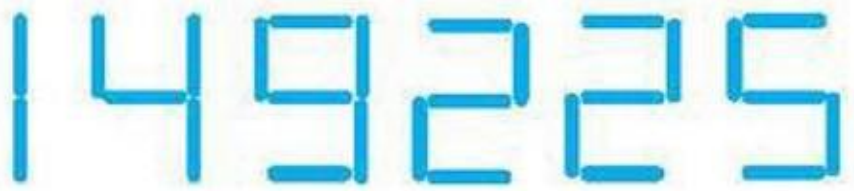
Vậy có thể ghép được số: .....

5 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Rô-bốt đã dùng các que tính để xếp được số 149 225 như hình dưới đây.

Việt di chuyển một que tính để được số lớn nhất có thể.

Số đó là .....



Tiết 2

1 **>; <; =** ?

73 817 199 ☐ 83 716 190 1 800 003 ☐ 1 000 000 + 800 000 + 3

9 068 817 ☐ 9 100 000 5 000 009 ☐ 9 000 000 + 5

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 1 000 000; .....; 2 000 000; 2 500 000; .....; 3 500 000.

b) 2 999 996; 2 999 997; .....; 2 999 999; .....; 3 000 001.

c) 98 000 000; .....; .....; 101 000 000; 102 000 000.

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

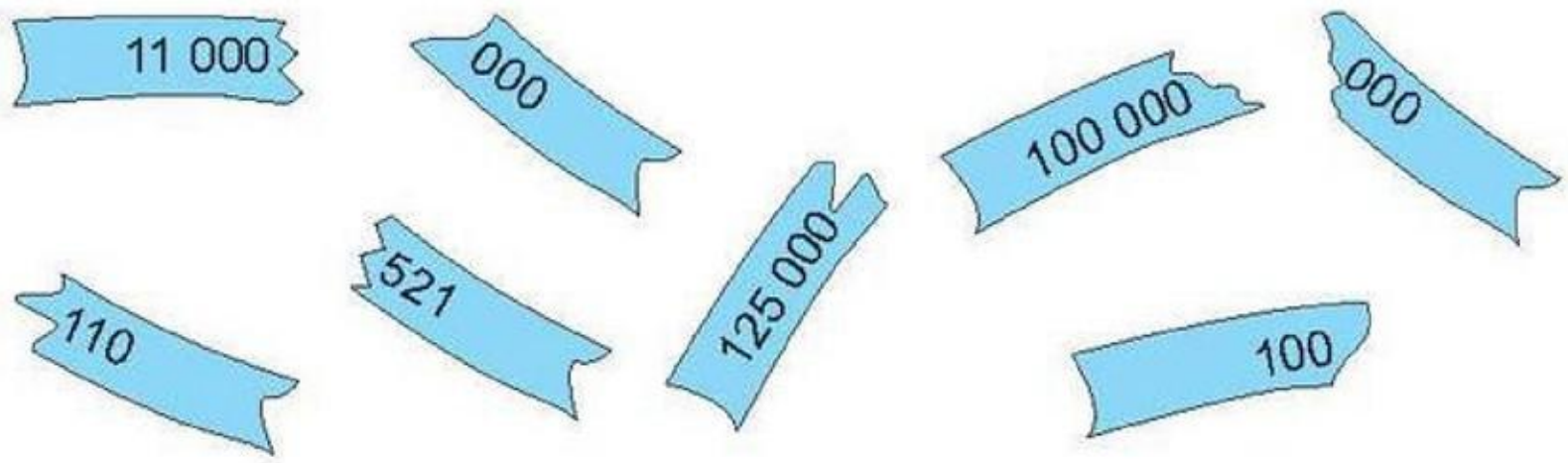
Bác Ba mới nhận tiền công cho ngày làm việc đầu tiên. Bác nói rằng bác nhận được khoảng 500 000 đồng. Biết rằng số tiền chính xác mà bác nhận được là 485 000 đồng. Hỏi bác Ba đã làm tròn tiền công đến hàng nào?

A. Hàng trăm B. Hàng nghìn

C. Hàng chục nghìn D. Hàng trăm nghìn

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Mi cắt bốn mảnh giấy ghi 4 số thành 8 mảnh nhỏ như hình dưới đây.



Các số ghi trên mỗi mảnh giấy ban đầu là: .....

.....

5 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Nếu viết hai số tự nhiên 28 và 45 cạnh nhau thì được số có bốn chữ số là 2 845. Việt đã viết hai số tự nhiên liên tiếp cạnh nhau lên bảng thì được số có bảy chữ số.

Vậy Việt đã viết hai số là ..... và .....

Tiết 3

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Cho các số 26 789 999, 1 372 695, 17 695, 354 107.

Trong các số trên:

– Số chỉ có một chữ số ở lớp triệu là: .....

– Số chỉ có hai chữ số ở lớp nghìn là: .....

2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Trong hình dưới đây, số ghi trên máy bay là số lít nước mỗi chiếc máy bay chở được trong một ngày chữa cháy.



Số lít nước mỗi chiếc máy bay chở được trong một ngày chữa cháy sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

.....

3 Viết chữ số thích hợp vào chỗ chấm.

2 345 ...01 = 2 3...5 701 456 218 > 456 2...8

1 000 000 < 1 000 00... < 1 000 002

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Bé Mi lần lượt chụp ba cột cây số như hình dưới đây.



Hình ở giữa không rõ số ki-lô-mét ghi trên cột cây số.

Số bị lấp là số .....

5 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Ghép các chữ số theo thứ tự thời gian phát triển của chuồn chuồn để được một số có bảy chữ số. Biết rằng chữ số 3 đứng ngay trước chữ số 7 và chữ số 5 đứng cuối cùng.



3 2 9 7 1 5 6

Số có bảy chữ số đó là .....

BÀI 17

YẾN, TẠ, TẤN

Tiết 1

1 Nối mỗi con vật với số đo cân nặng thích hợp.






3 tấn | 5 kg | 2 tạ | 4 yến

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 3 yến = ... kg 30 kg = ... yến

b) 2 tạ = ... kg 200 kg = ... tạ

6 tạ = ... yến 60 yến = ... tạ

c) 8 tấn = ... kg 8 000 kg = ... tấn

23 tấn = ... tạ 6 tấn = ... yến

3 Tính.

a) 25 tấn + 75 tấn = ... b) 100 tạ – 42 tạ = ...

c) 125 yến × 4 = ... d) 384 yến : 3 = ...

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Một con hà mã nặng bằng tổng 2 tấn và một nửa cân nặng của nó. Hỏi con hà mã đó nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

A. 300 kg B. 3 000 kg C. 400 kg D. 4 000 kg

Tiết 2

1 Dựa vào câu chuyện dưới đây, xác định rồi viết cân nặng của mỗi con vật vào chỗ trống. Biết rằng cân nặng của 3 con vật đó là: 200 kg, 6 tạ và 5 tấn.



2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 5 yến 5 kg = ... kg

b) 8 tạ 20 kg = ... kg

c) 4 tấn 60 kg = ... kg

d) 3 tạ 17 yến = ... yến

e) 7 tấn 3 tạ = ... tạ

g) 3 tấn 70 yến = ... yến

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu đúng.

Việt được xoay vòng quay may mắn để nhận một trong số ba món quà: 2 yến gạo nếp, 20 kg táo đỏ và 1 yến đậu đỏ.

A. Việt có thể nhận được 200 kg gạo nếp.

B. Việt chắc chắn nhận được 10 kg đậu đỏ.

C. Việt không thể nhận được 2 yến táo xanh.

4 Một chiếc xe chở được nhiều nhất 4 tạ hàng hoá. Người ta muốn xếp những thùng sách lên xe, mỗi thùng sách cân nặng 8 kg. Hỏi chiếc xe có thể chở được nhiều nhất bao nhiêu thùng sách như thế?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

Tiết 3

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Tổng cân nặng của khỉ và ngựa vằn là 3 tạ 3 yến. Ngựa vằn nặng 295 kg.

Vậy khỉ nặng ..... kg.

2 Tính.

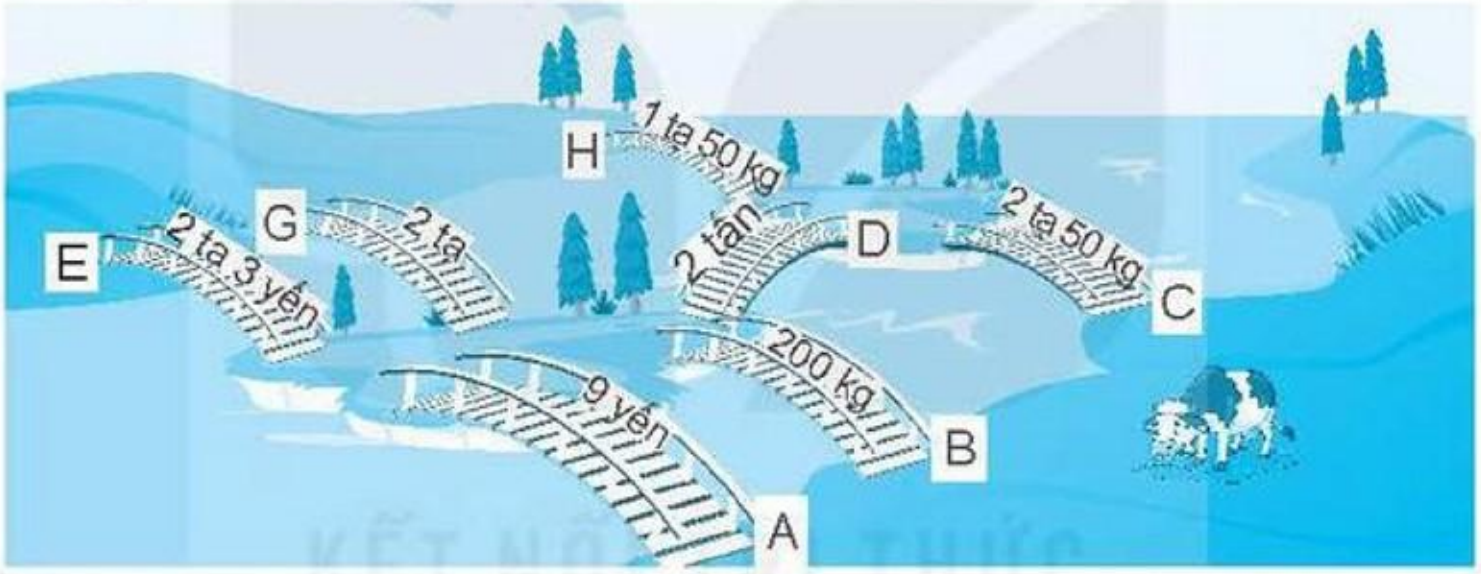
a) 215 tạ – 47 tạ = ...

b) 150 yến + 75 yến = ...

c) 500 kg × 4 = ...

d) 1 204 tấn : 4 = ...

3 Có 7 cây cầu A, B, C, D, E, G, H như hình vẽ.



Biết bò nặng 225 kg. Bò chỉ được đi qua những cây cầu ghi số đo lớn hơn cân nặng của nó. Tô màu các cây cầu mà bò đi qua để đi từ bờ bên này sang bờ bên kia.

4 Có bốn người cần vượt qua sông bằng một chiếc thuyền nhỏ. Thuyền chỉ chở được tối đa 1 tạ. Cân nặng của từng người là: 45 kg, 55 kg, 54 kg và 46 kg. Biết rằng thuyền nhỏ đó cần ít nhất một người chèo thuyền và cả bốn người đều biết chèo thuyền. Hỏi bốn người đó cần làm như thế nào để vượt qua sông?

Cách làm: .....

.....

.....

.....

BÀI 18

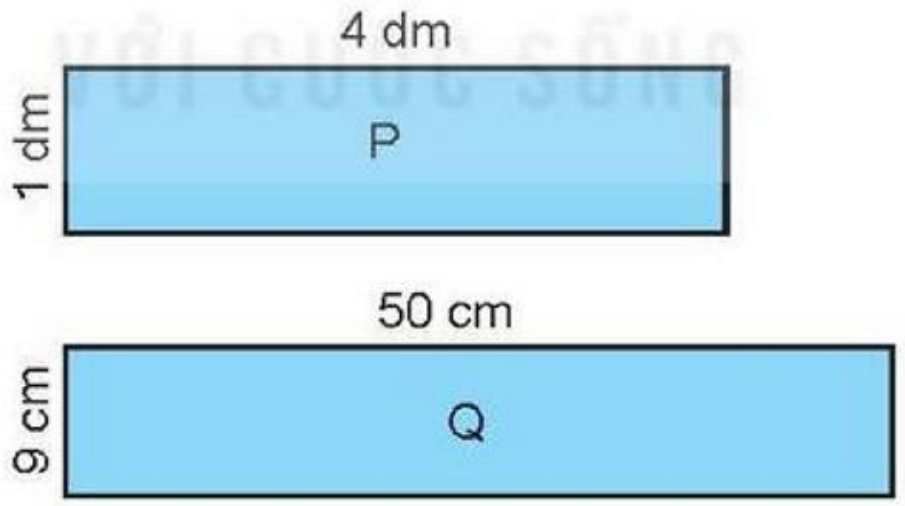
ĐỀ-XI-MÉT VUÔNG, MÉT VUÔNG, MI-LI-MÉT VUÔNG

Tiết 1

1 Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

Đọc	Viết
Mười bốn đề-xi-mét vuông	14 dm^2
Hai trăm bốn mươi tư đề-xi-mét vuông	
	2 107 dm^2
Ba nghìn năm trăm mười đề-xi-mét vuông	

2 Quan sát hình vẽ rồi khoanh vào chữ đặt trước câu đúng.



A. Diện tích hình P lớn hơn diện tích hình Q.

B. Diện tích hình P bằng diện tích hình Q.

C. Diện tích hình P bé hơn diện tích hình Q.

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 4 dm^2 = ... cm^2 400 cm^2 = ... dm^2

b) 5 dm^2 = ... cm^2 500 cm^2 = ... dm^2

3 dm^2 27 cm^2 = ... cm^2

4 Nam có một tấm bìa hình chữ nhật dài 30 cm, rộng 10 cm. Nam cắt tấm bìa đó thành đúng 3 hình vuông bằng nhau. Tính diện tích của mỗi tấm bìa hình vuông.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Nối số đo với cách đọc phù hợp.

Bốn mươi sáu đề-xi-mét vuông	46 dm^2
Bốn mươi sáu mét vuông	46 cm^2
Ba trăm bốn mươi sáu mét vuông	346 m^2
Bốn mươi sáu xăng-ti-mét vuông	46 m^2

2 Nối mỗi đồ vật với số đo diện tích phù hợp.







408 cm^2	2 m^2	6 cm^2

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 3 m^2 = ... dm^2

2 m^2 = ... dm^2

400 dm^2 = ... m^2

b) 2 m^2 5 dm^2 = ... dm^2

4 m^2 33 dm^2 = ... dm^2

6 m^2 14 dm^2 = ... dm^2

4 Bác Hai trồng dưa hấu trong một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 20 m, chiều rộng 50 dm. Tính diện tích khu vườn dưa hấu của bác Hai.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

Tiết 3

1 Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

Đọc	Viết
Hai mươi tám mi-li-mét vuông	28 mm^2
Sáu trăm hai mươi sáu mi-li-mét vuông	
	5 267 mm^2
Hai nghìn không trăm năm mươi mi-li-mét vuông	

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 8 cm^2 = ... mm^2

800 mm^2 = ... cm^2

b) 2 cm^2 20 mm^2 = ... mm^2

3 cm^2 15 mm^2 = ... mm^2

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Diện tích mặt trên của một chiếc gọt bút chì như hình bên khoảng:



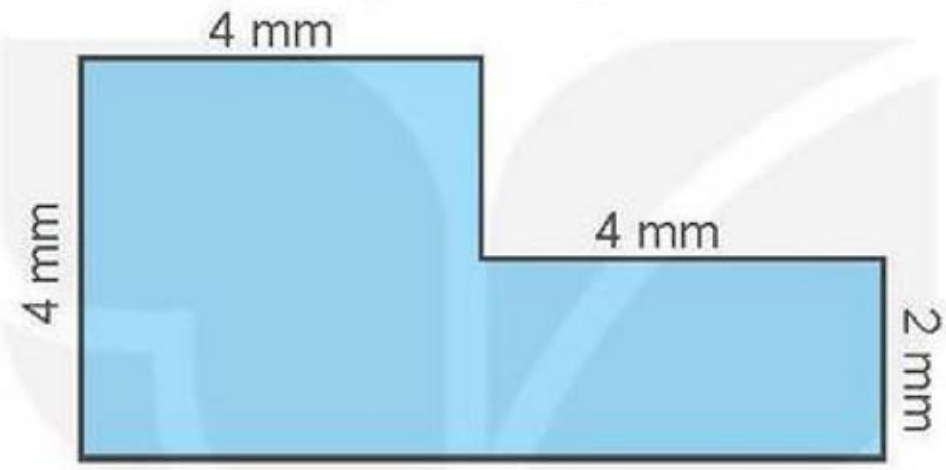
A. 8 mm^2

B. 8 cm^2

C. 8 dm^2

D. 8 m^2

4 Tính diện tích của chi tiết máy dưới đây.



Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 4

1 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

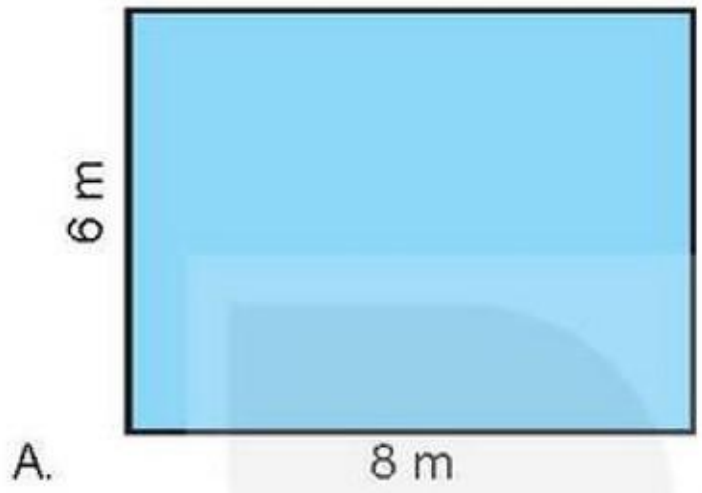
Việt có hai hình vuông cạnh 2 cm. Việt đã ghép hai hình vuông đó thành một hình chữ nhật có chiều dài là 4 cm. Vậy diện tích của hình chữ nhật đó là ..... mm^2.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

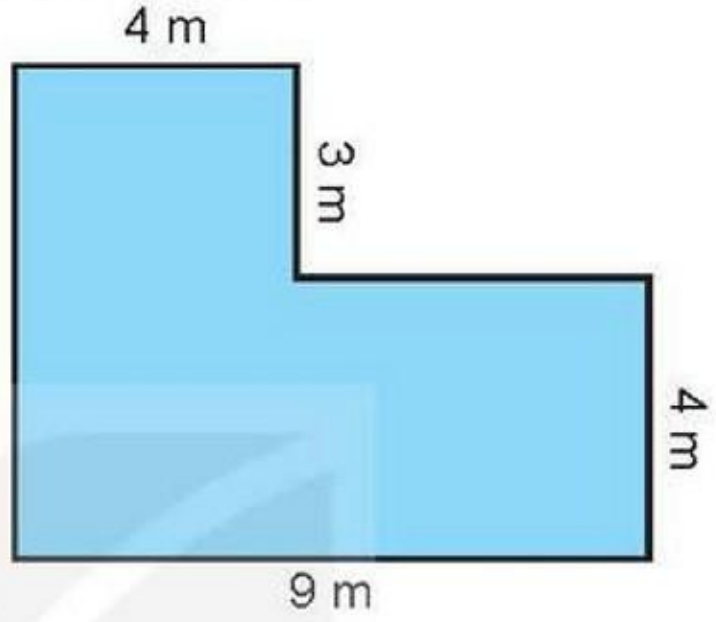
2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Dưới đây có hai hình vẽ phòng khách nhà An và nhà Bình. Biết diện tích phòng khách nhà An bằng diện tích phòng khách nhà Bình nhưng chu vi phòng khách nhà An lớn hơn chu vi phòng khách nhà Bình. Hỏi hình nào dưới đây mô tả phòng khách nhà Bình?

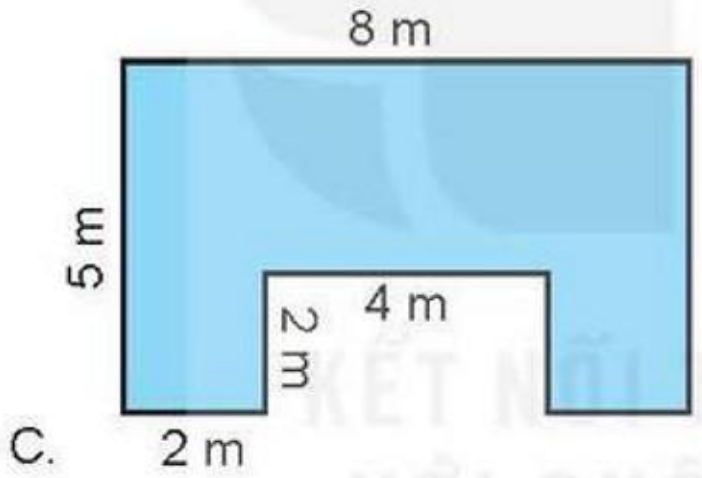
A.



B.



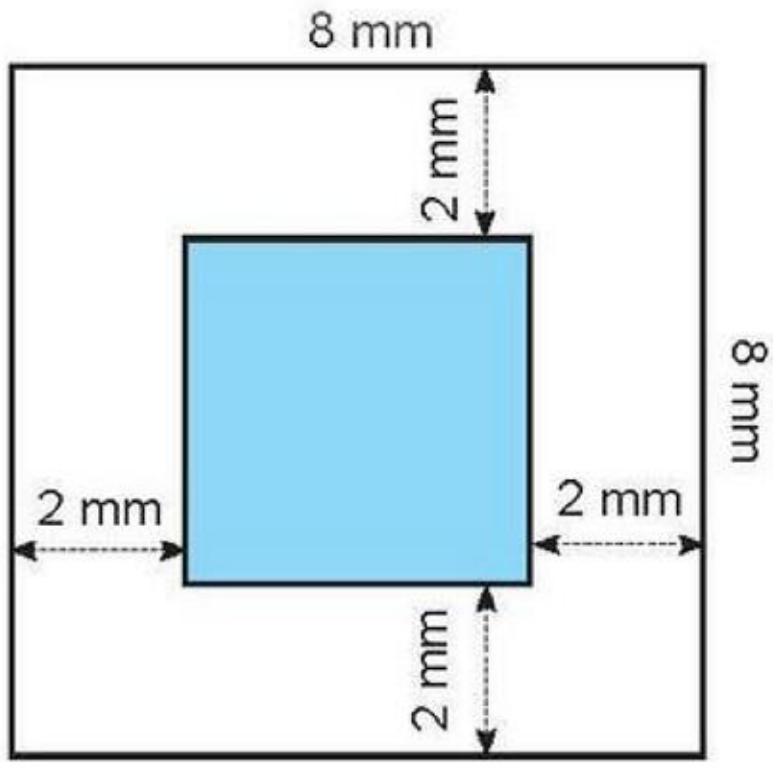
C.



D.



3 Tính diện tích của phần không tô màu trong hình dưới đây.



Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

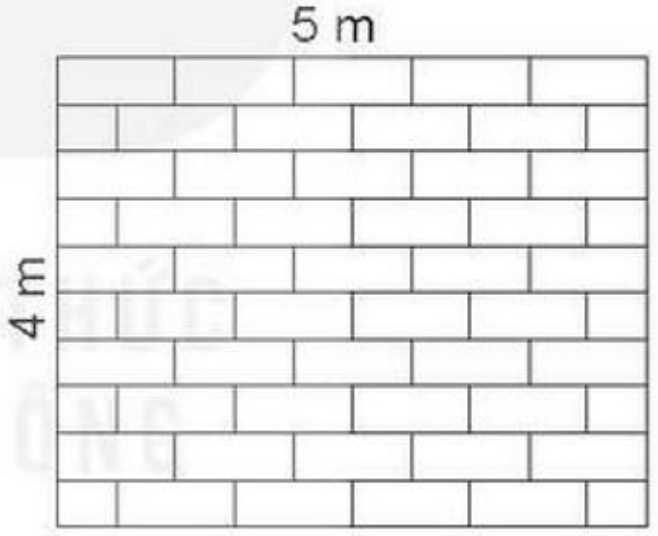
.....

.....

.....

.....

4 Chú Tư cần sơn một bức tường hình chữ nhật có chiều dài 5 m, chiều rộng 4 m. Biết 1 *l* sơn đủ để sơn 5 m^2. Hỏi chú Tư cần dùng bao nhiêu lít sơn để đủ sơn kín bức tường đó?



Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 19 GIÂY, THẾ KỈ

Tiết 1

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 1 phút = ... giây
2 phút = ... giây
60 giây = ... phút
120 giây = ... phút

b) 1 thế kỉ = ... năm
3 thế kỉ = ... năm
100 năm = ... thế kỉ
300 năm = ... thế kỉ

2 Nối mỗi sự kiện với thế kỉ xảy ra sự kiện đó.

Người đầu tiên lên Mặt Trăng vào năm 1969.	Kênh nhà Lê bắt đầu được đào vào năm 983.	Hai Bà Trưng phất cờ khởi nghĩa vào năm 40.
Thế kỉ X	Thế kỉ I	Thế kỉ XX

3 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Năm 1225 là năm Ất Dậu. Cứ 60 năm thì lại có một năm Ất Dậu. Vậy năm Ất Dậu tiếp theo thuộc thế kỉ .....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Cứ 2 giây rô-bốt lại vặn xong 1 con ốc vít. Để vặn xong 24 con ốc vít, rô-bốt cần:

A. 24 giây B. 48 giây C. 36 giây

5 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Một năm thường có 365 ngày. 365 ngày = ... tuần ..... ngày.

Tiết 2

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

1 tuần = ... giờ

6 tuần = ... ngày

6 giờ 5 phút = ... phút

364 ngày = ... tuần

1 phút 45 giây = ... giây

26 giờ = ... ngày ..... giờ

2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Hội thảo kỉ niệm 700 năm vùng đất Thuận Hoá được đặt tên (nay thuộc các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng và Quảng Nam) tổ chức vào năm 2006. Vậy vùng đất Thuận Hoá được đặt tên vào năm ..... Năm đó thuộc thế kỉ .....

3 Nối thời gian thích hợp với mỗi sự việc.

Bạn Châu gấp xong một chiếc áo sơ mi.	Chú Thư lái xe từ Hà Nội lên Cao Bằng.	Tuổi của con cá mập Greenland già nhất.
4 giờ	5 thế kỉ	25 giây

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Cánh đồng bông của một gia đình ở bản Phùng trồng được một vụ mỗi năm và thu hoạch được 3 tạ bông một vụ. Vậy từ đầu năm 2009 đến hết năm 2023, cánh đồng bông đó thu hoạch được ..... tạ bông.

5 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Năm nhuận có 366 ngày, còn năm không nhuận có 365 ngày.

Trong ba năm 2024, 2025, 2026 chỉ có năm 2024 là năm nhuận.

Tổng số ngày của ba năm đó là ..... ngày.

BÀI 20 THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM SỬ DỤNG MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG

Tiết 1

Khối lớp Bốn của em thực hiện thí nghiệm trồng cây đậu Hà Lan.

1 Dưới đây là cân nặng của các vật liệu dùng để trồng cây cho cả khối.

- Bốn bao đất mùn cân nặng 120 kg.
- Hai túi sỏi cân nặng 30 kg.
- Ba bao vụn gỗ cân nặng 45 kg.

a) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Bốn bao đất mùn cân nặng là:

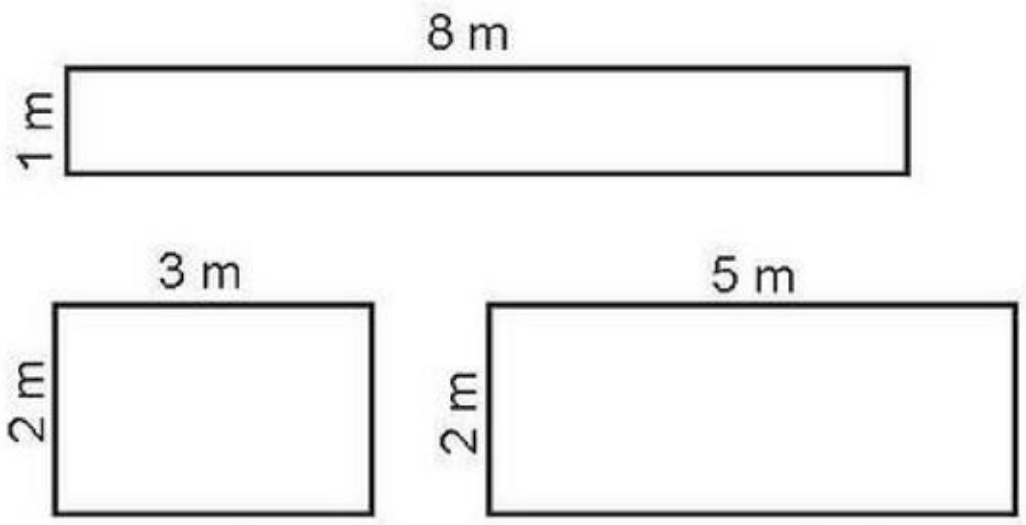
A. 2 tạ B. 1 tạ 2 yến C. 1 tấn 2 tạ D. 1 200 g

b) Đ, S ?

Tổng cân nặng của hai túi sỏi và ba bao vụn gỗ là 7 yến 5 kg. ☐

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Cho các khu đất với hình dạng và kích thước như hình dưới đây.



Em hãy tô màu khu đất mà em chọn cho lớp để trồng đậu.

Khu đất đó có diện tích là ..... m^2.

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Khu đất của lớp em cần tưới 8 *l* nước để làm ẩm đất trước khi trồng đậu. Dưới đây là thời gian để ba giàn tưới phun được 8 *l* nước.

Giàn 1: 6 phút Giàn 2: 500 giây Giàn 3: 6 phút 10 giây

Giàn tưới chậm nhất là:

A. Giàn 1 B. Giàn 2 C. Giàn 3

4 a) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Nhà bác học, linh mục Grê-gô Giô-han Men-đen (Gregor Johann Mendel) đã làm thí nghiệm với cây đậu Hà Lan vào năm 1854.

Năm đó thuộc thế kỉ .....

b) Đ, S ?

Biết rằng nếu một năm là năm nhuận thì điều kiện đầu tiên là số năm đó phải chia hết cho 4.

Vậy năm 1854 là năm nhuận. ☐

Tiết 2

Kì nghỉ lễ Quốc Khánh vừa rồi, gia đình em sang thăm ông bà. Trong kì nghỉ ấy, em đã làm được rất nhiều việc để giúp đỡ gia đình.

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Em quét sân giúp ông bà. Diện tích của cái sân khoảng:

A. 40 mm^2 B. 40 cm^2 C. 40 dm^2 D. 40 m^2

2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Lúc quét sân, em thấy bể nước có ghi năm xây là 2018.

a) Cái bể nước được xây vào thế kỉ .....

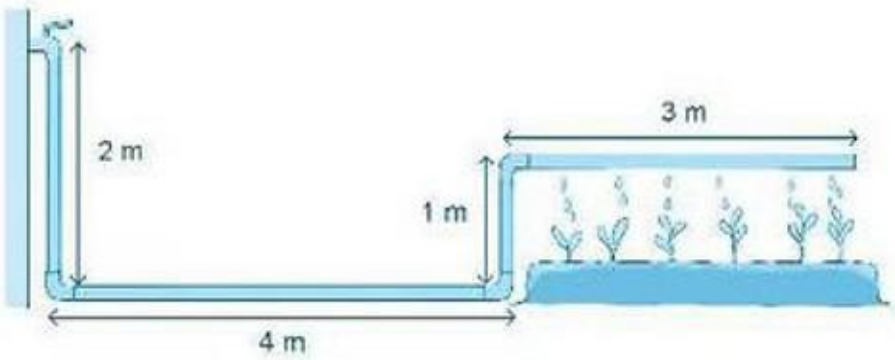
b) Tính đến nay, cái bể nước đã xây được ..... năm.

3 Em giúp bố mua ống nhựa để lắp một hệ thống tưới vườn rau của ông bà như hình vẽ. Mỗi mét ống nhựa giá 10 000 đồng.

a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Em phải mua khoảng ..... m ống nhựa.

b) Khoanh những tờ tiền em định dùng để trả cho chú bán hàng.



Gợi ý: Em có thể tính tiền để trả cho từng đoạn ống nhựa (2 m, 4 m, 1 m và 3 m) rồi cộng lại để ra tổng số tiền cần trả.



4 Em hãy kể những công việc em có thể hoàn thành trong 90 giây để giúp đỡ gia đình, ví dụ: gấp quần áo, cất gọn đôi giày, so đũa,...

.....

.....

.....

.....

Tiết 3 Em cùng anh chị em của mình làm một ngôi nhà từ bìa cứng.

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

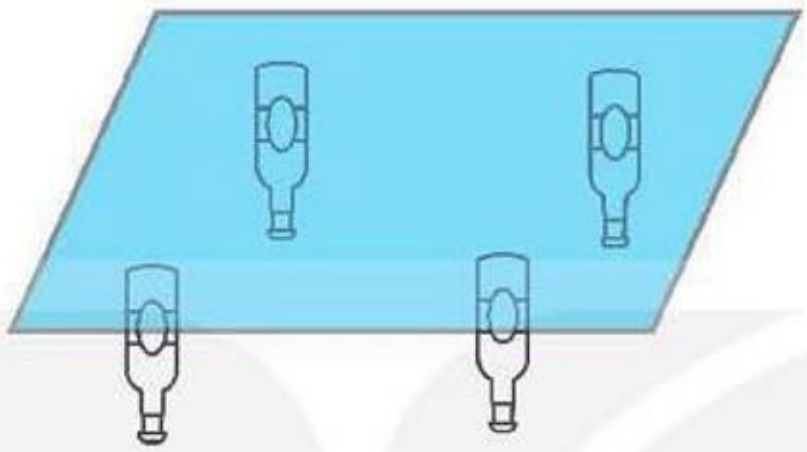
Em dự tính mua 3 *l* nước ngọt để mời những người cùng làm với mình. Em có hai lựa chọn như sau.

- Mua 8 lon nước ngọt, mỗi lon 375 ml và giá 16 000 đồng một lon.
- Mua 3 chai nước ngọt, mỗi chai 1 250 ml và giá 29 000 đồng một chai.

Em hãy chọn một trong hai lựa chọn trên. Với lựa chọn của mình, em phải trả ..... đồng.

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

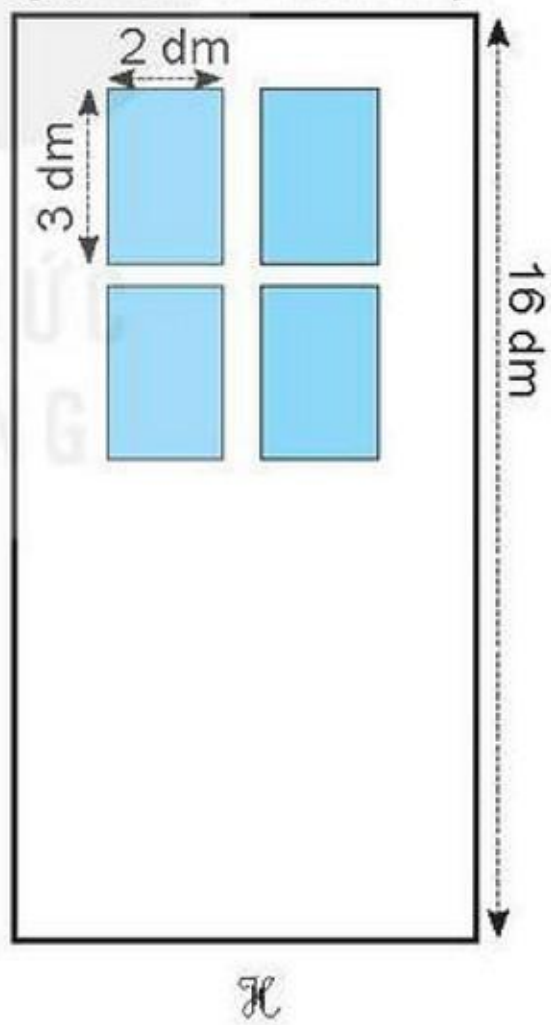
Em làm sàn nhà bằng cách dùng keo dán bốn chai thuỷ tinh giống nhau vào một tấm ván gỗ cứng thành bốn chân như nhà sàn. Biết sàn nhà có thể chịu được cân nặng tối đa là 18 yến. Vậy sàn nhà có thể chịu được cân nặng không quá ..... kg.



3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Em cắt bìa cứng thành một cánh cửa hình chữ nhật với kích thước như trong hình $\mathcal{H}$. Diện tích của cả cánh cửa là ..... dm^2.

Sau đó, em khoét bỏ bốn ô hình chữ nhật giống nhau trên cánh cửa ấy với kích thước như trong hình. Phần diện tích bị khoét là ..... dm^2.



$\mathcal{H}$

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Em muốn gấp 8 chú ngựa và 6 chú vẹt để treo trang trí quanh nhà. Biết để gấp mỗi chú ngựa em cần 90 giây và để gấp mỗi chú vẹt em cần 80 giây.

Vậy em cần tất cả ..... giây để gấp xong.

BÀI
21 LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 6 m^2 = ... dm^2 600 dm^2 = ... m^2

b) 4 cm^2 = ... mm^2 400 mm^2 = ... cm^2

c) 7 m^2 15 dm^2 = ... dm^2 5 cm^2 4 mm^2 = ... mm^2

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 8 yến 7 kg = ... kg 5 yến 2 kg = ... kg

b) 1 tạ 30 kg = ... kg 2 tạ 5 yến = ... yến

c) 9 tấn = ... tạ 2 tấn 13 kg = ... kg

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Khu vườn của cô Trà có dạng hình chữ nhật với diện tích 5 000 m^2. Cô Trà chia đều khu vườn đó thành năm phần.

a) Diện tích mỗi phần là ..... m^2.

b) Cứ mỗi 1 000 m^2, cô Trà thu được 160 kg đậu nành. Như vậy, cô Trà thu hoạch được tất cả ..... yến đậu nành.

4 Ở nhà máy chế biến tôm, chị Dung lột vỏ một con tôm hết 6 giây. Hỏi chị ấy cần bao nhiêu giây để lột vỏ 7 con tôm?

Bài giải

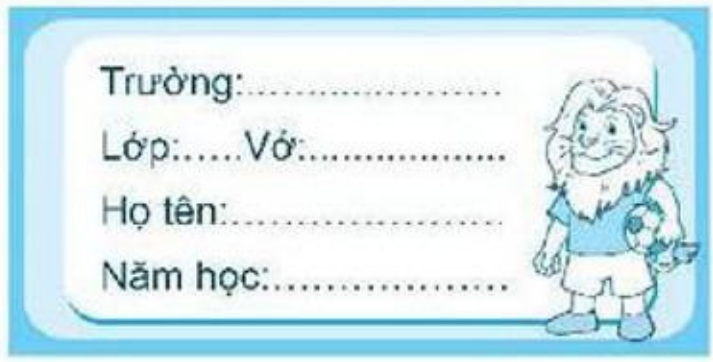
.....

.....

.....

5 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Em hãy đo độ dài các cạnh rồi tính diện tích chiếc nhãn vở hình chữ nhật.



Nhãn vở rộng ..... cm, dài ..... cm, diện tích ..... cm^2.

Tiết 2

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 9 thế kỉ = ... năm

b) 900 năm = ... thế kỉ

3 phút = ... giây

67 giây = ... phút ..... giây

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Thím Tư có 2 tạ thóc. Vào cuối vụ, thím bán 8 yến thóc để mua 10 con vịt giống.

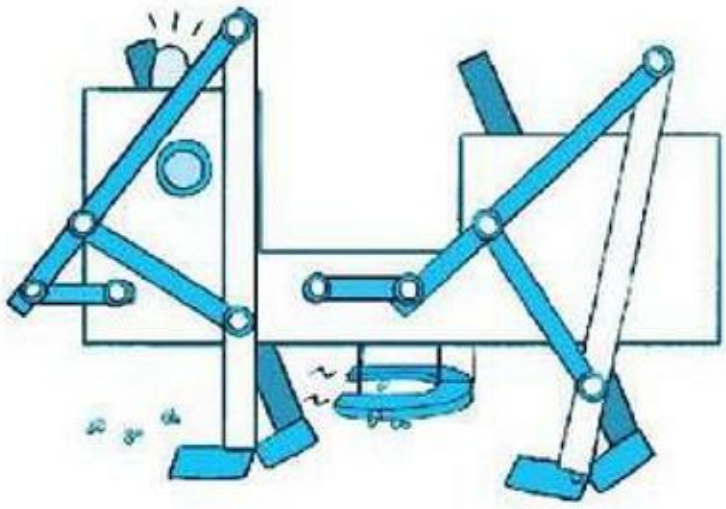


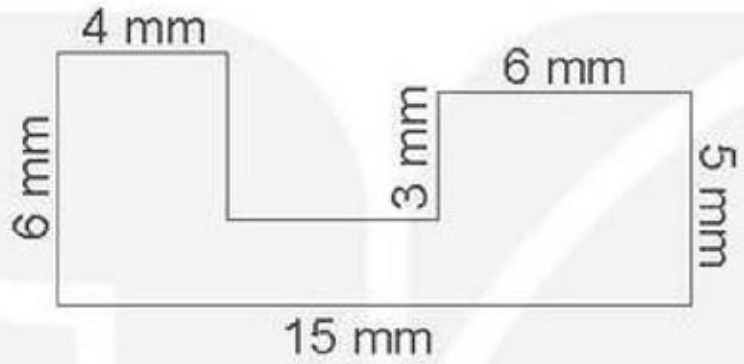
Sau hai tháng, mỗi con vịt ăn hết 3 kg thóc. Vậy lúc đó thím Tư còn lại ..... kg thóc.

Thím Tư bán đi 2 con vịt. Biết mỗi con vịt bán được 85 000 đồng. Tiền bán vịt của thím Tư là ..... đồng.

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Dưới đây là kích thước và hình vẽ của một chi tiết máy.



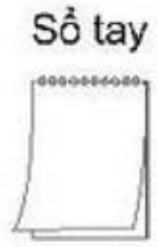


Diện tích của chi tiết máy đó là ..... mm^2.

4 Nối diện tích thích hợp với mỗi vật.







83 cm^2	100 m^2	83 dm^2

5 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Bộ bách khoa toàn thư đầu tiên của Việt Nam là Lịch triều hiến chương loại chí, bắt đầu được biên soạn vào năm 1809. Dịp kỉ niệm 500 năm bộ sách này sẽ vào năm ..... Năm đó thuộc thế kỉ .....

BÀI 22

PHÉP CỘNG CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

Tiết 1

1 Tính rồi tô màu đỏ vào trang giấy ghi phép tính có kết quả lớn nhất, màu vàng vào trang giấy ghi phép tính có kết quả bé nhất.

32 000 + 5 000 = ...	7 420 + 6 380 = ...	26 085 + 2 490 = ...

2 Đặt tính rồi tính.

5 218 + 4 071	53 728 + 6 251
.....	.....
.....	.....
.....	.....
152 367 + 437 432	360 738 + 582 352
.....	.....
.....	.....
.....	.....

3 Một trang web, trong ngày thứ nhất có 215 382 lượt truy cập, ngày thứ hai có nhiều hơn ngày thứ nhất 20 213 lượt truy cập. Hỏi:

a) Ngày thứ hai có bao nhiêu lượt truy cập vào trang web?

b) Cả hai ngày có bao nhiêu lượt truy cập vào trang web?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài giải

.....

.....

.....

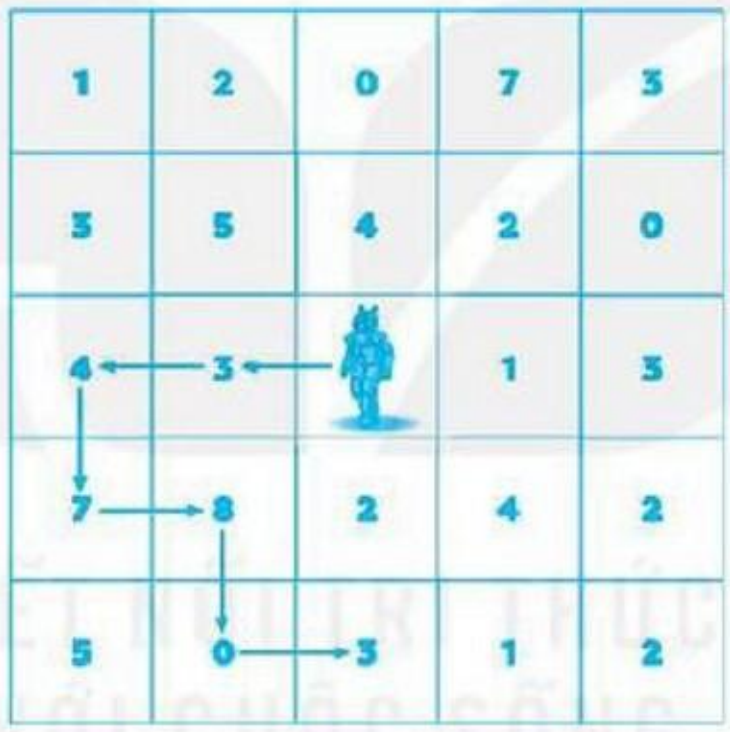
.....

.....

.....

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Rô-bốt đang ở ô trung tâm của một bảng vuông như hình dưới đây:



Ở mỗi bước, rô-bốt chỉ di chuyển đến những ô vuông có chung cạnh với ô vuông trước đó (tức là rô-bốt chỉ di chuyển theo hàng ngang hoặc cột dọc mà không di chuyển theo đường chéo) và không quay lại những ô đã đi qua.

Chẳng hạn, với cách đi theo đường mũi tên như trong hình vẽ trên, rô-bốt sẽ có được số 347 803.

Số lớn nhất có sáu chữ số mà rô-bốt có được nếu xuất phát từ ô trung tâm là .....

Số bé nhất có sáu chữ số mà rô-bốt có được nếu xuất phát từ ô trung tâm là.....

Tổng của số lớn nhất và số bé nhất ở trên là .....

Tiết 2

1 Đặt tính rồi tính.

6 705 + 826	625 280 + 26 342	627 924 + 128 036
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Giá tiền của một số đồ chơi được cho như bảng sau:

STT	Tên đồ chơi	Giá tiền (đồng)
1	Xe buýt: 	73 000
2	Ô tô đua F1: 	35 000
3	Máy bay: 	42 000
4	Tàu thuỷ: 	20 000

a) Với 100 000 đồng, có thể mua được xe buýt và đồ chơi nào?

A. Ô tô đua F1 B. Máy bay C. Tàu thuỷ

b) Mua hai đồ chơi nào dưới đây hết nhiều tiền nhất?

A. Ô tô đua F1 và máy bay

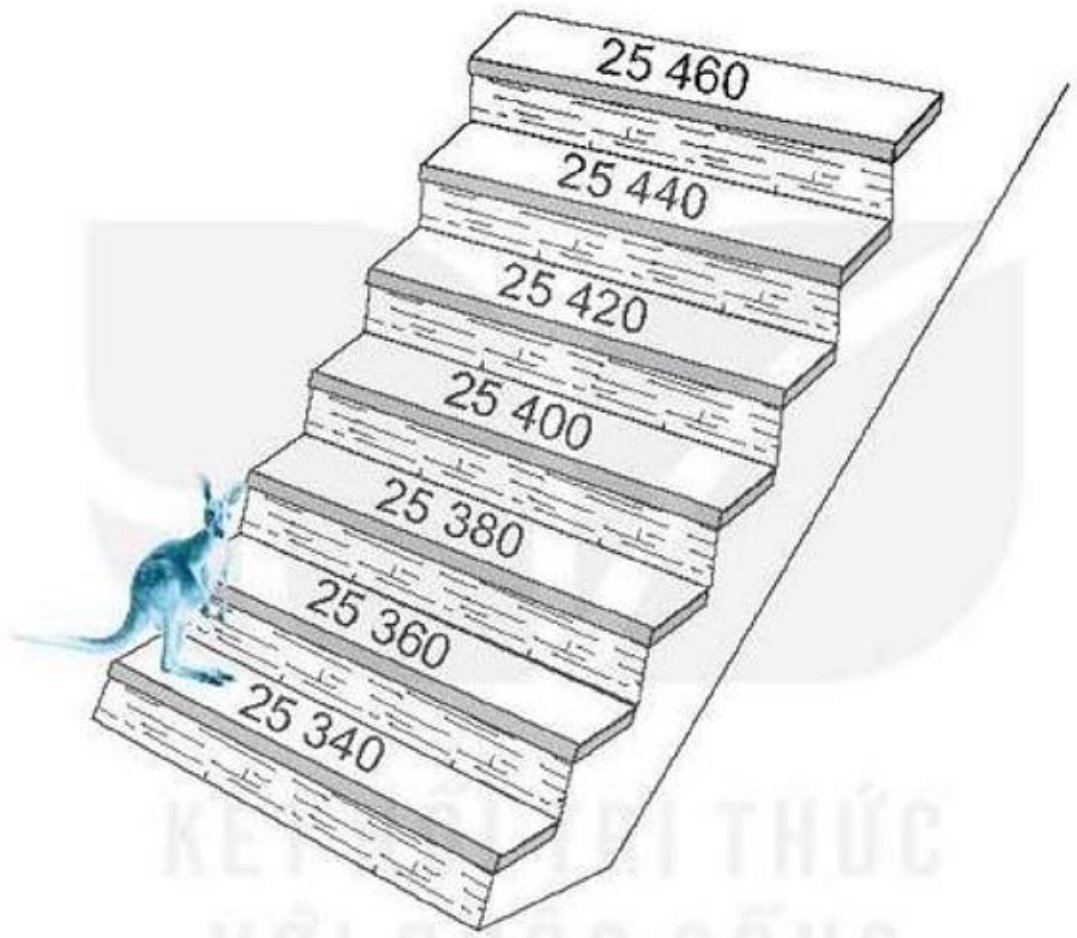
B. Xe buýt và tàu thuỷ

C. Ô tô đua F1 và tàu thuỷ

3 Viết chữ số thích hợp vào ô trống.

$$\begin{array}{r} 25\square4\square \\ +\quad \square2\square6 \\ \hline 29528 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 3\square1\square2 \\ +\quad 57\square47 \\ \hline 9630\square \end{array}$$

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.



Con chuột túi sẽ nhảy hai bước, mỗi bước nhảy qua hai bậc.

a) Chuột túi sẽ nhảy đến những bậc thang ghi số .....

b) Tổng các số thu được ở câu a là .....

BÀI 23 PHÉP TRỪ CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

Tiết 1

1 Đặt tính rồi tính.

74 825 – 3 562	627 395 – 416 343	687 240 – 563 513
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Trong 1 giờ đi được 800 000 m.



Trong 1 giờ đi được 80 000 m.



Trong 1 giờ máy bay đi được nhiều hơn ô tô số mét là: .....

.....

3 Tàu màu trắng chở 247 560 *l* dầu. Tàu màu đỏ chở 85 500 *l* dầu. Hỏi tàu nào chở nhiều dầu hơn và nhiều hơn bao nhiêu lít?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.



Bạn cá voi xanh nặng hơn bạn voi bao nhiêu ki-lô-gam?

A. 183 730 kg B. 184 730 kg C. 184 330 kg

Tiết 2

1 Số ?

Số bị trừ	672 829	782 025	627 000	
Số trừ	41 320	62 023		128 000
Hiệu			316 000	521 000

2 Viết chữ số thích hợp vào ô trống.

$$\begin{array}{r} 7\square 2863 \\ -\ 13815\square 7 \\ \hline 62\square 70\square \end{array} \qquad \begin{array}{r} 71956\square \\ -\ \square 35\square 87 \\ \hline 28\square 081 \end{array}$$

3 Cô Lan đi chợ mua hoa quả. Cô Lan mua bưởi hết 150 000 đồng và mua táo hết 120 000 đồng. Cô Lan đưa tờ 500 000 đồng cho người bán hàng. Hỏi người bán hàng phải trả lại cho cô Lan bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Rô-bốt viết số 7 132 956 lên bảng.

7 132 956

Xoá đi một chữ số bất kì để thu được số có sáu chữ số.

Số lớn nhất có thể nhận được sau khi xoá là .....

Số bé nhất có thể nhận được sau khi xoá là .....

Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất ở trên là .....

BÀI 24

TÍNH CHẤT GIAO HOÁN VÀ KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG

Tiết 1

1 Không thực hiện phép tính, hãy viết kết quả của các phép cộng sau.

871 + 918 = 1 789 | 918 + 871 = ...

6 311 + 1 949 = 8 260 | 1 949 + 6 311 = ...

84 + 8 371 = 8 455 | 8 371 + 84 = ...

2 Cho biểu thức chứa chữ a + b + c. Tô màu các tấm bảng dưới đây ghi biểu thức có giá trị bằng biểu thức đã cho.

a + b	a + c + b	c + b + d	b + a + c

3 Không thực hiện phép tính, hãy nối các biểu thức có giá trị bằng nhau.

1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7	321 + 76 + 54
1 935 + a	a + 1 935
a + b + c + 1 935	7 + 6 + 5 + 4 + 3 + 2 + 1
76 + 54 + 321	1 935 + b + a + c

4 Tính bằng cách thuận tiện.

a) 8 + 9 + 2 = ...
= .....
= .....

b) 28 + 93 + 72 = ...
= .....
= .....

c) 90 + 76 + 10 = ...
= .....
= .....

d) 50 + 98 + 50 = ...
= .....
= .....

Tiết 2

1 Tính giá trị của biểu thức (theo mẫu).

a	b	c	(a + b) + c	a + (b + c)
1	3	6	(1 + 3) + 6 = 4 + 6 = 10	1 + (3 + 6) = 1 + 9 = 10
41	17	33		
192	401	339		

2 Tính bằng cách thuận tiện.

83 + 450 + 50 = ...
= .....
= .....

25 + 982 + 75 = ...
= .....
= .....

800 + 381 + 200 = ...
= .....
= .....

70 + 75 + 30 + 25 = ...
= .....
= .....

3 Viết số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm.

81 + 3 + a = ... + 3 + 81

a + (b + c) = (a + ...) + c

(92 + 73) + 8 = ... + (8 + 92)

a + b + c + d = a + b + (..... + d)

4 Tính tổng sau bằng cách thuận tiện.

1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9 = ...

= .....

= .....

Tiết 3

1 Viết số hoặc chữ thích hợp vào chỗ chấm.

a) 817 + 819 = 819 + ...

b) ..... + 2 022 = 2 022 + 2 021

c) a + b + c = b + (c + ...)

d) 87 + 15 + 13 + 85 = (87 + ...) + (15 + 85)

2 Tính bằng cách thuận tiện.

a) 125 + 831 + 875 = ...

= .....

= .....

b) 31 + 34 + 36 + 39 = ...

= .....

= .....

c) 700 + 983 + 300 = ...

= .....

= .....

d) 30 + 40 + 60 + 70 = ...

= .....

= .....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Tính giá trị của biểu thức a + b + c + d với:

a) a = 400; b = 999; c = 600; d = 1.

a + b + c + d = ...

= .....

= .....

b) a = 75; b = 80; c = 20; d = 25.

a + b + c + d = ...

= .....

= .....

4 Thống kê số lượng chiếc ô bán ra trong 3 ngày của cửa hàng A như sau:

Ngày thứ nhất: 75 chiếc ô.

Ngày thứ hai: 119 chiếc ô.

Ngày thứ ba: 25 chiếc ô.

Hỏi trong ba ngày đó, cửa hàng A bán được bao nhiêu chiếc ô?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 25 TÌM HAI SỐ BIẾT TỔNG VÀ HIỆU CỦA HAI SỐ ĐÓ

Tiết 1

1 Trên sân cả gà và vịt có 120 con, trong đó gà nhiều hơn vịt là 40 con. Hỏi trên sân có bao nhiêu con gà, bao nhiêu con vịt?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2 Năm nay tổng số tuổi của hai mẹ con là 35 tuổi. Hỏi năm nay mẹ bao nhiêu tuổi, con bao nhiêu tuổi? Biết mẹ hơn con 25 tuổi.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

3 Có 26 con chim đậu trên hai cành cây. Số chim đậu ở cành trên ít hơn số chim đậu ở cành dưới là 8 con. Hỏi có bao nhiêu con chim đậu ở cành dưới?

Bài giải

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Một lớp học võ dân tộc có 42 bạn tham gia, trong đó số bạn nữ nhiều hơn số bạn nam là 2 bạn. Hỏi lớp học võ đó có bao nhiêu bạn nữ, bao nhiêu bạn nam?

Bài giải

.....

.....

.....

2 Một hình chữ nhật có nửa chu vi là 15 cm và chiều dài hơn chiều rộng là 3 cm. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3 Khối lớp Bốn tổ chức ba đợt cho 170 học sinh đi tham quan các làng nghề truyền thống, đợt thứ nhất nhiều hơn đợt thứ hai 10 bạn, đợt thứ ba có 50 bạn. Hỏi mỗi đợt có bao nhiêu học sinh đi tham quan làng nghề truyền thống?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4 Hai số chẵn liên tiếp có tổng là 46. Tìm hai số chẵn liên tiếp đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 26 LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 Tính nhẩm.

a) 20 000 000 + 500 000 – 6 000 000 = ...

b) 7 000 000 + (3 000 000 – 500 000) = ...

c) 300 000 – 50 000 + 700 000 = ...

d) 5 000 000 – (40 000 – 30 000) = ...

2 Đ, S ?

a)
$$\begin{array}{r} 9\,841\,000 \\ -\ 5\,000 \\ \hline 4\,841\,000 \end{array}$$ ☐

b)
$$\begin{array}{r} 2\,396\,517 \\ -\ 449\,085 \\ \hline 2\,153\,572 \end{array}$$ ☐

c)
$$\begin{array}{r} 4\,281\,004 \\ +\ 1\,205\,019 \\ \hline 5\,486\,023 \end{array}$$ ☐

3 Tính kết quả các phép tính dưới đây rồi tô màu ô số thể hiện kết quả theo mẫu để được hình vẽ bí ẩn.

1	3	2	5	0	4	4	2
5	6	3	5	1	6	0	4
5	7	1	3	5	3	4	0
9	5	7	2	8	0	4	8
2	0	7	4	0	2	6	3

38 876 – 38 201 = 675

308 + 208 = ...

81 – 56 = ...

16 183 + 39 141 = ...

1 000 000 – 999 905 =.....

1 872 + 4 430 = ...

100 000 000 – 99 999 992 = ...

8 279 476 – 7 565 942 = ...

4 Cửa hàng có bán cuốn sách "Em yêu Toán học" với giá 125 000 đồng. Đang trong thời gian khuyến mãi, khách hàng sẽ được giảm 30 000 đồng khi mua hai cuốn sách cùng loại. Mai đã mua hai cuốn sách đó. Hỏi Mai cần phải trả cửa hàng bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Đặt tính rồi tính.

87 172 + 18 383

.....

.....

.....

183 991 + 283 807

.....

.....

.....

1 824 449 – 482 729

.....

.....

.....

48 182 183 – 17 529 092

.....

.....

.....

2 Tính bằng cách thuận tiện.

a) 981 827 110 + 59 498 118 – 81 827 110

= .....

= .....

= .....

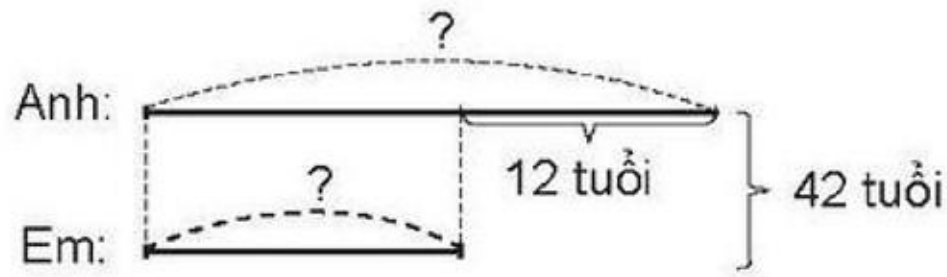
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

b) 78 000 + 18 298 + 2 000 = ...

= .....

= .....

3 Lập một đề toán dựa vào sơ đồ sau rồi giải bài toán đó.



Bài toán:

.....

.....

.....

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

4 Cô Huyền có 11 500 000 đồng. Cô mua một chiếc máy với giá 2 750 000 đồng. Sau đó, cô bán chiếc máy đó với giá 3 250 000 đồng. Hỏi sau khi bán cô Huyền có bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

5 Số 20 150 808 được ghép từ 8 thẻ số như hình dưới đây.



Mỗi lượt di chuyển, Việt chỉ có thể đổi chỗ hai tấm thẻ cho nhau. Hỏi Việt cần ít nhất mấy lượt di chuyển để được số 80 080 215.

.....

.....

.....

Tiết 3

1 Đặt tính rồi tính.

87 819 993 – 17 903 987

.....

.....

.....

9 813 441 – 807 290

.....

.....

.....

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Hoá đơn 1:

Mặt hàng	Đơn giá (đồng)
Rau muống:	13 000
Củ cải:	7 500
Sữa tươi:	27 500
Tổng	48 000

Hoá đơn 2:

Mặt hàng	Đơn giá (đồng)
Pin AAA:	47 000
Đèn pin:	133 000
Áo mưa:	53 000
Tổng	300 000

Hoá đơn 3:

Mặt hàng	Đơn giá (đồng)
Bỉm bỉm:	11 000
Nước muối:	5 000
Nước giặt:	84 500
Tổng	100 500

Hoá đơn nào tính sai giá tiền?

A. Hoá đơn 1 B. Hoá đơn 2 C. Hoá đơn 3

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Bảo Ngọc mua một cuốn sách tô màu và một hộp bút màu. Giá của cuốn sách đó là 45 000 đồng. Giá của hộp bút màu nhiều hơn giá của cuốn sách là 5 000 đồng. Hỏi Bảo Ngọc cần trả cho cửa hàng bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

4 Trong dịp "Kế hoạch nhỏ" vừa qua, Nam và Việt đã quyên góp được 30 kg giấy vụn. Nam quyên góp ít hơn Việt 6 kg giấy vụn. Hỏi mỗi bạn đã quyên góp bao nhiêu ki-lô-gam giấy vụn?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

5 Tô màu hai tấm thẻ mà khi đổi chỗ vị trí hai tấm thẻ đó thì được phép tính đúng.

4	9	5	9	9	−	4	9	9	0	0	=	4	9	9

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

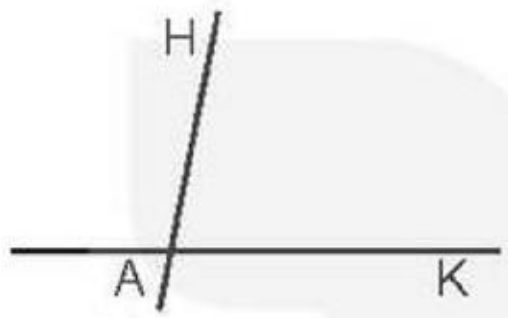
BÀI 27 HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC

Tiết 1

1 Viết vuông góc hoặc không vuông góc vào chỗ chấm cho thích hợp.

Dùng ê ke để kiểm tra hai đường thẳng có vuông góc với nhau hay không.

a)



Đường thẳng AH ..... với đường thẳng AK.

b)



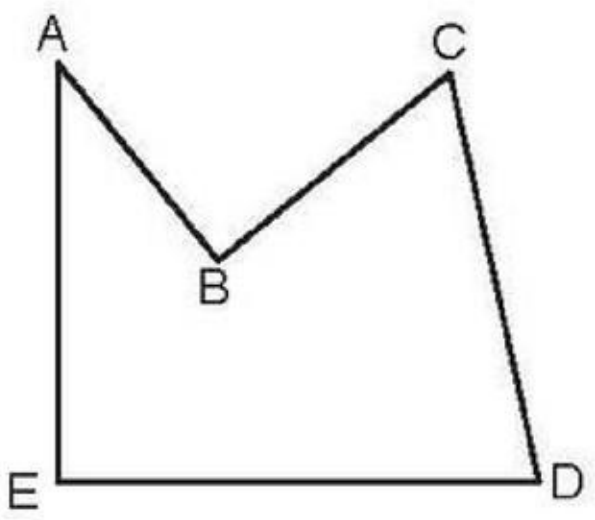
Đường thẳng OM ..... với đường thẳng ON.

2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Dùng ê ke để kiểm tra góc vuông rồi nêu tên từng cặp đoạn thẳng vuông góc với nhau trong hình bên.

Các cặp đoạn thẳng vuông góc với nhau trong hình bên là: .....

.....

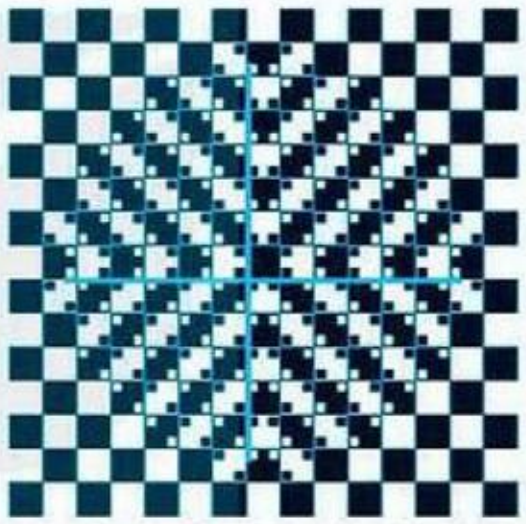


KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Khoanh vào những hình ảnh chứa hai đoạn thẳng vuông góc có trong bức tranh dưới đây của các bạn học sinh lớp 4A.



4 Quan sát hình bên và trả lời câu hỏi.



Hai đường kẻ màu xanh trong hình bên có vuông góc với nhau hay không?

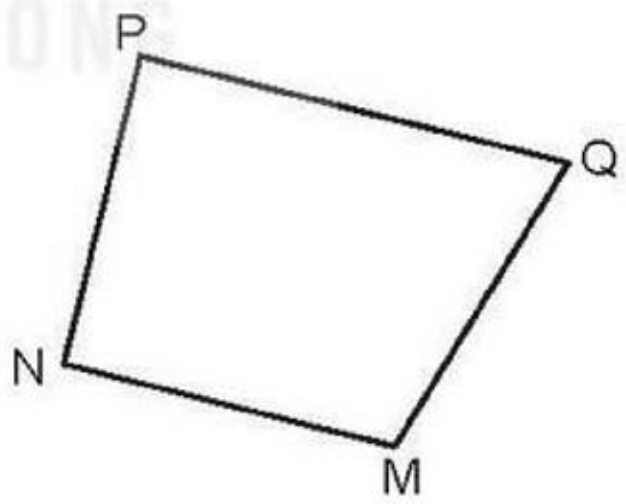
Trả lời: .....

.....

Tiết 2

1 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Cho hình tứ giác MNPQ có góc đỉnh N và góc đỉnh P là các góc vuông.



Các cặp cạnh vuông góc với nhau có trong hình là: .....

.....

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Rô-bốt vẽ đoạn thẳng màu xanh vuông góc với đoạn thẳng màu đen rồi vẽ đoạn thẳng màu đen khác vuông góc với đoạn thẳng màu xanh. Hỏi hình nào dưới đây là hình vẽ của Rô-bốt?

A.



B.



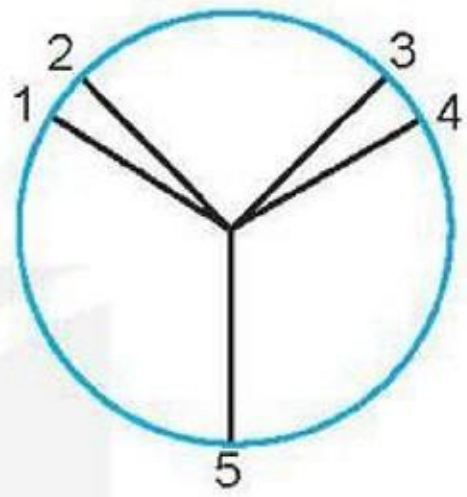
C.



D.



3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.



Trên ô cửa sổ có 5 thanh sắt được đánh số từ 1 đến 5. Bố của Mai sẽ sơn màu đỏ cho hai thanh sắt vuông góc với nhau và sơn màu vàng cho ba thanh sắt còn lại.

Vậy hai thanh sắt được sơn màu đỏ là thanh sắt số ..... và thanh sắt số .....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Cho hình vẽ dấu chân của một số con vật.



Mèo



Chuột

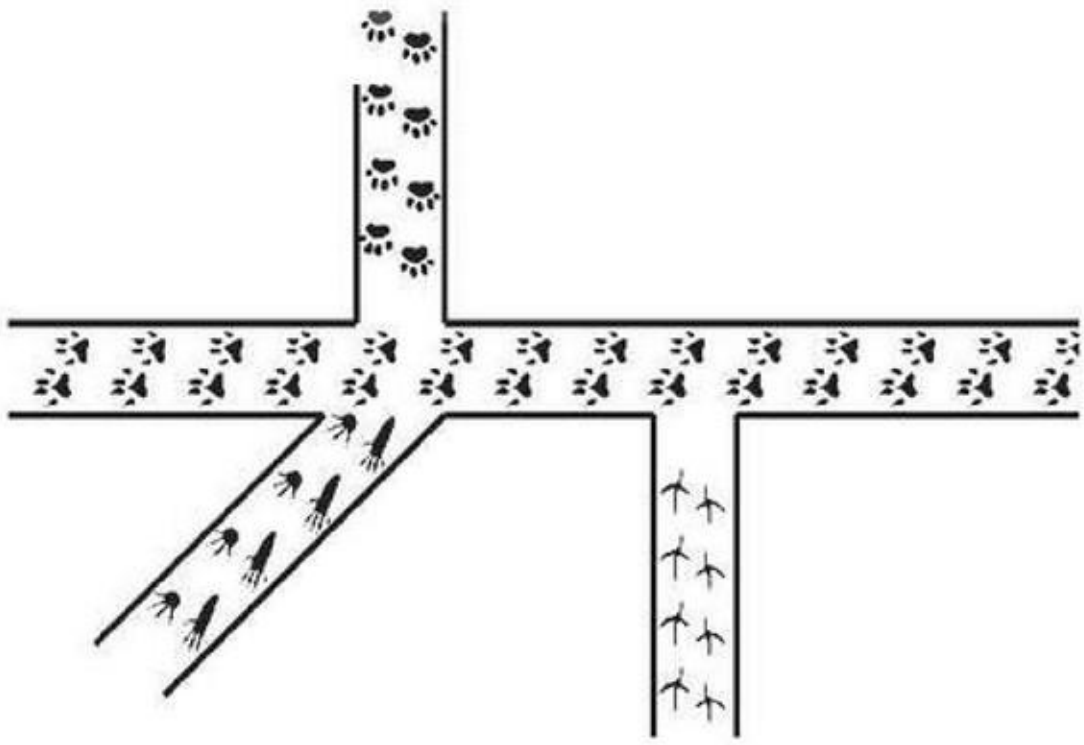


Chó



Gà

Biết mỗi con vật đi một đường khác nhau và chúng để lại dấu chân trên đường đi như sau:



Hỏi đường đi của hai con vật nào dưới đây vuông góc với nhau?

A. Mèo và gà

B. Chuột và mèo

C. Mèo và chó

D. Gà và chuột

BÀI 28 THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VẼ HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC

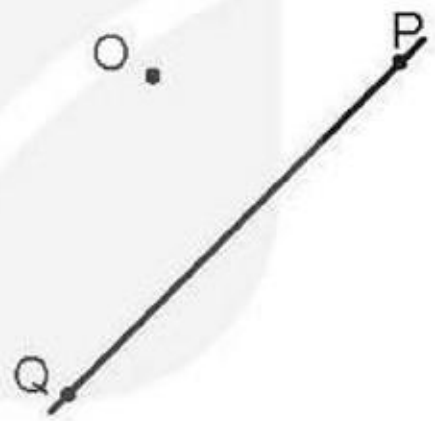
Tiết 1

1 Vẽ đường thẳng MN đi qua điểm O và vuông góc với đường thẳng PQ cho trước trong từng trường hợp sau.

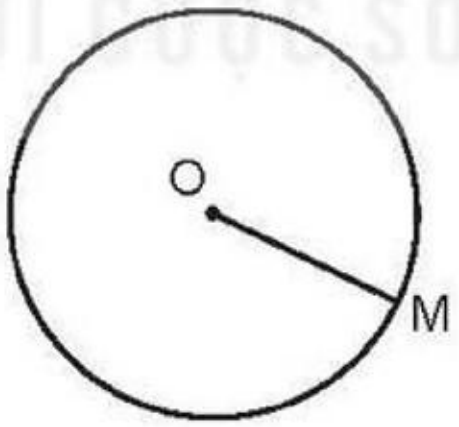
a) Điểm O ở trên đường thẳng PQ.



b) Điểm O ở ngoài đường thẳng PQ.



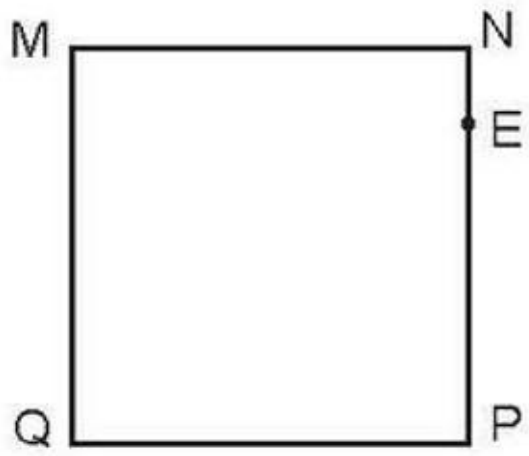
2 Cho đường tròn tâm O, bán kính OM. Hãy vẽ đường kính AB vuông góc với bán kính OM.



3 a) Cho hình vuông MNPQ và điểm E trên cạnh NP.

Hãy vẽ đường thẳng đi qua điểm E và vuông góc với NP, cắt cạnh QM tại điểm G.

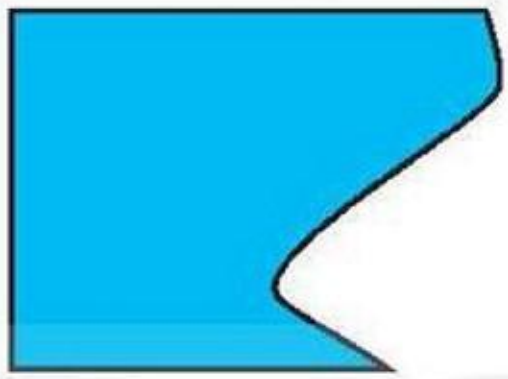
b) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.



Bằng cách vẽ ở trên, ta được các hình tứ giác ở trong hình vuông MNPQ đều là hình chữ nhật.

Các hình chữ nhật đó là: .....

4 Vẽ một đường thẳng vào hình dưới đây để khi cắt theo đường thẳng đó ta sẽ nhận được 1 hình chữ nhật.



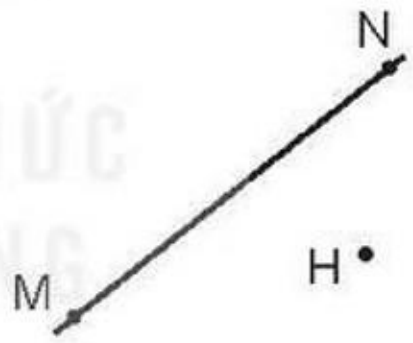
Tiết 2

1 Vẽ đường thẳng AB đi qua điểm H và vuông góc với đường thẳng MN cho trước.

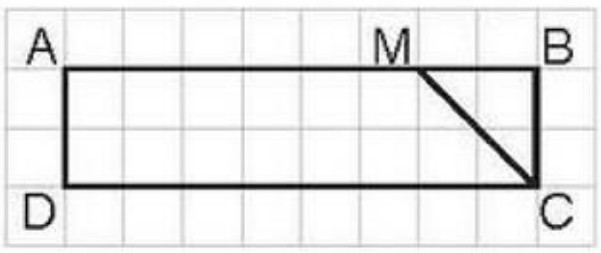
a)



b)

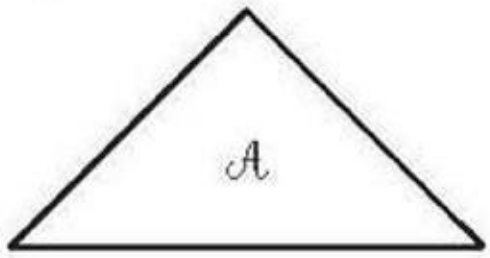


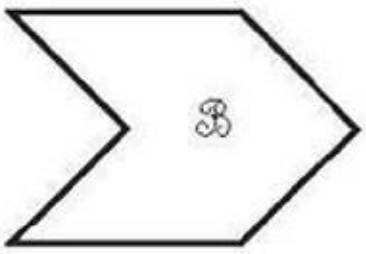
2 a) Vẽ đoạn thẳng MN vuông góc với đoạn thẳng MC (điểm N ở trên đoạn thẳng CD). Vẽ đoạn thẳng NP vuông góc với cạnh AB (điểm P ở trên đoạn thẳng AB).

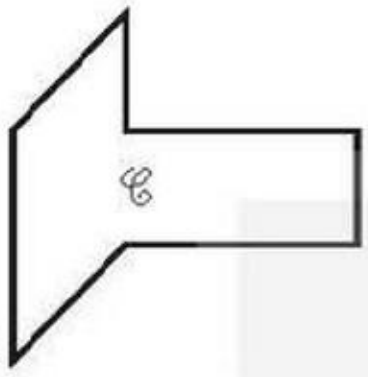


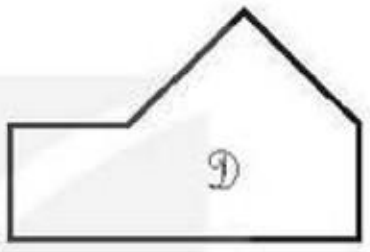
b) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Cắt hình chữ nhật ABCD (ở câu a) thành bốn phần theo các đoạn thẳng CM, MN và NP. Với các phần đó, ta không thể ghép được hình nào trong số các hình dưới đây?

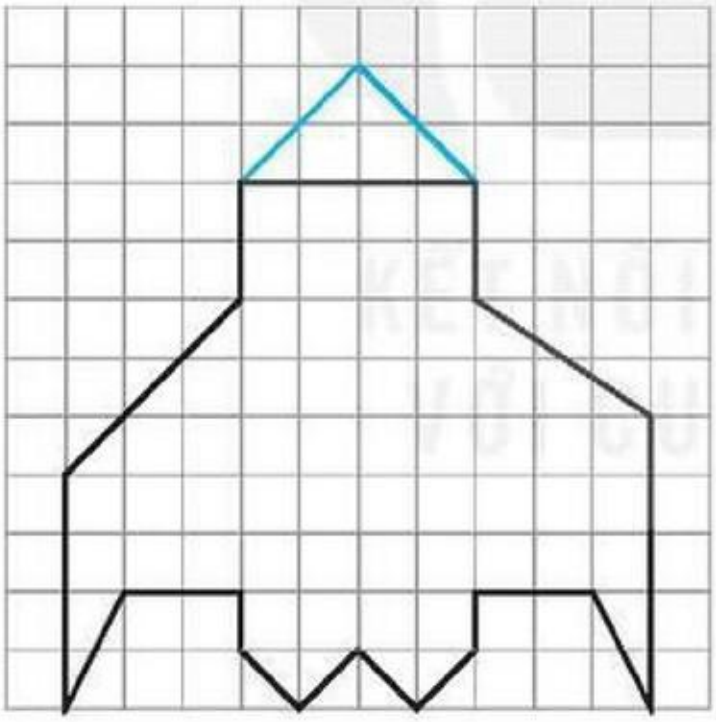
A. 

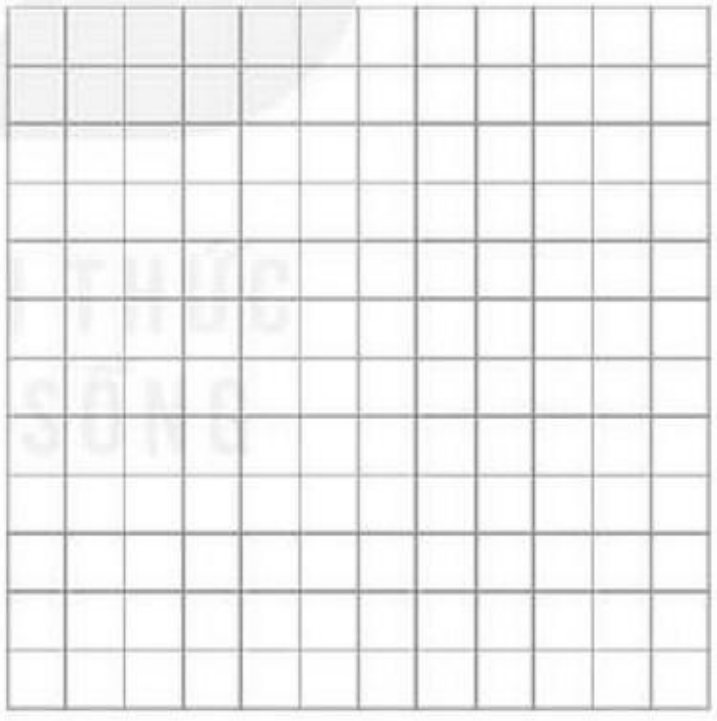
B. 

C. 

D. 

3 a) Vẽ hình (theo mẫu).





b) Viết vuông góc hoặc không vuông góc vào chỗ chấm cho thích hợp.

Hai đường kẻ màu xanh trong hình trên ..... với nhau.

BÀI 29

HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG

Tiết 1

1 Viết song song hoặc không song song vào chỗ chấm cho thích hợp.

Trong hình vẽ bên:



Cạnh MQ ..... với cạnh MN.

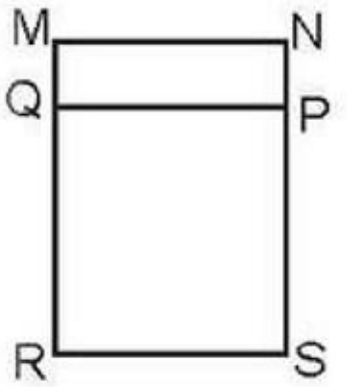
Cạnh MQ ..... với cạnh NP.

Cạnh MQ ..... với cạnh QP.

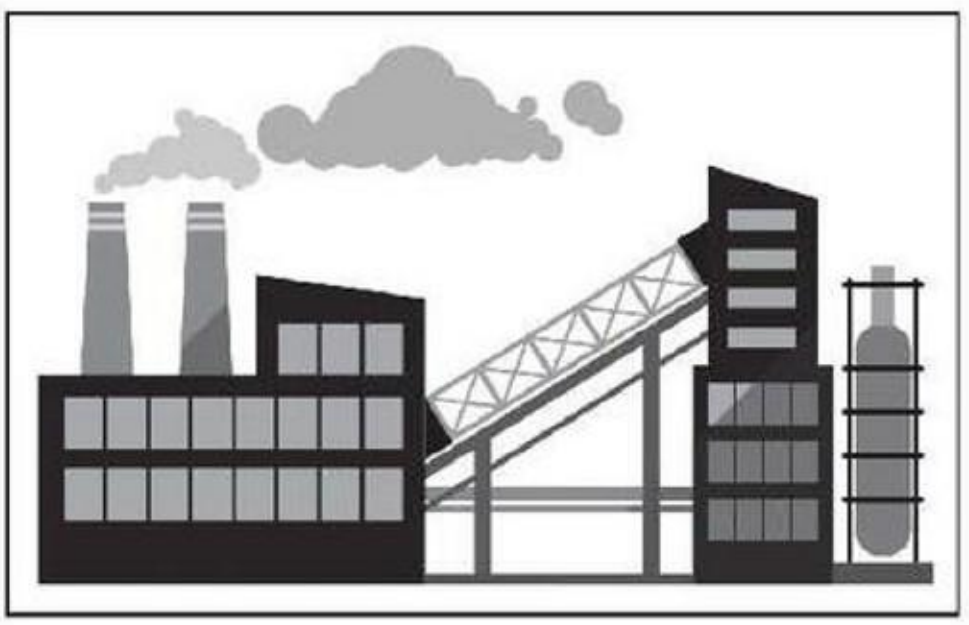
2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Trong hình bên, các hình MNPQ, PQRS và MNSR đều là hình chữ nhật.

Vậy cạnh RS song song với các cạnh .....

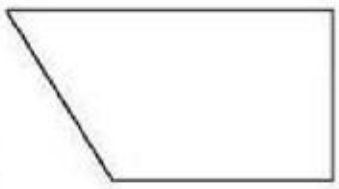


3 Tô đậm vào một hình ảnh về hai đường thẳng song song có trong bức tranh sau của Rô-bốt.



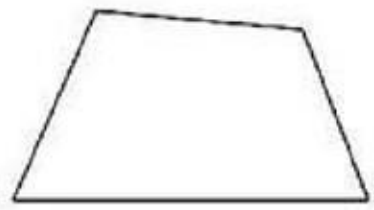
4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Hình nào dưới đây có hai cặp cạnh song song với nhau?

A. 

B. 

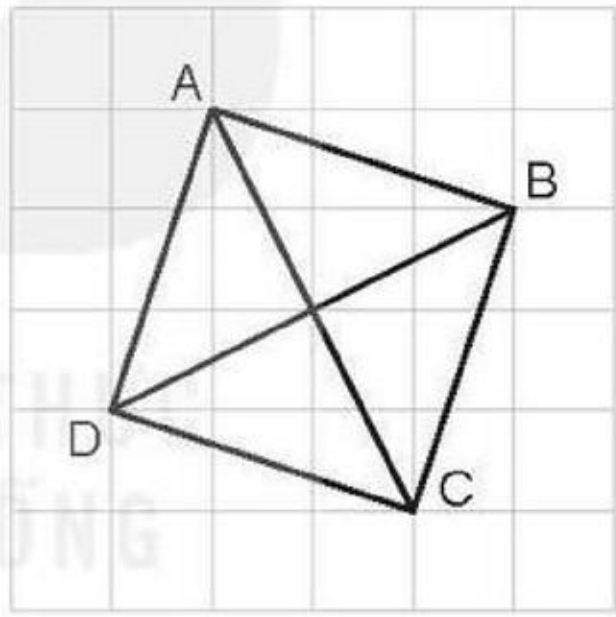
C. 

D. 

Tiết 2

1 Đ, S ?

Trong hình vẽ bên có ABCD là hình vuông.



a) Hai đoạn thẳng AB và DC song song với nhau. ☐

b) Hai đoạn thẳng AD và AC song song với nhau. ☐

c) Hai đoạn thẳng AC và BD vuông góc với nhau. ☐

2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Nam dùng que tính xếp thành 5 chữ cái như sau:



– Chữ cái có ít nhất một cặp que tính được xếp song song là chữ .....
.....

– Chữ cái có ít nhất một cặp que tính được xếp vuông góc là chữ .....

3 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Cho hình vẽ bên. Biết nhà của Việt và nhà của Nam ở hai đường song song với nhau. Hỏi trong các ngôi nhà A, B, C, D, đâu là nhà của Nam?

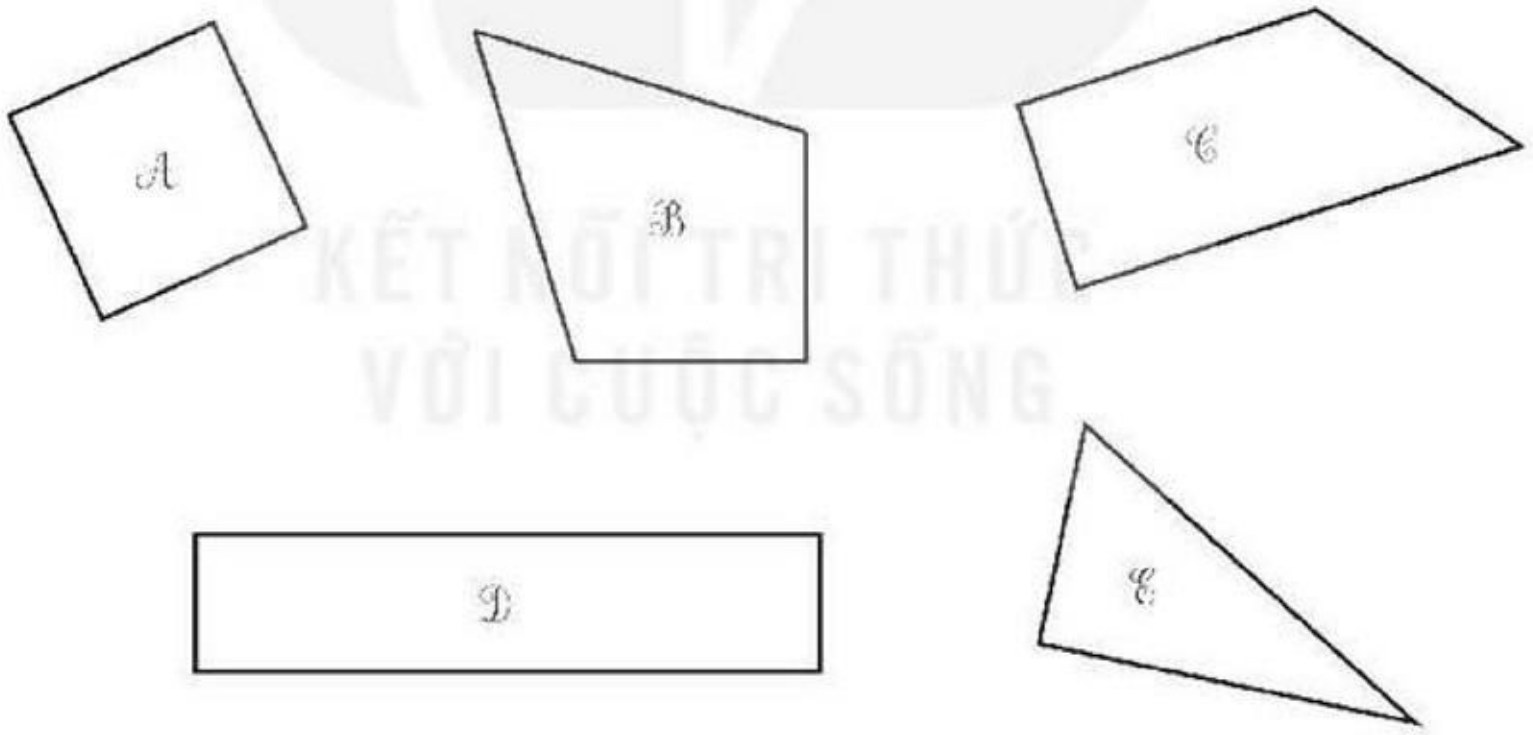


Ngôi nhà của Nam là ngôi nhà

.....

4 Viết tên các hình vào chỗ chấm cho thích hợp.

Cho các hình dưới đây.



a) Các hình có ít nhất một cặp cạnh song song với nhau là hình

.....

b) Các hình có ít nhất một cặp cạnh vuông góc với nhau là hình

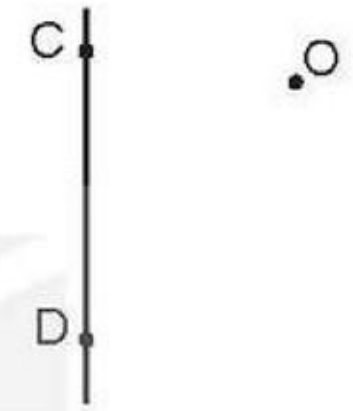
.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

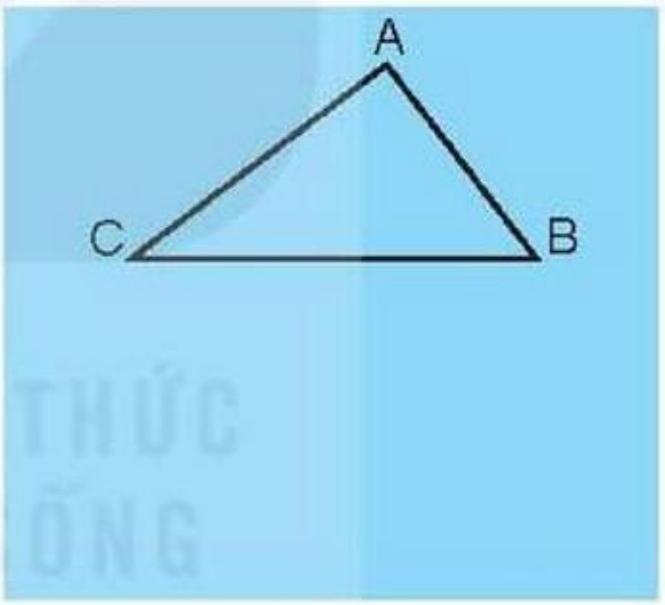
BÀI 30 THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VẼ HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG

Tiết 1

1 Vẽ đường thẳng AB đi qua điểm O và song song với đường thẳng CD cho trước.



2 a) Cho hình tam giác ABC có góc đỉnh A là góc vuông. Qua đỉnh B, hãy vẽ đường thẳng BM song song với cạnh AC. Qua đỉnh C, hãy vẽ đường thẳng CN song song với cạnh AB. Hai đường thẳng BM và CN cắt nhau tại điểm D.

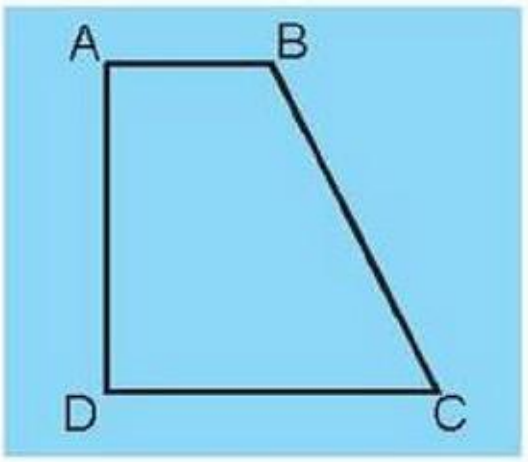


b) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Các cặp cạnh song song với nhau có trong hình tứ giác ABDC là:

.....

3 a) Cho hình tứ giác ABCD có góc đỉnh A và góc đỉnh D đều là góc vuông. Vẽ đường thẳng đi qua B và song song với cạnh AD, cắt cạnh DC tại điểm E.



b) Quan sát hình vẽ được ở câu a rồi trả lời câu hỏi.

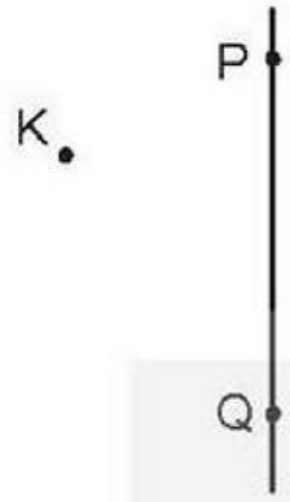
Góc đỉnh E của hình tứ giác BEDA ở trên có là góc vuông hay không?

Trả lời: .....

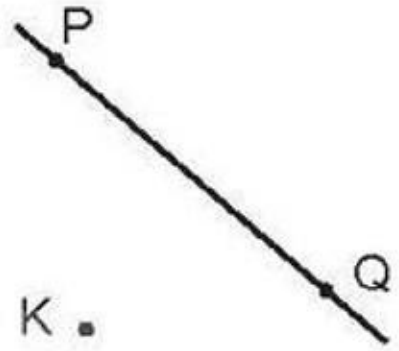
Tiết 2

1 Vẽ đường thẳng MN đi qua điểm K và song song với đường thẳng PQ cho trước.

a)



b)

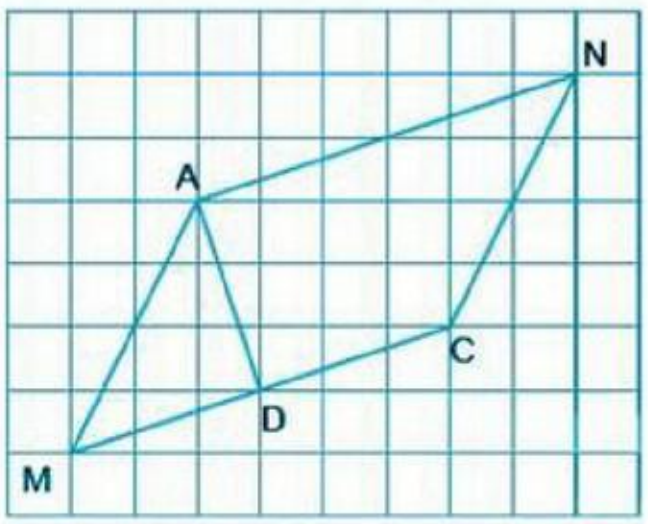


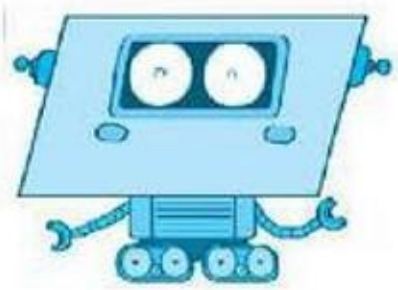
2 a) Vẽ đường tròn tâm O và vẽ các bán kính OA, OB sao cho đoạn thẳng OA vuông góc với đoạn thẳng OB.

b) Vẽ đường thẳng đi qua điểm B và song song với đoạn thẳng OA.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

3 Vẽ đoạn thẳng BC song song với đoạn thẳng AD (điểm B nằm trên đoạn thẳng AN).

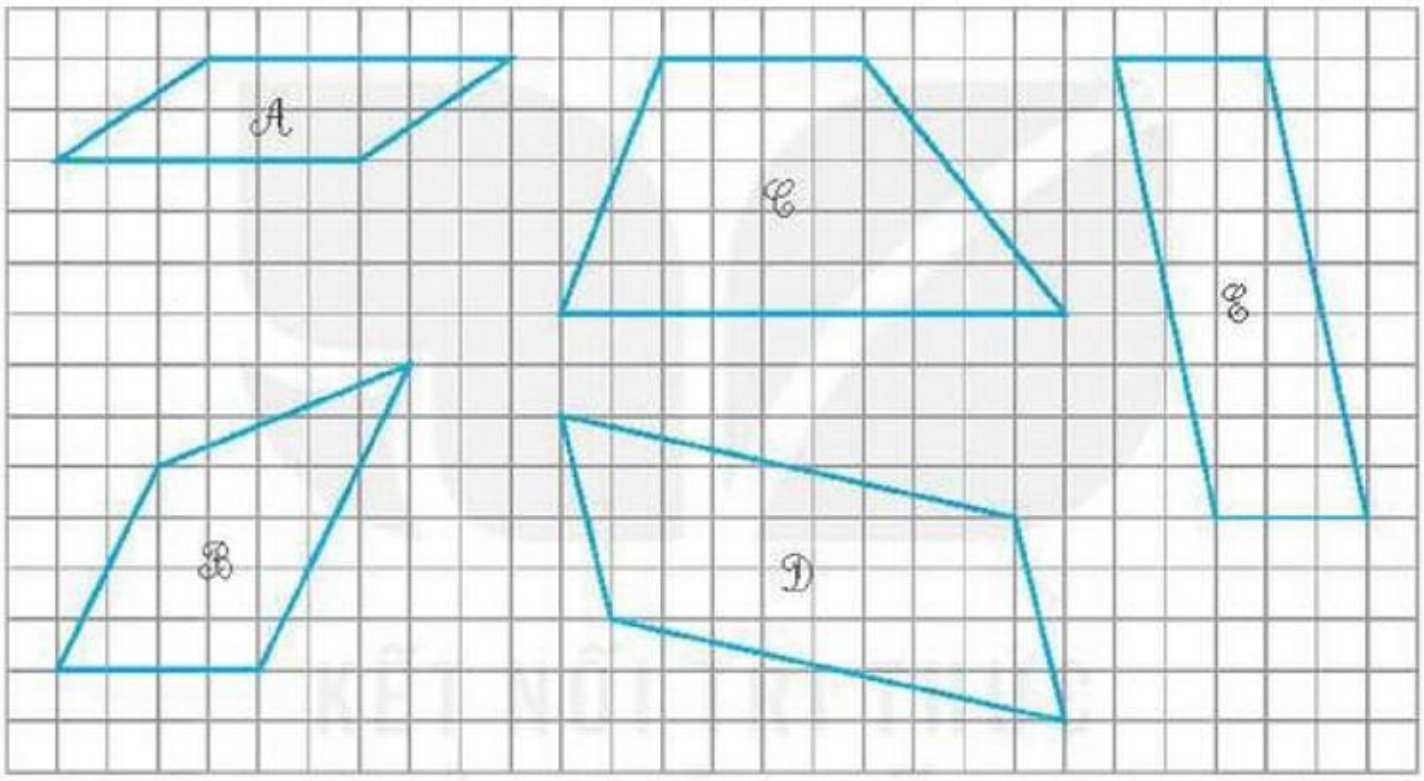




BÀI 31 HÌNH BÌNH HÀNH, HÌNH THOI

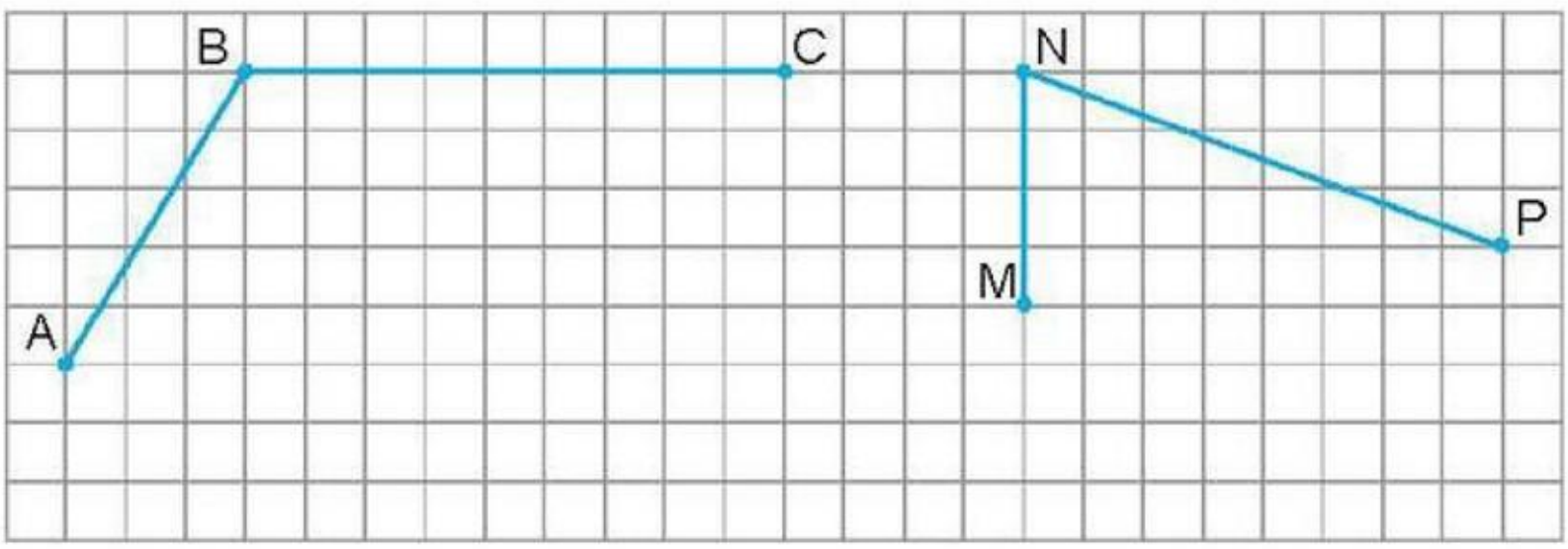
Tiết 1

1 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.



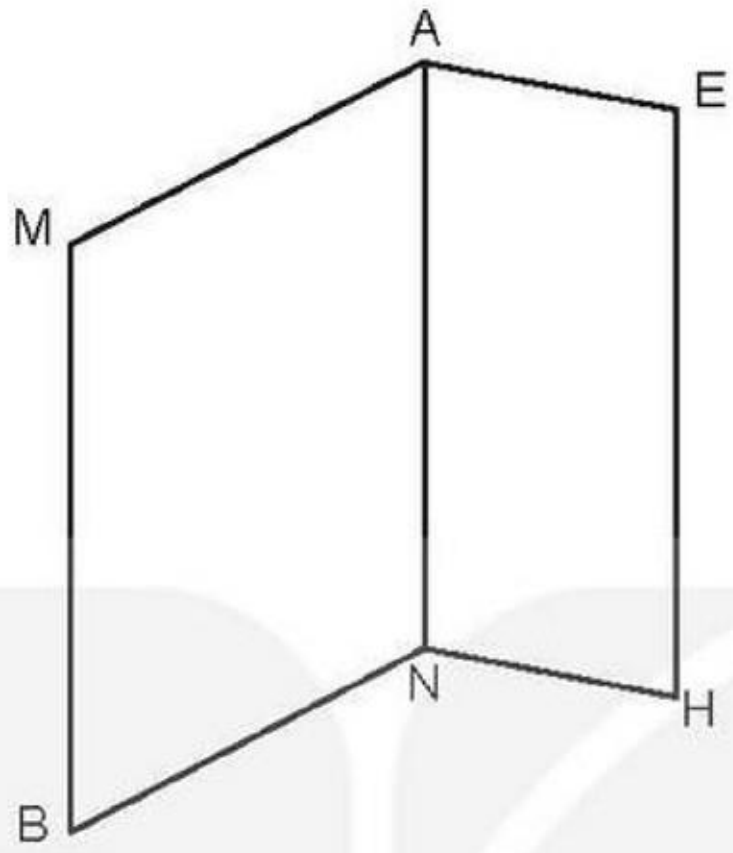
Các hình ..... là hình bình hành.

2 Hãy xác định điểm D và điểm Q để ABCD và MNPQ là hình bình hành và vẽ các hình bình hành đó.



3 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

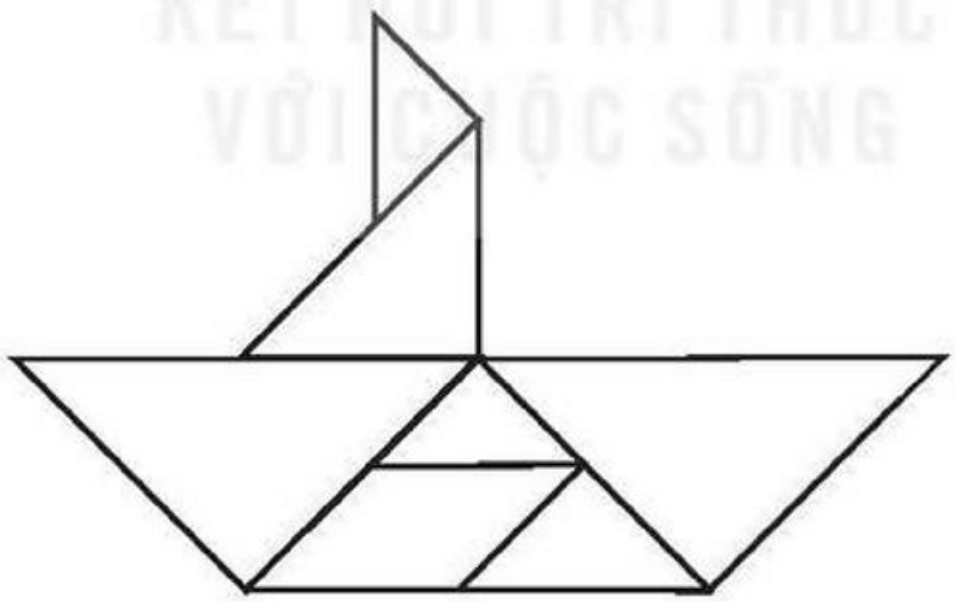
Cho BMAN và ANHE đều là hình bình hành. Biết độ dài MB bằng 3 dm.



a) Độ dài đoạn EH bằng .....

b) Những đoạn thẳng song song với đoạn AN là .....

4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

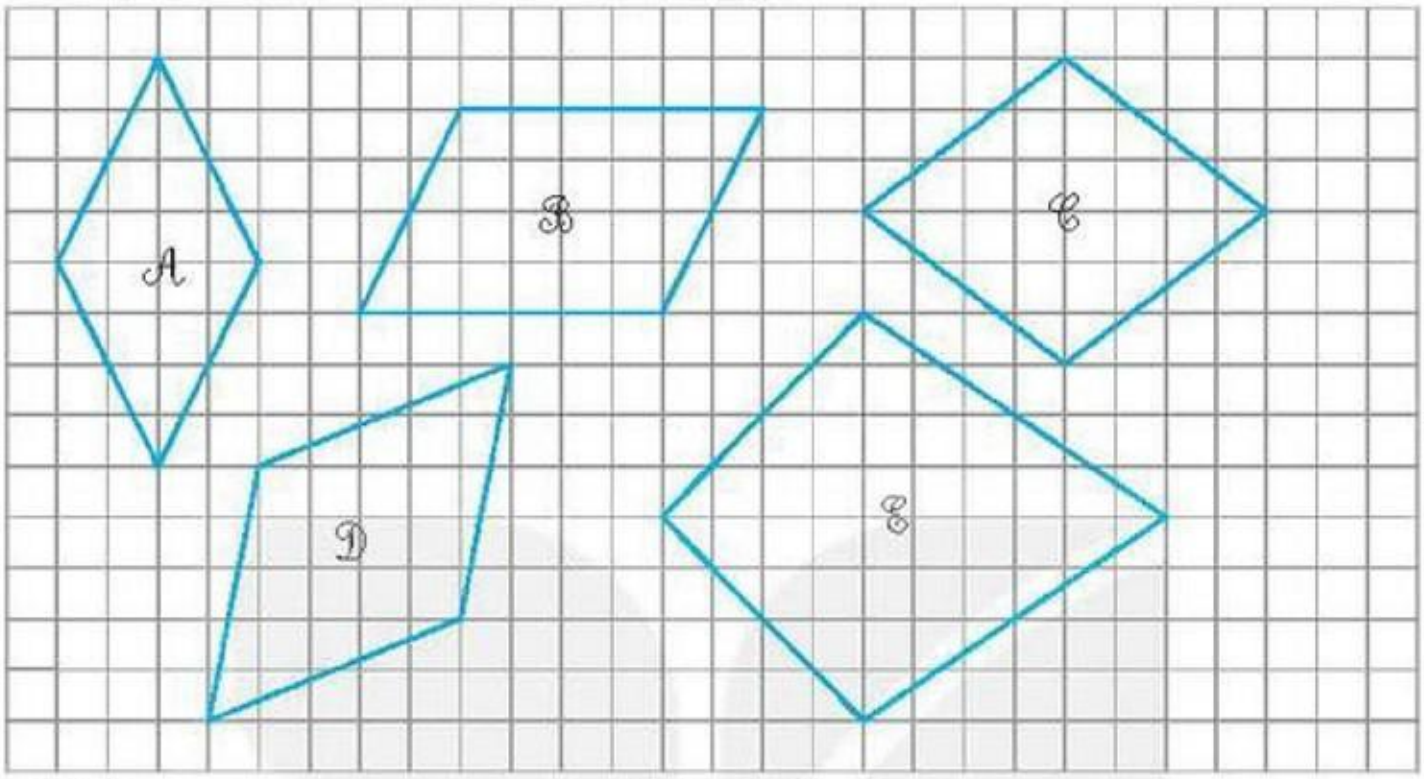


Hình trên có mấy hình bình hành?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Tiết 2

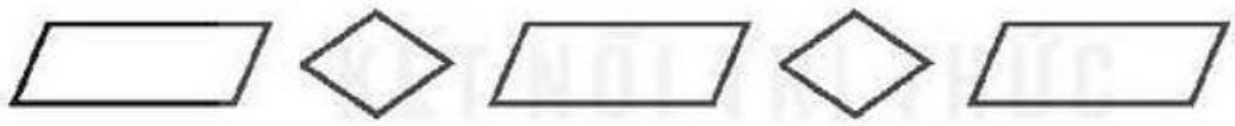
1 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.



Các hình ..... là hình thoi.

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Cho dãy hình theo quy luật như sau:

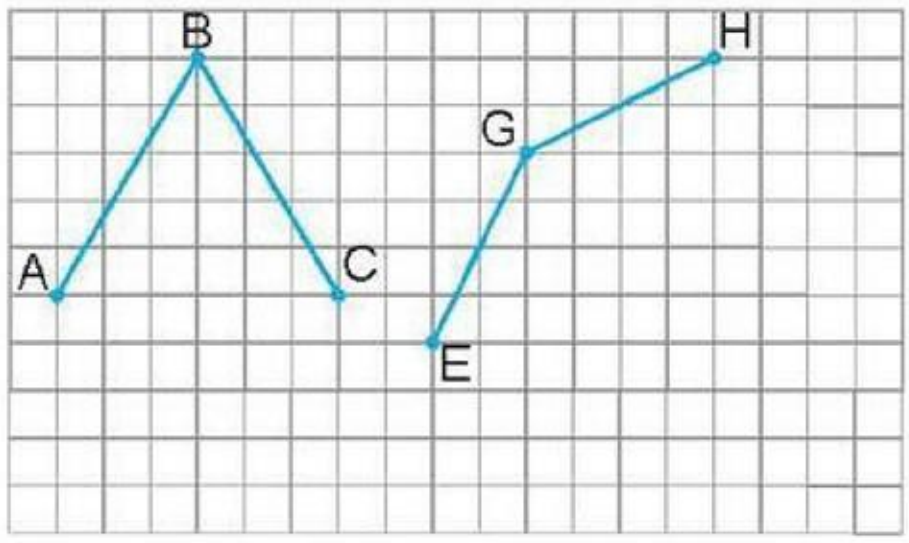


?

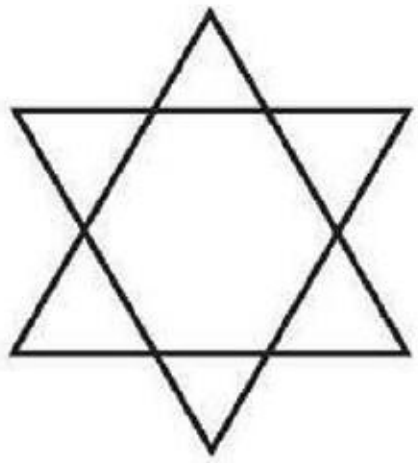
Hình thích hợp với vị trí dấu "?" có dạng hình gì?

A. Hình bình hành B. Hình chữ nhật C. Hình thoi

3 Hãy xác định điểm D và điểm I để ABCD và EGHI là hình thoi và vẽ các hình thoi đó.



4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.



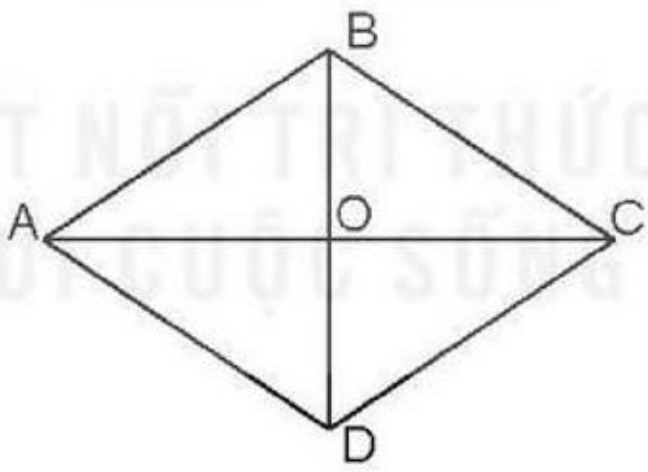
Hình trên có mấy hình thoi?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Tiết 3

1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Cho hình thoi ABCD. Hai đường chéo AC và BD của hình thoi cắt nhau tại điểm O.



a) Dùng ê ke để kiểm tra xem hai đường chéo có vuông góc với nhau hay không?

A. Hai đường chéo vuông góc với nhau.

B. Hai đường chéo **không** vuông góc với nhau.

b) Dùng thước thẳng để kiểm tra xem hai đường chéo có cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường hay không?

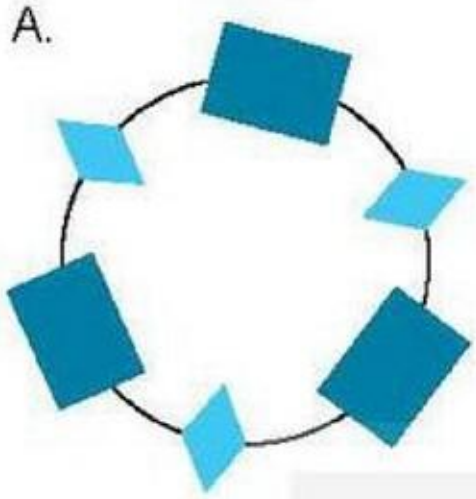
A. Hai đường chéo **không** cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

B. Hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

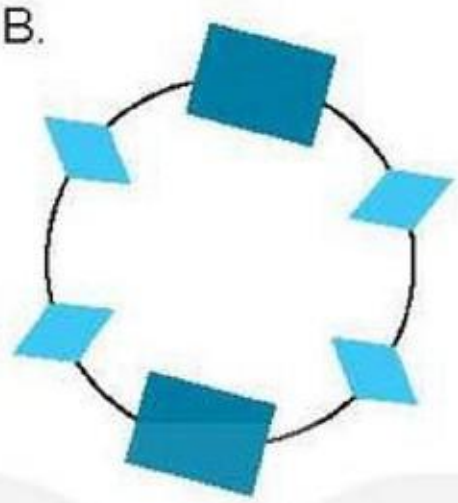
2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Bạn Mai có 3 hạt vòng dạng hình thoi và 3 hạt vòng dạng hình chữ nhật. Bạn Mai **không** thể xâu được chuỗi vòng nào trong các chuỗi vòng dưới đây?

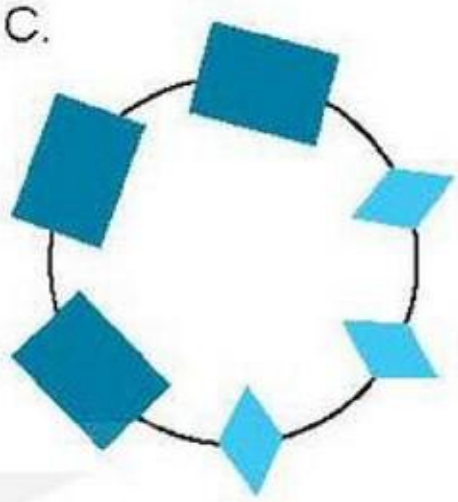
A.



B.

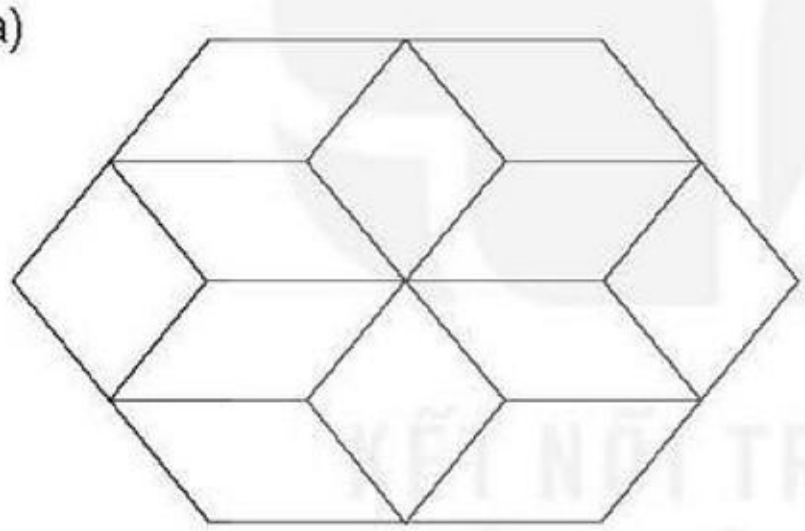


C.

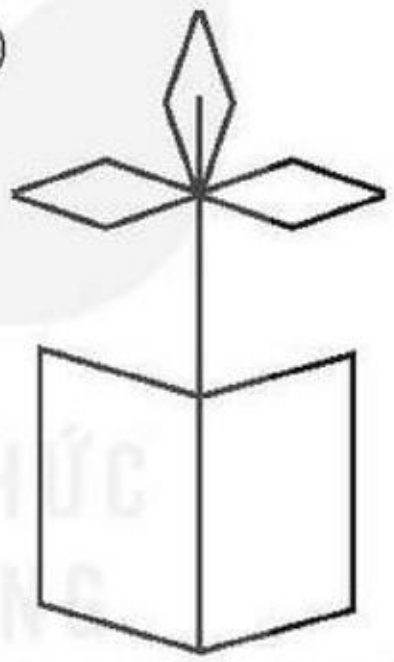


3 Em hãy tô màu các hình thoi có trong những hình dưới đây.

a)



b)



4 Em hãy vẽ rồi trang trí một hình mà trong hình đó có sử dụng các hình thoi và các hình bình hành nhé!

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 32 LUYỆN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 Quan sát hình vẽ và trả lời câu hỏi.

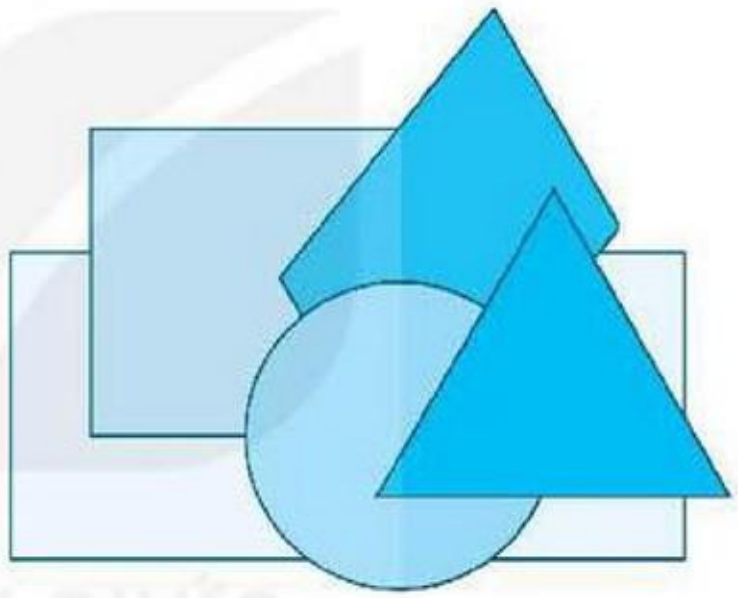
Việt có một chồng các hình gồm hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật và hình bình hành như sau:

Việt muốn lấy từng hình mà không làm xê dịch các hình còn lại. Hỏi Việt cần lấy các hình đó theo thứ tự như thế nào?

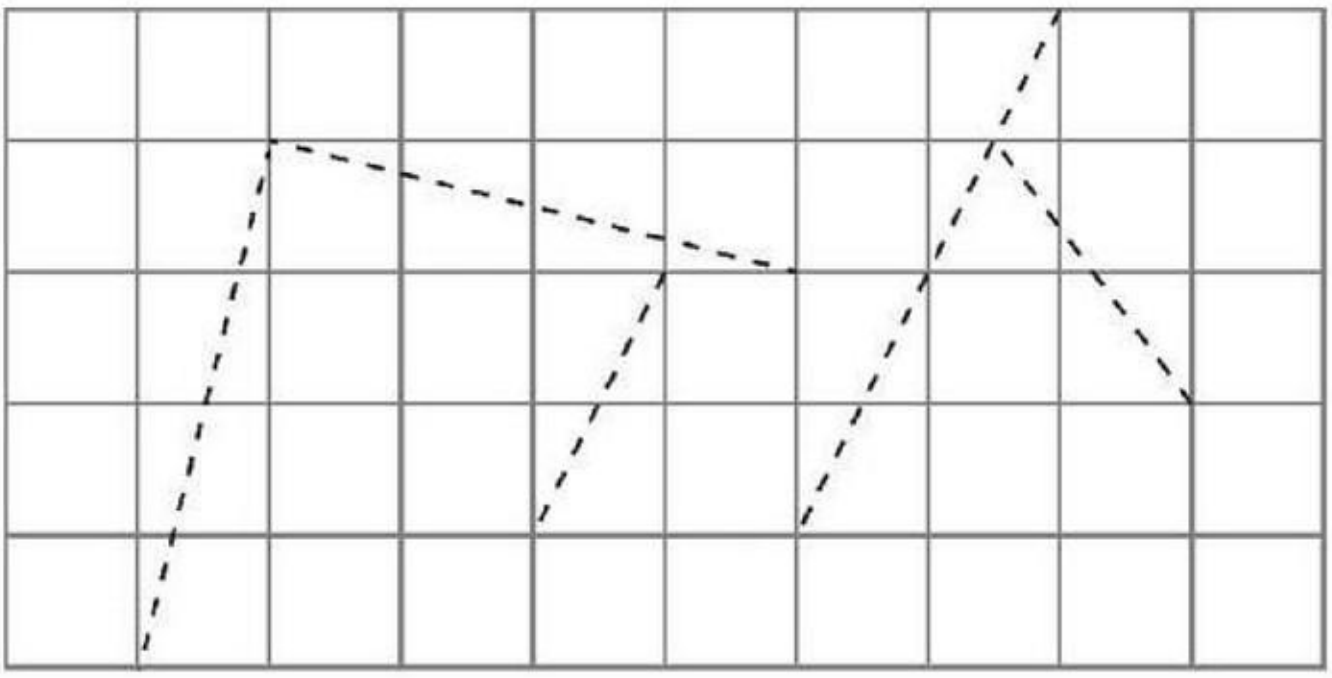
.....

.....

.....

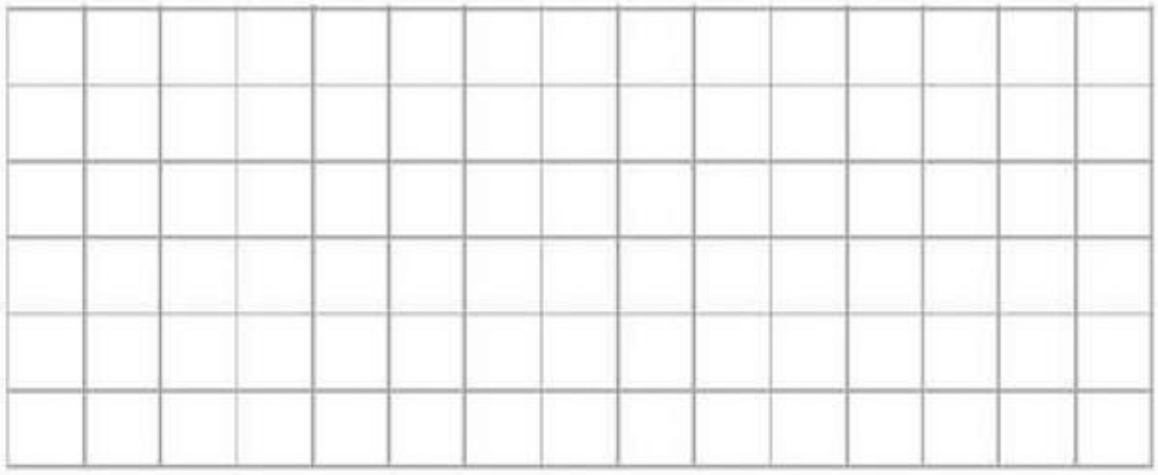


2 Cho 5 đoạn thẳng trong hình dưới đây. Hãy tìm và tô màu đỏ cho hai đoạn thẳng vuông góc với nhau, màu xanh cho hai đoạn thẳng song song với nhau trong hình đó.



3 a) Vẽ hình tròn tâm O, đường kính AB.

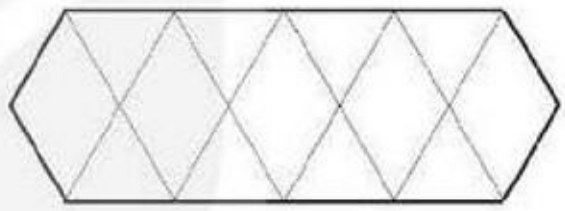
b) Vẽ bán kính OC. Vẽ đường thẳng MN qua C và song song với đoạn thẳng AB.



4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Mai có một số hình thoi có dạng: .

Mai muốn xếp các hình thoi đó vào hình bên mà các hình thoi không được xếp chồng lên nhau.



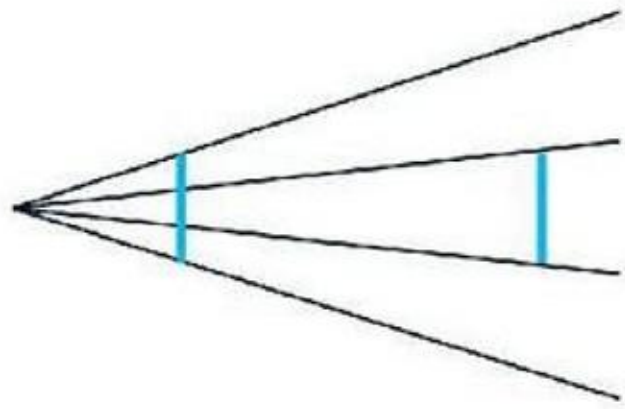
Mai đã tìm cách xếp được nhiều hình thoi nhất có thể. Hỏi Mai có thể xếp được nhiều nhất bao nhiêu hình thoi?

A. 8 hình B. 9 hình C. 10 hình D. 11 hình

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tiết 2

1 Quan sát hình bên và trả lời câu hỏi.



a) Theo dự đoán của em thì hai đoạn thẳng song song trong hình bên có cùng độ dài hay không?

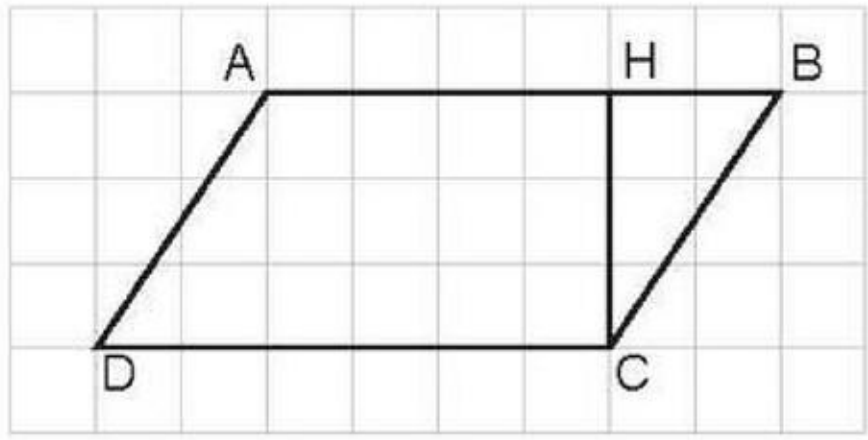
.....

.....

b) Kiểm tra lại bằng cách sử dụng thước kẻ. Theo kết quả kiểm tra thì hai đoạn thẳng đó có cùng độ dài hay không?

.....

2 Đ, S ?



Trong hình trên có:

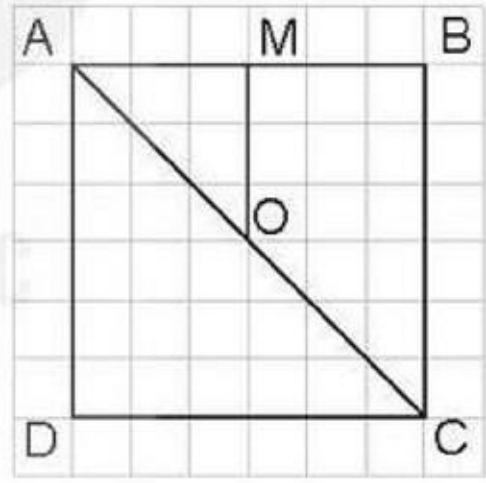
a) Đoạn thẳng AD song song với đoạn thẳng BC. ☐

b) Đoạn thẳng HC song song với đoạn thẳng AD. ☐

c) Đoạn thẳng HC vuông góc với đoạn thẳng DC. ☐

d) Đoạn thẳng AH song song với đoạn thẳng BC. ☐

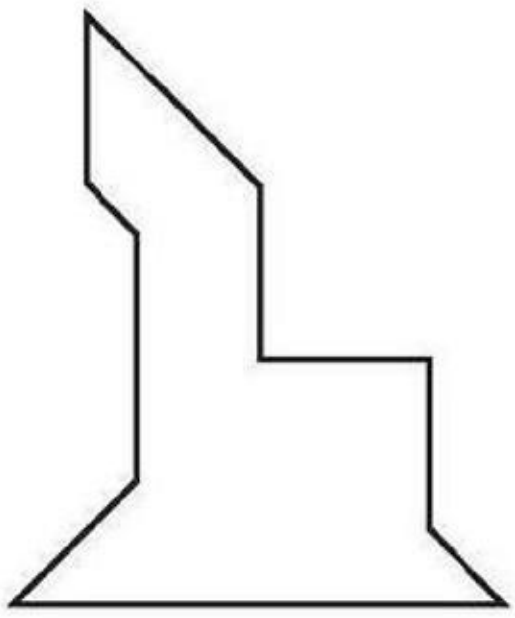
3 a) Vẽ đoạn thẳng MN song song với đoạn thẳng AC, điểm N nằm trên đoạn thẳng BC.



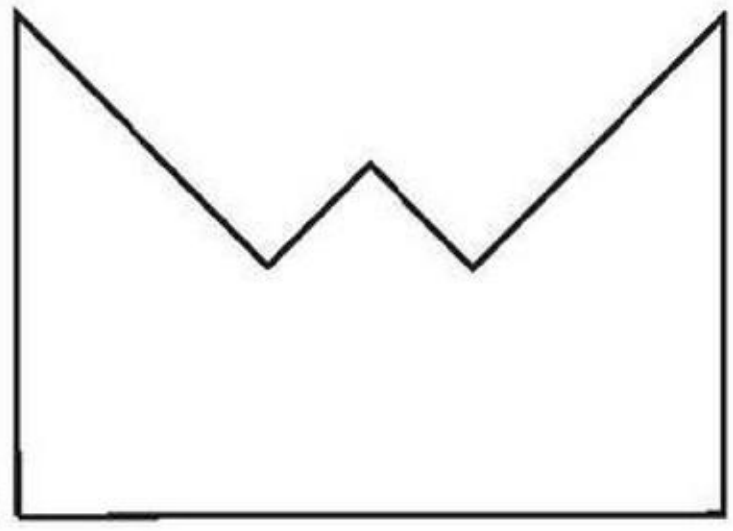
b) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

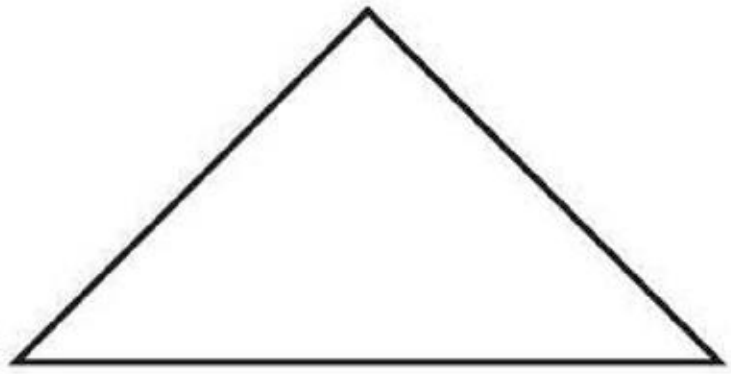
Nếu cắt hình vuông ABCD ở hình bên thành các phần theo đoạn thẳng AC, OM và MN thì với các phần đó, ta không thể ghép được hình nào trong các hình dưới đây?

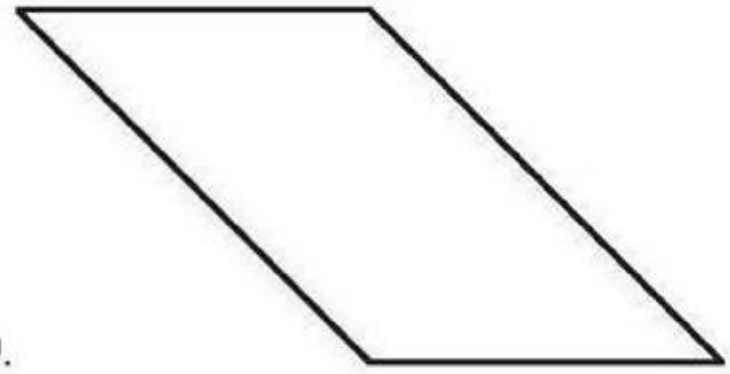
A.



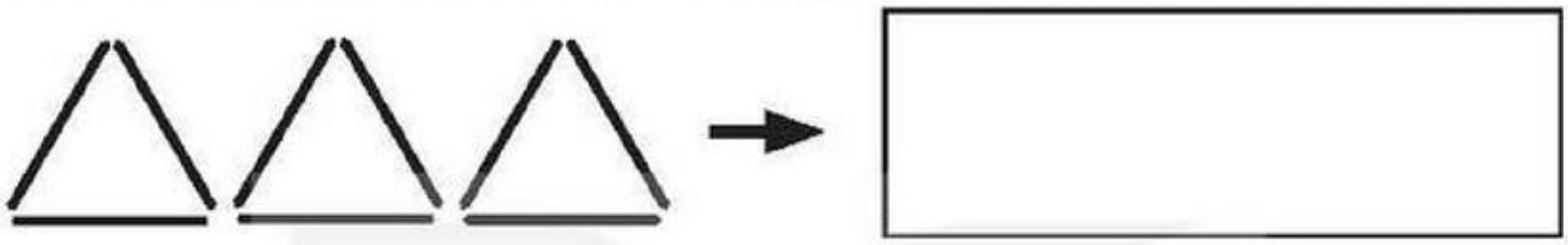
B.



C. 

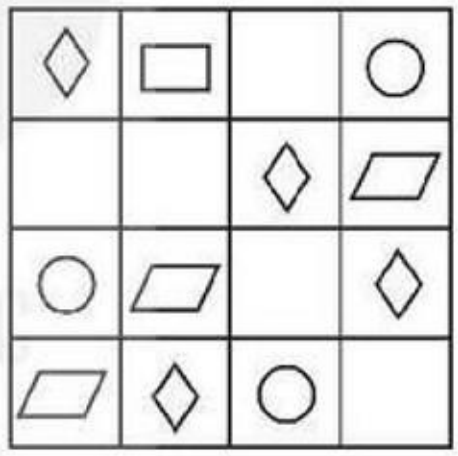
D. 

4 Lấy các que tính xếp thành hình dưới đây. Di chuyển 2 que tính để được 3 hình thoi. Hãy vẽ hình mô tả cách xếp các que tính sau khi di chuyển.

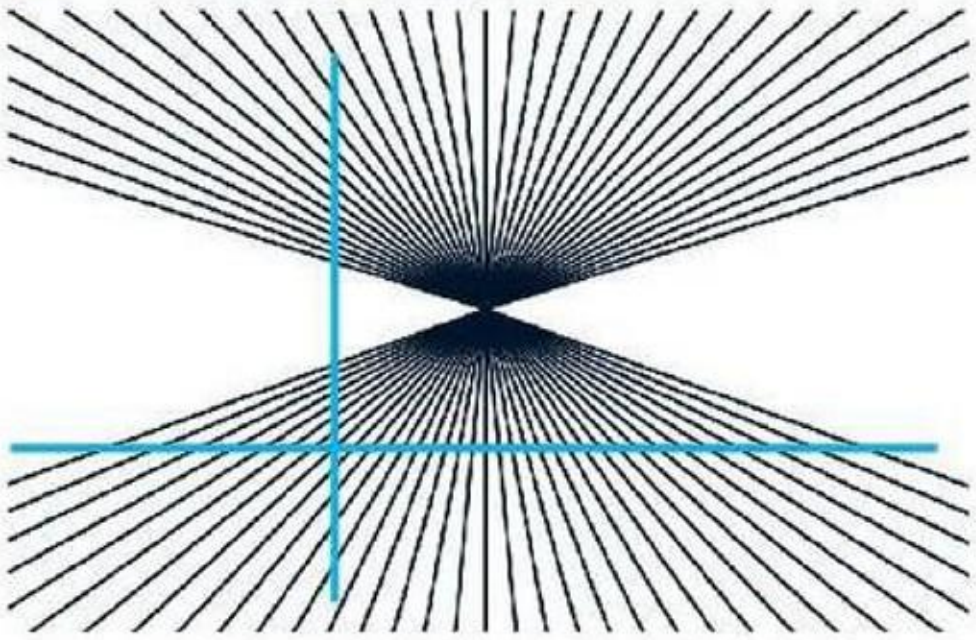


Tiết 3

1 Rô-bốt muốn vẽ các hình: ◇, ▭, ○, ▱ vào các ô trong bảng sao cho mỗi hình chỉ xuất hiện đúng một lần trên mỗi hàng và trên mỗi cột. Rô-bốt đã vẽ hình tại một số ô như hình bên. Hãy giúp Rô-bốt vẽ hình trong các ô còn lại nhé!

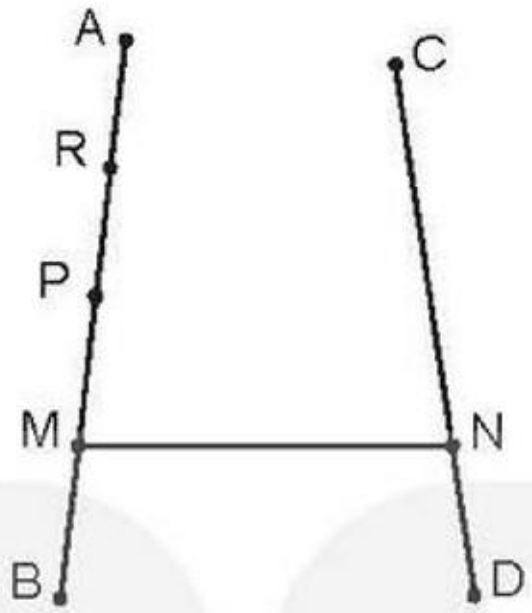


2 Điền vuông góc hoặc không vuông góc vào chỗ chấm cho thích hợp.

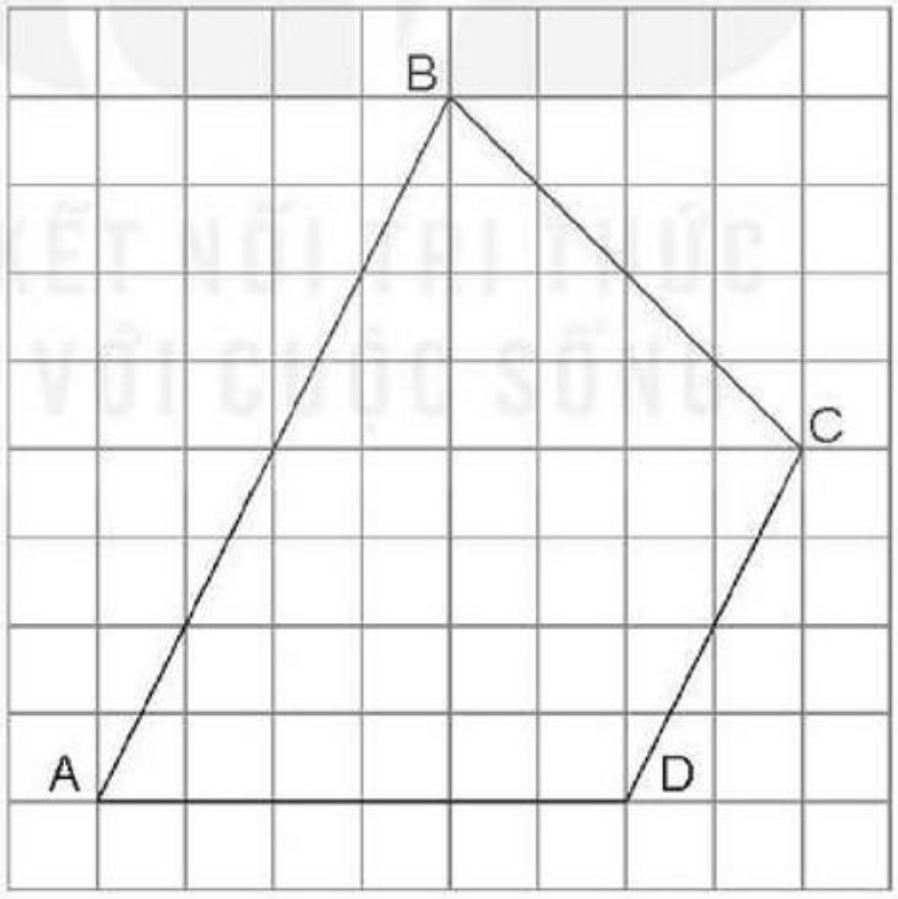


Hai đường thẳng màu xanh trong hình ..... với nhau.

3 Vẽ đoạn thẳng PQ và đoạn thẳng RS song song với đoạn thẳng MN (Q và S nằm trên đoạn thẳng CD) để hoàn thành hình vẽ cái thang dưới đây.



4 Vẽ một đường thẳng chia hình tứ giác ABCD thành hai hình trong đó có 1 hình bình hành.



BÀI 33

ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN LỚP TRIỆU

Tiết 1

1 Nối số dân (theo Nhà xuất bản Thống kê năm 2019) với cách đọc số đó.

Cao Bằng 530 341	Ba triệu ba trăm hai bảy nghìn bảy trăm chín mươi mốt.
Hải Phòng 2 028 514	Năm trăm ba mươi nghìn ba trăm bốn mươi mốt.
Nghệ An 3 327 791	Một triệu một trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm mười ba.
Vũng Tàu 1 148 313	Hai triệu không trăm hai mươi tám nghìn năm trăm mười bốn.
Bình phước 994 679	Một triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi mốt.
Cần Thơ 1 235 171	Chín trăm chín mươi tư nghìn sáu trăm bảy mươi chín.

2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Cho số 805 713 354.

a) Các chữ số thuộc lớp triệu của số đã cho là .....

b) Các chữ số thuộc lớp nghìn của số đã cho là .....

c) Các chữ số thuộc lớp đơn vị của số đã cho là .....

3 a) Viết (theo mẫu).

Mẫu: 59 037 = 50 000 + 9 000 + 30 + 7.

64 507 = ...

480 699 = ...

372 460 = ...

7 401 923 = ...

b) Số ?

40 000 + 8 000 + 600 + 50 + ☐ = 48 652

900 000 + 30 000 + ☐ + 70 + 4 = 930 574

2 000 000 + 60 000 + 1 000 + ☐ = 2 061 080

4 Số ?

Số	7 951	65 319	509 200	9 257 683
Giá trị của chữ số 5	50			
Giá trị của chữ số 9	900			

5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Cho một số có bốn chữ số. Khi viết thêm chữ số 3 vào trước số đó thì được số mới có năm chữ số lớn hơn số đã cho là:

A. 30 B. 3 000 C. 30 000 D. 300

Tiết 2

1 >; <; = ?

a) 99 879 ☐ 102 300

382 846 ☐ 379 957

5 036 120 ☐ 4 988 210

b) 45 710 ☐ 40 000 + 5 000 + 700 + 10

650 802 ☐ 600 000 + 60 000 + 800

9 070 005 ☐ 9 000 000 + 70 000 + 50

2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Bảng thống kê dưới đây cho biết số lượt khách du lịch của một số nước châu Á đến Việt Nam năm 2019 (theo Niên giám thống kê năm 2019).

Tên nước	Số lượt khách du lịch đến Việt Nam
Nhật Bản	952 000
Phi-líp-pin	179 200
In-đô-nê-xi-a	106 700
Hàn Quốc	4 290 800

a) Nước ..... có số lượt khách du lịch đến Việt Nam nhiều nhất.

Nước ..... có số lượt khách du lịch đến Việt Nam ít nhất.

b) Số lượt khách du lịch đến Việt Nam của nước Nhật Bản nhiều hơn số lượt khách du lịch của các nước .....

3 Số học sinh cấp Tiểu học vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 1 484 598 học sinh (theo Niên giám thống kê năm 2020).

a) Đ, S ?

Nếu làm tròn đến hàng trăm, số học sinh cấp Tiểu học vùng Đồng bằng sông Cửu Long:

– Có khoảng 1 484 600 học sinh. ☐

– Có khoảng 1 484 500 học sinh. ☐

b) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Số học sinh cấp Tiểu học vùng Đồng bằng sông Cửu Long làm tròn đến:

– Hàng ..... có khoảng 1 485 000 học sinh.

– Hàng ..... có khoảng 1 500 000 học sinh.

– Hàng ..... có khoảng 1 480 000 học sinh.

4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Trong siêu thị điện máy, cô bán hàng đã đặt nhầm biển giá tiền của bốn loại máy tính như sau:



A

20 800 000 đ



C

21 300 000 đ



B

18 500 000 đ



D

19 600 000 đ

Biết rằng, máy tính B có giá cao nhất, máy tính C có giá cao hơn máy tính A nhưng thấp hơn máy tính D.

– Giá tiền của loại máy tính A là ..... đồng.

– Giá tiền của loại máy tính B là ..... đồng.

– Giá tiền của loại máy tính C là ..... đồng.

– Giá tiền của loại máy tính D là ..... đồng.

5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Khi viết thêm 1 chữ số 0 vào bên phải số 3 652 thì được số mới có năm chữ số gấp số 3 652 là:

A. 10 lần

B. 100 lần

C. 1 000 lần

D. 10 000 lần

BÀI 34

ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ

Tiết 1

1 Tính nhẩm.

a) 80 000 + 40 000 = ...

600 000 + 900 000 = ...

130 000 – 60 000 = ...

1 400 000 – 800 000 = ...

b) 60 000 + 70 000 – 50 000 = ...

170 000 – 90 000 + 30 000 = ...

800 000 – 500 000 + 700 000 = ...

2 Đặt tính rồi tính.

8 273 + 7 464	9 359 + 85 426
.....	.....
.....	.....
.....	.....
13 947 – 6 573	167 285 – 96 546
.....	.....
.....	.....
.....	.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Nối mỗi biểu thức với giá trị của biểu thức đó rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

80 000 + 50 000 + 7 350 A	573 264 – 400 000 – 50 000 B
200 000 – 80 000 + 5 462 C	632 187 + 200 000 – 700 000 D

125 462 | 137 350 | 132 187 | 123 264

Trong các biểu thức A, B, C, D, biểu thức ..... có giá trị bé nhất, biểu thức ..... có giá trị lớn nhất.

4 Tổng số dân của ba xã Đoàn Kết, Chiến Thắng, Hoà Bình là 32 530 người. Trong đó, tổng số dân của xã Đoàn Kết và Chiến Thắng là 22 190 người. Tính số dân của mỗi xã, biết rằng số dân của xã Chiến Thắng nhiều hơn số dân của xã Hoà Bình 460 người.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5 Tính giá trị của biểu thức.

171 928 – (123 382 + 7 546) – 900 = ...

= .....

= .....

Tiết 2

1 Tính nhẩm.

a) 7 000 000 + 6 000 000 = ...

90 000 000 + 70 000 000 = ...

14 000 000 – 8 000 000 = ...

170 000 000 – 90 000 000 = ...

b) 7 000 000 + 8 000 000 – 9 000 000 = ...

150 000 000 – 70 000 000 + 40 000 000 = ...

2 Đặt tính rồi tính.

75 849 + 581 736

.....

.....

.....

827 394 + 458 231

.....

.....

.....

324 685 – 190 567

.....

.....

.....

1 261 609 – 635 342

.....

.....

.....

3 Hình dưới đây cho biết giá tiền của một số món đồ.



145 000 đ



225 000 đ



240 000 đ



120 000 đ

a) Nam mua một đôi giày và một ô tô, Nam đưa cho cô bán hàng tờ tiền 500 000 đồng. Hỏi cô bán hàng trả lại Nam bao nhiêu tiền?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

b) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Với tờ tiền 500 000 đồng, Nam đủ tiền mua được ba món đồ nào dưới đây?

A. Đôi giày, đôi dép, ô tô.

B. Đôi giày, đôi dép, thỏ bông.

C. Đôi giày, ô tô, thỏ bông.

D. Đôi dép, ô tô, thỏ bông.

4 Tính bằng cách thuận tiện.

a) 25 360 + 5 300 + 4 700 + 4 540 = ...

= .....

= .....

b) 4 800 + 3 500 – 7 250 + 2 450 = ...

= .....

= .....

Tiết 3

1 Đặt tính rồi tính.

187 250 + 16 593	307 864 – 146 160	746 237 + 24 253
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

2 Đ, S ?

a) 130 000 + 170 000 = 300 000 ☐

b) 800 000 – 250 000 = 450 000 ☐

c) 12 000 000 – 5 000 000 – 2 000 000 = 5 000 000 ☐

3 Sau buổi lễ chào cờ, bạn Thuỷ thu dọn ghế nhựa của lớp thì thấy có tất cả 43 cái ghế nhựa màu xanh và màu đỏ. Số ghế màu xanh nhiều hơn số ghế màu đỏ 5 cái. Hỏi lớp của Thuỷ có bao nhiêu cái ghế màu xanh và bao nhiêu cái ghế màu đỏ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

4 >; <; = ?

a) 91 050 + 2 050 – 4 000 ☐ 166 013 – (400 000 – 300 000)

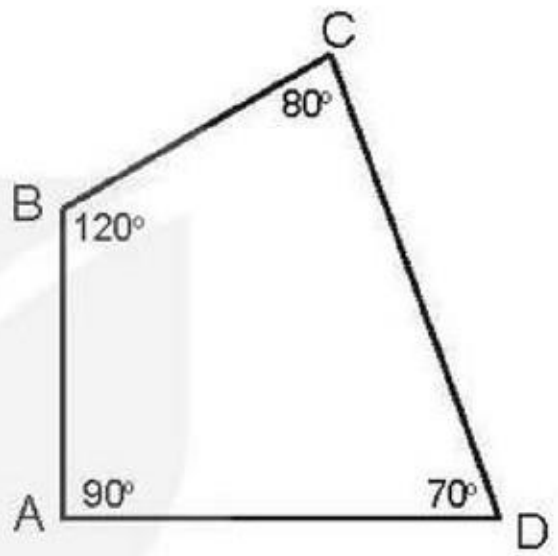
b) 27 569 + 200 124 – 5 569 ☐ 1 034 400 + 200 651 + 2 600

KẾT NỐI TRI THỨC

BÀI 35 ÔN TẬP HÌNH HỌC

Tiết 1

1 a) Quan sát hình dưới đây rồi viết số đo các góc của hình tứ giác ABCD (theo mẫu).



Mẫu: Góc đỉnh A; cạnh AB, AD bằng 90°.

Góc đỉnh B; cạnh BA, BC bằng .....

Góc đỉnh C; cạnh CB, CD bằng .....

Góc đỉnh D; cạnh DC, DA bằng .....

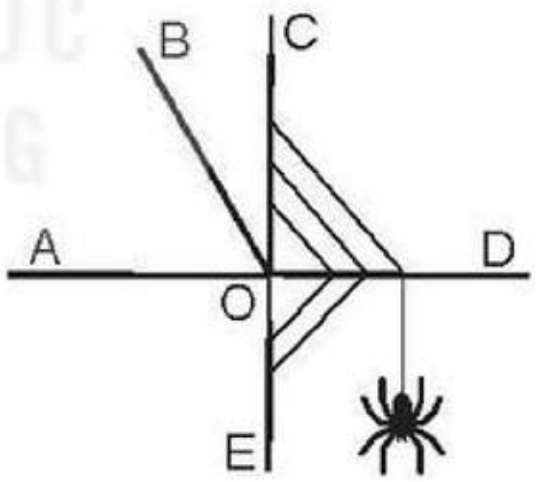
b) Các góc nhọn trong hình bên là .....

.....

Góc tù trong hình bên là: .....

Góc vuông trong hình bên là: .....

2 Dùng thước đo góc để tìm số đo các góc sau rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.



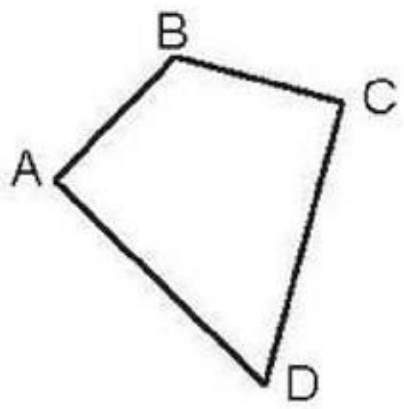
Góc đỉnh O; cạnh OA, OB bằng .....

Góc đỉnh O; cạnh OB, OD bằng .....

Góc đỉnh O; cạnh OC, OE bằng .....

Góc đỉnh O; cạnh OA, OE bằng .....

3 Viết tên các góc nhọn, góc vuông, góc tù có trong hình dưới đây.



.....

.....

.....

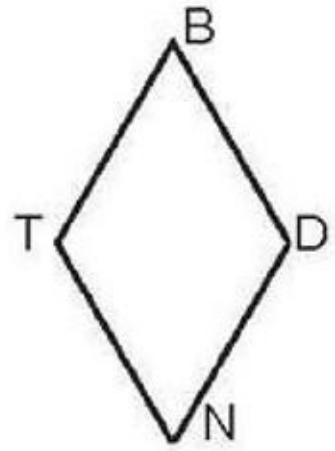
.....

.....

4 Dùng thước đo góc để tìm trong hình bên rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

a) Hai góc nhọn có số đo bằng nhau và bằng .....

b) Hai góc tù có số đo bằng nhau và bằng .....



Tiết 2

1 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

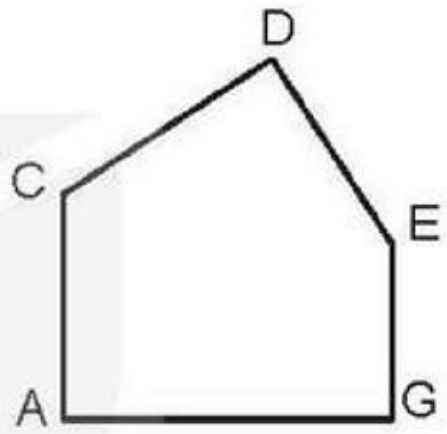
Trong hình bên có góc đỉnh A, góc đỉnh D và góc đỉnh G là góc vuông.

Trong hình bên có:

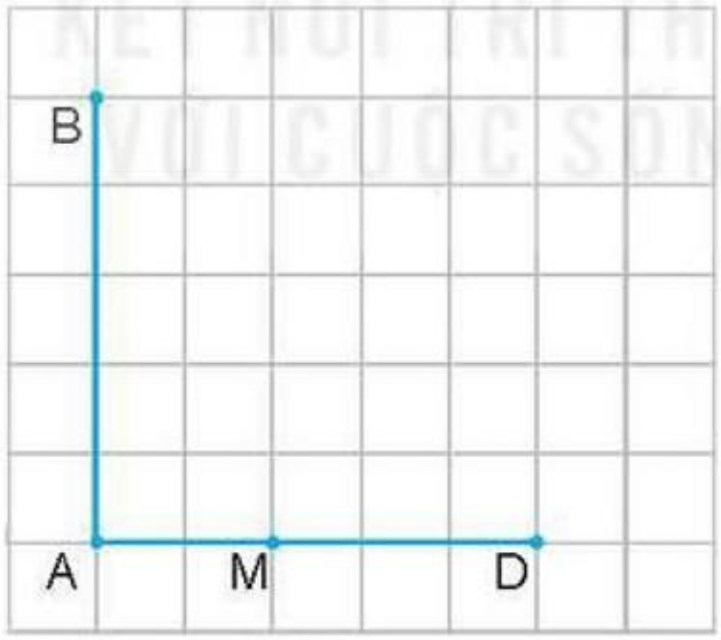
a) Các cặp cạnh vuông góc với nhau là:

AC và AG, ...

b) Các cặp cạnh cắt nhau và không vuông góc với nhau là: .....



2 a) Vẽ tiếp vào hình sau để có hình vuông ABCD và điểm M.



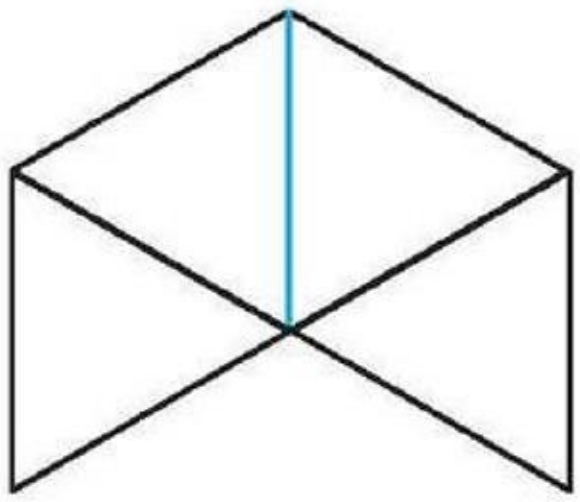
b) Vẽ đường thẳng đi qua điểm M và song song với cạnh AB, cắt cạnh BC tại điểm N.

c) Dùng ê ke để kiểm tra rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

MN vuông góc với cạnh ..... và cạnh .....

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Hình bên được xếp bởi các que tính.



a) Số hình thoi có trong hình bên là:

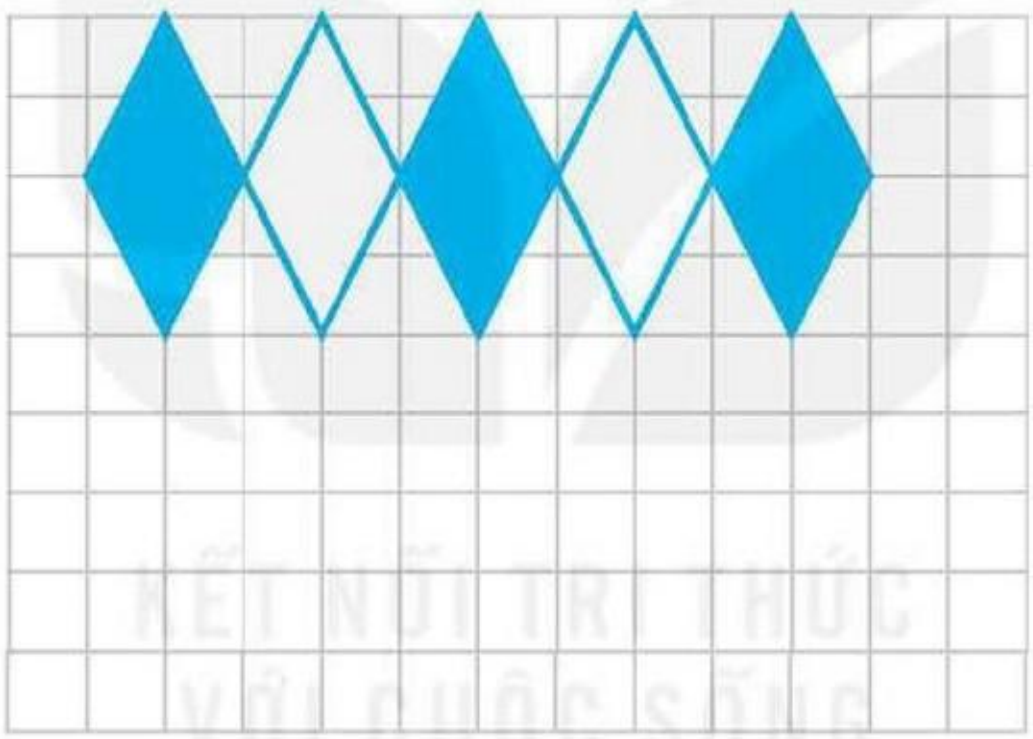
A. 1 B. 2

C. 3 D. 4

b) Số que tính được xếp song song với que tính màu xanh là:

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

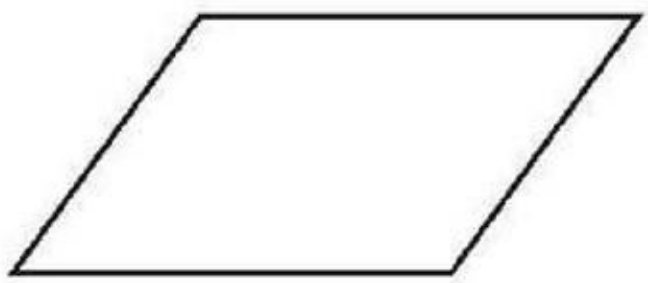
4 Vẽ hình (theo mẫu) rồi tô màu.



Tiết 3

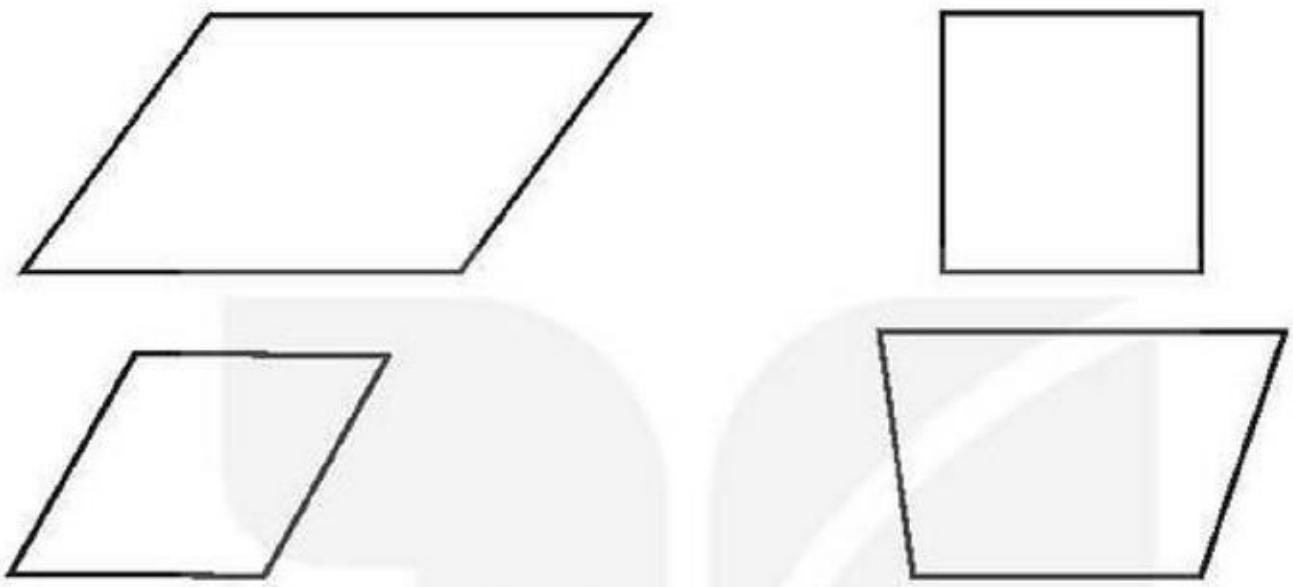
1 a) Tô màu vào hình thoi trong các hình dưới đây.







b) Tô màu vào hình tứ giác vừa có cặp cạnh song song, vừa có cặp cạnh vuông góc trong các hình tứ giác dưới đây.



2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) Cho hình bình hành ABCD như hình bên.

CD = ... cm

AD = ... cm

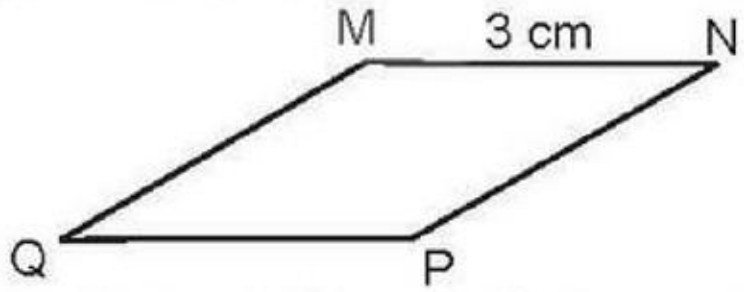


b) Cho hình thoi MNPQ như hình bên.

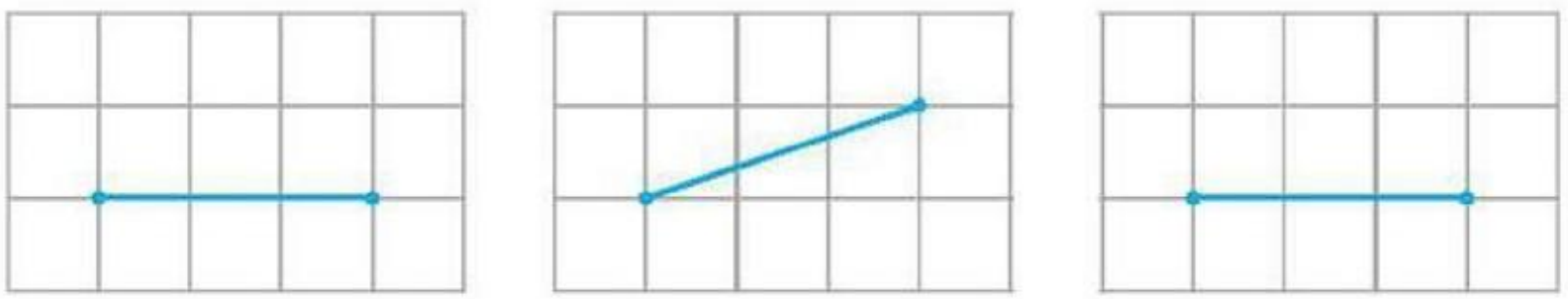
NP = ... cm

MQ = ... cm

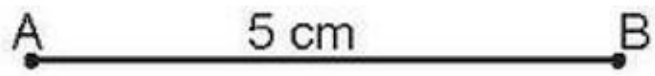
PQ = ... cm



3 Vẽ thêm một đoạn thẳng lần lượt vào mỗi đoạn thẳng sau để được một góc vuông, một góc nhọn, một góc tù.



4 Cho đoạn thẳng AB = 5 cm như hình dưới đây.



a) Qua điểm A, vẽ đoạn thẳng AD vuông góc với đoạn thẳng AB và AD = 3 cm. Qua điểm B, vẽ đoạn thẳng BC vuông góc với đoạn thẳng AB và BC = 3 cm.

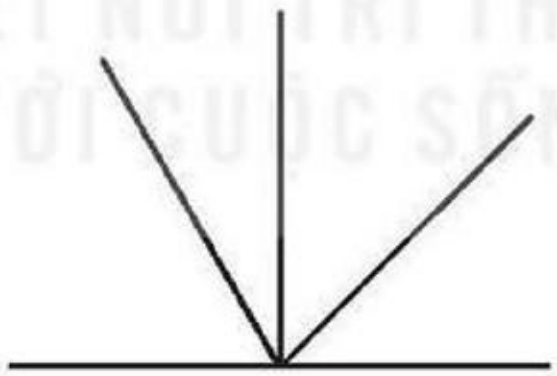
Nối D với C ta được hình tứ giác ABCD là hình chữ nhật.

b) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

– Cạnh AD và ..... là cặp cạnh song song.

– Cạnh AB và ..... là cặp cạnh song song và AB = ... = ... cm.

5 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.



Trong hình trên có:

Số góc vuông là: .....

Số góc nhọn là: .....

Số góc tù là: .....

Số góc bẹt là: .....

BÀI 36 ÔN TẬP ĐO LƯỜNG

Tiết 1

1 Số ?

a) 2 yến = ☐ kg

2 tạ = ☐ yến = ☐ kg

2 tấn = ☐ tạ = ☐ kg

b) 5 tạ = ☐ kg

3 tấn = ☐ tạ = ☐ kg

20 kg = ☐ yến

200 kg = ☐ tạ

2 000 kg = ☐ tấn

4 tạ 60 kg = ☐ kg

2 tấn 7 tạ = ☐ tạ

2 Số ?

a) 15 yến + 8 yến = ☐ yến

b) 4 tạ × 6 = ☐ tạ

36 tạ : 6 = ☐ tạ

25 tấn – 17 tấn = ☐ tấn

45 tạ : 5 = ☐ tạ

3 >; <; = ?

a) 4 kg 120 g ☐ 4 125 g

b) 6 tạ 5 yến ☐ 649 kg

c) 3 tấn 70 kg ☐ 3 700 kg

4 a) Con bò cân nặng 4 tạ 20 kg. Con trâu nặng hơn con bò 160 kg. Hỏi con bò và con trâu cân nặng tất cả bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

.....

.....

.....

b) Một con voi nặng gấp đôi tổng số cân nặng của con bò và con trâu (ở câu a). Hỏi con voi cân nặng mấy tấn?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

Tiết 2

1 Số ?

a) $2\ cm^2 = \square\ mm^2$ $\quad$ $300\ mm^2 = \square\ cm^2$

$2\ dm^2 = \square\ cm^2$ $\quad$ $300\ cm^2 = \square\ dm^2$

$2\ m^2 = \square\ dm^2$ $\quad$ $3\ m^2 = \square\ cm^2$

b) $3\ cm^2 = \square\ mm^2$ $\quad$ $6\ m^2 = \square\ cm^2$

$5\ dm^2 = \square\ cm^2$ $\quad$ $2\ dm^2\ 4\ cm^2 = \square\ cm^2$

$7\ m^2 = \square\ dm^2 = \square\ cm^2$ $\quad$ $3\ m^2\ 7\ dm^2 = \square\ dm^2$

c) 1 phút = ☐ giây $\quad$ 2 thế kỉ = ☐ năm

4 phút 15 giây = ☐ giây $\quad$ 500 năm = ☐ thế kỉ

2 Số ?

a) $70\ mm^2 + 20\ mm^2 = \square\ mm^2$ $\quad$ $42\ cm^2 - 23\ cm^2 = \square\ cm^2$

b) $8\ m^2 \times 5 = \square\ m^2$ $\quad$ $42\ dm^2 : 7 = \square\ dm^2$

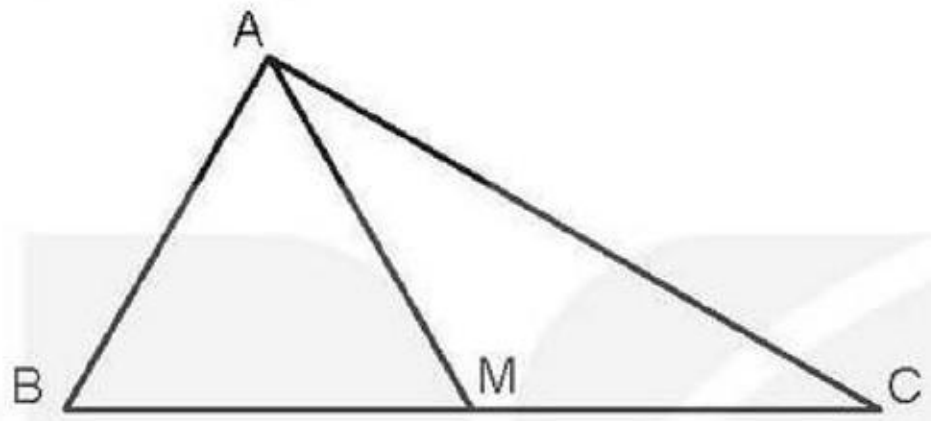
3 **>; <; =** ?

a) 4 cm^2 30 mm^2 ☐ 430 mm^2

b) 5 dm^2 60 mm^2 ☐ 6 dm^2

c) 3 cm^2 80 dm^2 ☐ 308 dm^2

4 Em hãy dùng thước đo góc để đo rồi viết số đo các góc vào chỗ chấm.



Góc đỉnh A; cạnh AB, AC bằng .....

Góc đỉnh M; cạnh MA, MB bằng .....

5 Mảnh đất trồng rau hình chữ nhật có chiều dài 15 m, chiều dài hơn chiều rộng 6 m. Tính diện tích một mảnh đất hình vuông có cạnh bằng chiều rộng của mảnh đất trồng rau đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI 37 ÔN TẬP CHUNG

Tiết 1

1 Số ?

Hàng							Viết số
Triệu	Trăm nghìn	Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị	
4	1	2	5	7	9	4	
							2 833 245
3		5		0	1		3 650 011
	4	9	7	0	0	8	

2 a) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Cho biết chữ số 9 ở mỗi số thuộc hàng nào, lớp nào.

– Trong số 9 343 625, chữ số 9 thuộc hàng ....., lớp .....

– Trong số 1 571 910, chữ số 9 thuộc hàng ....., lớp .....

– Trong số 2 189 764, chữ số 9 thuộc hàng ....., lớp .....

b) Viết giá trị của chữ số 8 trong mỗi số ở bảng sau.

Số	12 831	1 283 015	41 283	6 314 508
Giá trị của chữ số 8				

3 a) Viết các số 4 501; 5 410; 5 140; 4 105 theo thứ tự từ bé đến lớn là:

.....

b) Viết các số 23 619; 32 136; 9 999; 31 263 theo thứ tự từ lớn đến bé là:

.....

4 Đặt tính rồi tính.

3 675 + 2 918	40 613 + 47 519	7 641 – 2 815	62 748 – 35 261
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

5 Một khu vườn ươm cây giống dạng hình chữ nhật có chiều rộng 25 m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Người ta làm hàng rào xung quanh khu vườn đó và để cửa vào rộng 6 m. Hỏi hàng rào khu vườn đó dài bao nhiêu mét?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết 2

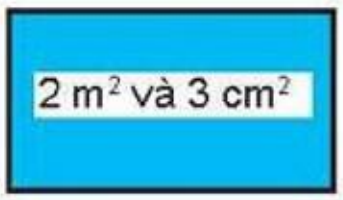
1 Đặt tính rồi tính.

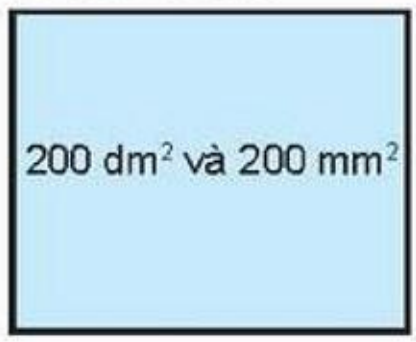
12 043 × 5	8 206 × 6	67 015 : 3	9 024 : 4
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
		.....	.....
		.....	.....
		.....	

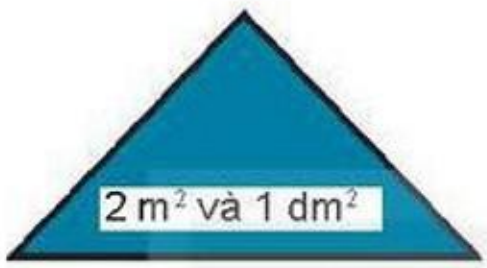
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 a) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Trong các hình dưới đây, hình nào có diện tích bé nhất?

A. 

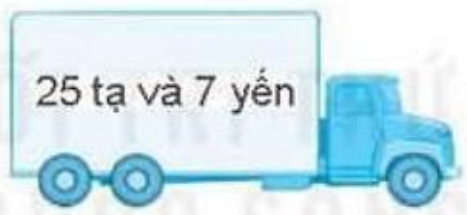
B. 

C. 

b) Mỗi ô tô chở số lượng hàng hoá được ghi như hình vẽ sau. Hỏi ô tô nào chở hàng hoá nặng nhất? Khoanh vào ô tô đó.







3 Chia đều 250 kg gạo vào 5 bao tải và chia đều 200 kg ngô vào 5 bao tải. Hỏi một bao tải gạo nhiều hơn một bao tải ngô bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4 Thống kê số huy chương vàng, bạc, đồng (HCV, HCB, HCĐ) mà đoàn thể thao người khuyết tật Việt Nam giành được tại ASEAN Para Games 11 (theo Báo Quân đội Nhân dân, ngày 6/8/2022).

STT	Môn	HCV	HCB	HCĐ
1	Bơi	27	20	12
2	Điền kinh	15	25	16
3	Cử tạ	10	8	3
4	Cầu lông			3
5	Bóng bàn		1	10
6	Cờ vua	13	6	11
7	Judo		2	1
8	Bắn cung			
Tổng		65	62	56

Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

– Tổng số các huy chương kể cả ba loại vàng, bạc, đồng của đoàn Việt Nam giành được tại ASEAN Para Games là ..... chiếc.

– Trong các môn thi đấu gồm bơi, điền kinh, cử tạ và cờ vua, môn ..... có số huy chương vàng nhiều nhất.

5 Một cánh đồng muối thu hoạch được 6 tấn 5 tạ muối. Người ta dùng hai ô tô để chở hết số muối đó về kho. Biết ô tô thứ nhất chở nhiều hơn ô tô thứ hai 500 kg. Hỏi mỗi ô tô chở bao nhiêu tạ muối?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: VŨ MINH HẢI – BÙI THU TRANG
Thiết kế sách: PHẠM NGỌC THÀNH
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: PHAN THỊ THANH BÌNH – PHẠM THỊ TÌNH
Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

VỞ BÀI TẬP TOÁN 4 - TẬP MỘT
Mã số: G1BH4T001H23
In ..... cuốn (QĐ .....), khổ 17 x 24cm.
In tại .....
Số ĐKXB: 8-2023/CXBIPH/5-2097/GD
Số QĐXB: ..... /QĐ-GD ngày ... tháng ... năm 202
In xong và nộp lưu chiểu tháng ..... năm .....
Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-34949-1
Tập hai: 978-604-0-34950-7



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ VỞ BÀI TẬP LỚP 4 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập một
2. Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập hai
3. Vở bài tập Toán 4, tập một
4. Vở bài tập Toán 4, tập hai
5. Vở bài tập Khoa học 4
6. Vở bài tập Đạo đức 4
7. Vở bài tập Mĩ thuật 4
8. Vở bài tập Âm nhạc 4
9. Vở bài tập Công nghệ 4
10. Vở bài tập Lịch sử và Địa lí 4
11. Vở bài tập Tin học 4
12. Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 4
13. Tiếng Anh 4 – Global Success – Sách bài tập

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: http://hanhtrangso.nxbgd.vn

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập http://hanhtrangso.nxbgd.vn và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.

ISBN 978-604-0-34949-1

9 786040 349491

Giá: ..... đ